

Tác Giả và Tác Phẩm

Ngô Tự Lập

Tiểu sử

Sinh ngày 4.6.1962 tại Hà Nội. Hiện đang sinh sống ở trong nước.

Tác phẩm

Tập truyện: Vĩnh biệt đảo hoang (1991), Tháng có 15 ngày (1993), Mùa đại bàng (1995) Mộng du và những truyện khác (1997) Giác ngủ kỳ lạ của ông Lương Tử Ban (2005)
Tập thơ: Tặng người nhóm lửa (1991), Thế giới và tôi (1997),
Chuyến bay đêm tháng sáu (2000)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Lửa trong lòng biển – 3

Ba mươi năm: Khoảng cách & dấu nổi - Trần Huệ Tâm - 8

Bão lạc mùa - 9

Xác chết trả thù – 16

Phụ đính:

Hóa Thân - Mộng Du - Cuốn triết học văn chương...

Hoa hồng vàng - Thợ đào đá truyền kiếp – Cuộc thăm sát - Gã trốn lính

Tội lỗi đầu tiên...- Chiếc cầu - Vĩnh biệt đảo hoang – Bảng chữ cái

Ngôi sao trên đỉnh giác Mù Chang – Đợi bạn

Bức tường cuối cùng - Giác ngủ kỳ lạ của ông Lương Tử Ban

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Ngô Tự Lập sinh ngày 4/6/1962 tại Hà Nội. Tốt nghiệp Đại học hàng hải, Baku, Liên Xô (1980-1986), sau đó làm thuyền trưởng một tàu đổ bộ (lữ 125-HQ). Năm 1990 chuyển về Toà án Quân sự Trung ương và đi học chuyên tu Đại học luật. Năm 1993, ngay sau khi tốt nghiệp, Ngô Tự Lập chuyển về làm biên tập viên văn học tại nhà xuất bản Quân đội Nhân dân. Năm 1993, anh sáng lập tờ *Con Thoi Thị Trường*, có lẽ là tờ báo chuyên về quảng cáo đầu tiên ở Việt Nam và tồn tại hơn một năm. Năm 1995, anh tham dự một cuộc thi dịch văn học do Đại sứ quán Pháp tổ chức và nhận được học bổng đi học tại Đại học sư phạm Fontenay (Ecole Normale Superieure de Fontenay/St. Cloud, Paris). Năm 1996, anh bảo vệ thành công luận án thạc sĩ (DEA) tại Paris. Năm 1998, anh chuyển về nhà xuất bản Hà Nội. Năm 2000, anh ra khỏi biên chế nhà nước, làm Giám đốc điều hành Viện nghiên cứu phát triển InvestConsult. Năm 2006, anh bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ tại Đại học Illinois State University (Hoa Kỳ).

Ngô Tự Lập bắt đầu sáng tác năm 1989. Truyện ngắn đầu tay, “Lửa trong lòng biển”, đoạt giải thưởng sáng tác về Hải quân và giải Hoa phượng đỏ (1990) của Hội Văn Học Nghệ Thuật Hải Phòng. Ngoài làm thơ, viết truyện ngắn và tiểu luận, Ngô Tự Lập còn là một dịch giả tiếng Nga, tiếng Pháp và tiếng Anh. Anh là hội viên Hội nhà văn Việt Nam và Hội nhà văn Hà Nội.

Tác phẩm của anh được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

Tác phẩm chính:

Thơ:

Thế giới và tôi, song ngữ (Việt Pháp), Văn hóa, Hà Nội, 1997, tái bản 2000, A l'index (Pháp) 2001.

Chuyến bay đêm tháng sáu, Văn hóa, Hà Nội, 2000.

Văn xuôi:

Vĩnh biệt đảo hoang, tập truyện ngắn, Văn hóa, Hà Nội, 1991.

Tháng có 15 ngày, truyện ngắn, NXB Hà Nội, Hà Nội, 1993 tái bản 1994.

Mùa đại bàng, truyện ngắn, Công an nhân dân, Hà Nội, 1995.

Mộng du và những truyện khác, tuyển tập, Văn học, Hà Nội, 1997, 1998 và 2001, 2008.

Giấc ngủ kỳ lạ của ông Lương Tử Ban, Hội nhà văn, Hà Nội, 2005.

Tiểu luận:

Ma trong văn học kỳ ảo phương Đông và phương Tây, luận văn thạc sĩ, (Ecole Normale Superieure de Fontenay/St. Cloud), Paris, 1996.

Những đường bay của mê lộ, Hội nhà văn, Hà Nội, 2003.

Minh triết của giới hạn, Hội nhà văn, Hà Nội, 2005.

Dịch thuật:

Hoa máu, truyện ngắn, từ tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Nga, Văn hoá, Hà Nội, 1993.

Người đàn bà trên tàu, tiểu thuyết của Jules Verne, Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1993.

Đôi mắt lạ, dịch chung với Ngô Huy Bội và Ngô Bích Thu, Văn học, Hà Nội, 1998.

Con bù nhìn, tiểu thuyết của Kolesnikov, từ tiếng Nga, Kim Đồng, Hà Nội, 1998.

Xứ sở của nước và thạch sùng, thơ văn xuôi của Jean-Michel Maulpoix, từ tiếng Pháp, Thanh Niên, 1999.

Chiếc bát mang hình thế giới, trường ca của Werner Lambersy, từ tiếng Pháp, Văn học, Hà Nội, 2001.

Tuyển tập Edgar Allan Poe, dịch chung, từ tiếng Anh, Văn học, Hà Nội, 2002.

Biên soạn:

Đêm bươm ma - Tuyển truyện ma Việt Nam, Văn học, Hà Nội, 1998, tái bản 2001.

Truyện kỳ ảo thế giới, 6 tập, Văn học, Hà Nội, 1999, 2000, 2001.

Nhật Bản, đất nước con người, văn học, cùng với Ngô Minh Thủy, Văn hoá, Hà nội, 2002.

Lửa trong lòng biển

Khi còn là thuyền trưởng chiếc “Sông Lai” cổ lỗ tôi thường qua Tùng Quảng, vùng biển hiểm trở với muôn vàn đảo đá chen chúc như bàn chông, nổi tiếng nhờ phong cảnh hùng vĩ, món ngán(1) chán tái và nhất là những vụ đắm tàu bí ẩn.

Lần ấy chúng tôi vừa ra khỏi lạch Tĩnh thì có thuyền vẫy. Chuyện không lạ, chúng tôi vẫn thường cho dân đào ngán đi nhờ như thế, có khi lẳng nhặng kéo nhau cả chục chiếc thuyền. Tôi cho tàu chạy chậm lại. Chủ thuyền người cao lớn, mũ trùm kín đầu, khoác áo bađơsuy xám, bằng động tác nhanh nhẹn và khéo léo ném dây sang. Tôi nhìn kĩ, hoá ra đó là một ông già râu bạc như cước. Ông lão khề gật đầu, cảm ơn tôi bằng giọng ồm ồm chậm rãi, đầy uy lực, ngồi xuống mũi thuyền, móc thuốc lào ra hút. Thoáng trông đủ biết đó là loại thuốc vùng Sơn Hạ: sợi thái rối, đóng thành bánh, màu đen sạm vì phơi sương. Cách hút thuốc của ông cũng thật lạ: ông nắm tay trái lại thay diều, nhét thuốc vào khe hở do ngón tay út tạo ra, tay phải bật diêm, vừa châm thuốc vừa che gió. Về kì dị của ông già kích thích trong tôi máu mê văn nghệ, lại đang trong cảnh sông nước triền miên buồn chán cần người bù khú, tôi khẩn khoản mời ông lên tàu làm chút rượu cho ấm bụng.

Ông già không khách khí, vẫn với động tác nhanh nhẹn như thanh niên, bắm cọc bích trèo lên. Rượu Vân đốt thử ngùn ngụt cháy trên bàn. Ông già cời mũ. Tôi giật mình: đầu ông trọc lóc. Một vết sẹo bóng như xác rắn chạy dài tới gần mang tai. Da mặt ông sẫm màu đồng hun - cái màu có được, theo lời ông, nhờ cá sống, rượu và nước biển.

Nếu như biển cả làm cho con người cứng cáp và phóng khoáng thì rượu lại khiến người ta trở nên vui vẻ và chân thành. Ông già hỏi tôi:

- Chú là thuyền trưởng hả? Hà, trẻ quá nhỉ, còn dư sức lắm. Chú sẽ gắn bó suốt cuộc đời với biển chứ?

Tôi lúng túng không biết trả lời như thế nào. Cảnh sông nước triền miên đã làm tôi ngán ngẫm. Biển cả tàn bạo và tráo trở đã làm tôi mệt mỏi. Bao nhiêu toan tính của tôi đã tan nát như con thuyền nan dưới làn sóng dữ và tôi cũng chưa biết cuộc đời mình còn bồng bềnh trôi nổi tới những đâu.

Dường như đoán được suy nghĩ của tôi, ông lão uống ực một hơi hết bát rượu thứ hai rồi vừa đặt bát xuống bàn vừa nói oang oang:

- Ồ! Lão cũng đã từng làm thuyền trưởng, nhưng chưa bao giờ là một thuyền trưởng thực thụ. Hầy! - Đù mẹ biển bạc... biển bội bạc...

Rồi như người trút bầu tâm sự, bằng giọng nói trầm vang của sóng, giờ lại mạch lạc thêm nhờ rượu, ông kể cho tôi nghe những gian truân của một đời sông nước, cứ muốn dứt ra mà cứ bị cuốn vào, mãi đến nay, gần tám mươi tuổi đầu, vẫn chưa thoát nổi mái chèo. Ông lão kể một cách thần nhiên, thậm chí thú vị nữa, tưởng chừng đối với ông chẳng có gì đặc biệt, tất cả cứ phải tuần tự xảy ra như thế, chẳng khác gì bát rượu trên tay ông cứ hết lại đầy.

Lão vốn quê ở Két, cái thị trấn ngã ba sông đen đúa, bản thủ nhưng lại được dân sông nước coi như thiên đàng vì nhan nhản tiệm hút, sòng bạc, và những nhà chứa rẻ tiền. Từ nhỏ lão đã thích giao du với những chàng thủy thủ ngang tàng và vui nhộn, cùng họ nốc rượu rồi khật khưỡng trên những đường phố lầy bùn và phân súc vật, trêu ghẹo mấy cô hàng xén bằng những lời ca tục tĩu không đầu không cuối hay tham gia những cuộc đánh lộn chẳng hiểu do đâu. Máu giang hồ thấm dần và huyết quản. Năm mười tám tuổi, cái tuổi bông bột, kiêu ngạo và đầy tham vọng, lão bỏ nhà, theo một chiếc tàu kéo xuống Hòn Chông, thương cảng sầm uất nhất Tùng Quảng thời đó, những tưởng sẽ kiếm chác được vận may giữa đám dân đói khát và những tay anh chị tứ chiếng đổ về.

Cả tuần lang thang, đâm đá nhau giữa chợ chẳng được tích sự gì. Ngày thứ tám, lão đang ôm một ả bán ngán chân trong quán rượu thì vợ chồng tỉnh trưởng đi xem hát về qua. Hình như hôm đó có vở mới, dân tình bàn tán nghe chừng xôn xao lắm. Nhưng lão chẳng bao giờ quan tâm đến bọn phường chèo nhí nhố ấy. Bỗng đâu một gã ăn mày vô phúc mò ra, vai đeo cái bị nặng trĩu những thức ăn nhớp nháp, thiu thối. Từ cái đầu lở loét, nhưng nhúc dòi bộ của nó nồng nặc bốc lên mùi cóc chết.

Bà vợ quan tỉnh trưởng kính tởm quá, rú lên rồi nôn thốc nôn tháo xuống vỉa hè.

- Thằng mọi hỗn láo!

Tay tỉnh trưởng gầm lên giận dữ, quật ba toong như bả củi xuống đầu thằng ăn mày khốn nạn, bắt nó phải sạch hết bãi chác chó mà bà tỉnh trưởng vừa trút xuống kia.

Lão thản nhiên ngồi xem, nhưng khi thằng ăn mày gục mặt xuống đồng thức ăn nhày nhựa ấy thì, mẹ kiếp, máu trong người sôi lên sùng sục. Lão đứng phắt dậy, nhằm vào quai hàm gã tỉnh trưởng. Nhưng một cú đâm chẳng hiểu từ đâu đã nhanh hơn. Chỉ nghe đánh "hự" một tiếng đã thấy đầu quan tỉnh trưởng ngập ngụa dưới bùn. Cái thân hình phì nộn của hắn bùng nhùng trong đồng vải bản thủ mà mới đây là một bộ comlê sang trọng. Lão chưa kịp bàng hoàng thì đã bị một bàn tay cứng như thép lỏi tuột vào ngõ hẻm. Lúc ấy mới nghe còi cảnh sát lạnh lạnh rúc lên phía sau lưng.

Cú đâm hoá ra là của thuyền trưởng Các, trùm cướp biển thời ấy, người mà ai nghe tên cũng phải giật mình kinh sợ. Trước đó lão cũng đã từng nghe nhiều lời truyền tụng về ông ta và vẫn thầm mong hội ngộ.

Ông Các là người Ducơmi, một bộ tộc vốn từ lâu cư trú ở Tùng Quảng. Họ làm nhà lơ lửng như tổ chim trên vách đá, dưới những mỏm đá chia ra, để tránh gió mưa và sống bằng nghề đánh cá. Hàng năm, vụ cá bắt đầu khi những cơn gió ào ạt thổi về, báo hiệu mùa hè đã đến. Những người đàn ông Ducơmi hối hả lướt sóng chèo đi trên những con thuyền độc mộc, chỉ để lại những ông bà già cùng đám đàn bà với bầy trẻ nhỏ. Họ rong ruổi theo gió mùa, đuổi theo đàn cá xuống mãi tận miền Nam và chỉ trở về Tùng Quảng khi mùa xuân tới, khi nắng ấm trở về tràn trề trên những đảo đá trần trụi màu xanh thẫm khiến đàn cá vui vẻ quẫy mình trên sóng bạc và con người rạng rỡ niềm vui đoàn tụ.

Năm ấy Các mới 19 tuổi nhưng đã là một tài công lão luyện. Gã thanh niên cao lớn khác người bơi lặn như rái cá, dám một mình đánh nhau với cả bầy cá mập ấy vừa cưới vợ. Gã như điên như cuồng vì tình yêu của cô vợ xinh tươi và suốt mùa xuân vui đầu trong hoan lạc.

Vụ cá năm ấy dường như đến sớm hơn thường lệ. Một buổi sáng tinh dậy, đầu vẫn gối trên đùi bông cúc biển của mình, Các bàng hoàng nhìn xuống nước: những đám mây trắng xộp tinh khôi đang nói nhau vùn vụt về nam. Các bạn chài hối hả sửa soạn đồ nghề nhưng gã vẫn chùng chình không dứt nổi. Mãi đến khi những trận mưa rào sầm sập đổ xuống, Các mới vội vã đuổi theo các

thuyền bạn đã từ lâu khuất bóng phía chân trời.

Vụ cá tòi tẹt với những mẻ chài đen đũi. Các trở nên cáu kính. Một hôm, chợt nghe lòng buồn rớm máu, gã một mình vượt sóng trở về. Đêm biển động. Gió gào rú thê lương. Các buộc thuyền dưới chân đảo, trong ánh chớp nhìn lên và phút chốc rụng rời: nhà gã cháy tự bao giờ, trên vách đá chỉ còn lại đoạn xích rủ xuống lòng thòng như sợi dây treo cổ. Hồi ra mới biết chuyện do tay Chánh Mỹ, kẻ vốn có thâm thù với cha Các và từ lâu thêm khát về đẹp hoang sơ của Vi - “Bông cúc biển”. Chánh Mỹ vu cho nhà Các làm hội kín, đang đêm sai lính đến đốt nhà, bắt cả đêm đi. Cha Các bị đập vỡ trán bằng mái chèo, rồi quăng thân xuống biển. Đầu Các giờ cũng được treo giải một món tiền to. Vợ Các không chịu nhục, lừa cơ bỏ trốn vào rừng. Đêm đó trong núi chó sói tru nhộn nhịp khác thường. Sáng ra, người ta bỏ đi tìm nhưng không thấy xác.

Các nghe xong lặng lẽ biến đi. Ít lâu sau Chánh Mỹ bị giết ngay trong nhà riêng được canh phòng cẩn mật. Cũng từ đó trên biển xuất hiện chiếc tàu “Hoa cúc biển” chạy nhanh như gió. Nó cùng với cái tên Các gây nên nỗi kinh hoàng cho đám chủ thuyền giàu có và những con tàu đầy áp hàng hoá vẫn thường xuyên qua lại trong vùng.

Ông già ngừng kể và tôi cũng phải lên đài chỉ huy kiểm tra công việc trước khi tàu chuyển hướng. Sắp đến Tùng Quảng. Đã thấy đảo đá lô nhô giăng kín chân trời. Gió thổi lồng lộng, thanh bình. Lũ hải âu chao mình trên sóng, cất tiếng kêu lanh lảnh tạm biệt những chiếc thuyền độc mộc đang nói đuôi nhau hối hả ra đi.

Khi tôi trở lại ông già vẫn ngồi im như cũ. Hai bàn tay to lớn, sần sùi như phủ một lớp vảy sừng đặt chồng lên nhau trên bàn. Tôi rót rượu cho ông, và sau đó còn rót thêm hai ba lần nữa trước khi ông kể tiếp.

- Lão theo thuyền trưởng Các luồn ra sau chợ cảng. Một chú bé trắng trẻo, có khuôn mặt thanh niên tú, dễ thương (mà sau này lão biết bị câm) đã chờ sẵn trên một chiếc thuyền câu. Lão khi ấy chưa thạo nhưng cũng vớ mái chèo, hăm hở chèo đi.

Cuộc đời thủy thủ nhọc nhằn đầy nguy hiểm nhưng phóng khoáng hợp với bản tính của lão. Lão quen dần với sóng gió, với những đêm thức trắng và cả vị tanh lợm của máu cá tươi uống thay nước ngọt. Chẳng bao lâu lão đã trở thành một con sói biển, biết nhìn màu nước đoán thời tiết, bấm tay tính thủy triều, trông sao trời đi trong đêm tối. Sự nhanh nhẹn và liều lĩnh giúp lão qua mặt hết thảy bọn mạch lô(1) trên tàu, được thuyền trưởng Các coi như cánh tay phải, thỉnh thoảng đứng ra điều hành “công việc” thay ông.

Lúc ấy lão đã thắm mơ tưởng đến một con tàu khác, con tàu của chính mình.

Đám mạch lô chấp nhận địa vị của lão một cách tự nguyện - luật giang hồ tuy tàn nhẫn nhưng cũng hết sức công bằng. Bọn người ô hợp sống với nhau lạnh lùng, không một lời thổ lộ, tất cả giống nhau ở sự tàn bạo thú vật. Chỉ có hai thứ được họ tuân theo, đó là luật giang hồ - một thứ tôn giáo đối với họ - và thuyền trưởng Các.

Thực ra, trái với những lời đồn đại, ông Các có khuôn mặt nhân hậu. Đôi khi lão bắt gặp trong mắt ông ta điều gì đó giống như sự dằn vặt - cái không hề có trong mắt đám mạch lô tàn bạo kia. Ông rất ít nói, dù những lời ông nói ra đều đúng lúc và đầy sức thuyết phục. Chẳng biết có phải nhằm tạo ra một khoảng cách cần thiết với bọn mạch lô hay không mà phòng ông - có hai lớp cửa - lúc nào cũng im ỉm đóng và ngoài ông với Han, chú bé câm, không ai được đặt chân vào.

Hai năm liền tụi lão gặp may, thắng liên tiếp, thu được vô số khối tiền bạc và hàng hoá. Nhưng rồi

hết tai hoạ này đến tai hoạ khác ập đến, quả như người nói là “vô đơn chí”. Một chiều u ám giáp Tết, “Hoa cúc biển” đang trên đường về Hòn Gạc thì vấp phải hai thằng phregát(1). Loạt đại bác đầu tiên trúng ngay boong thượng, nơi thuyền trưởng Các đang đứng, hất ông cùng cả dãy lan can xuống biển. “Hoa cúc biển” chống trả trong cơn tuyệt vọng. Mãi gần sáng, lợi dụng đêm tối, sau khi bầy thằng mạch lô bỏ mạng, tụi lão mới cứu được ông Các và chạy thoát về Vụng Giải.

Tàu chưa kịp thả neo thì nghe tiếng ồn ào khác lạ. Có ai đó rú lên thảm thiết. Lão chạy lên núi, thấy thằng Ban chột cời trần trụi trực, ngực phơi ra vạm vỡ như ức bò đực, một tay cầm dao, tay kia cầm một cái xác đàn bà ném vù qua mạn. Thì ra đó là một con mụ đào ngàn bị đắm thuyền dạt vào từ khi nào chẳng rõ. Khi biết gặp phải tàu cướp biển mụ ta sợ quá, nằm co quắp trốn sau ụ tời neo. Thằng Ban chột ném con dao đâm máu xuống sàn. Đám mạch lô trở nên hoảng loạn.

(Bạn đọc dù không am hiểu chắc cũng biết rằng dân biển có rất nhiều điều kiêng kỵ. Biển cả với những tai hoạ khủng khiếp luôn luôn rình rập đã biến họ thành những người mê tín đến độ mù quáng. Người dân biển nào cũng có thể kể cho bạn nghe vô khối tai nạn khủng khiếp chỉ vì tàu ra đi vào ngày lễ hoặc vì ai đó trên tàu đã liểu mạng ăn thịt chó, vịt, mực hay sò. Tuy nhiên khủng khiếp nhất là sự xuất hiện của đàn bà, con gái trên tàu.

- Lão đã nghiệm, quả không sai - những người đi biển lão luyện khẳng định sau khi kể những tai nạn mà chính mình được chứng kiến - không phải vô cớ mà khi đặt tên cho mười hai chòm sao trên Hoàng Đạo các cụ xưa đã chọn tên Trinh nữ cùng với tên những con dã thú).

Lúc bấy giờ đi là tự sát. Nhưng vết thương của ông Các bị sưng tấy vì ngâm nước quá lâu, không cho phép nán lại. ở đây luật giang hồ khắc nghiệt - hay cao thượng? - đã đưa ra lời phán quyết: hãy mang thầy mầy làm mồi cho cá mập nhưng không được bỏ bạn bè trong cơn hoạn nạn. “Bông cúc biển” nhổ neo lặng lẽ. Ai nấy u sầu, canh cánh linh cảm đến việc chẳng lành. Quả nhiên, gần trưa phía chân trời xuất hiện một đám mây lạ đang lớn lên nhanh chóng. Phút chốc trời tối sầm lại. Gió đổi hướng và giạt liên hồi, cuốn lên không trung những cột nước trắng xoá khổng lồ hình nón. Biển quằn quại như một con quái vật. Con tàu nghiêng ngả trong những đợt sóng hung hãn đang ầm ầm xô tới.

Chú bé Han liêu xiêu bám vào tấm vải dùng băng bó cho thuyền trưởng Các thay gạc. Đúng lúc đó, một con sóng cao như trái núi dềnh lên và chồm về phía mũi tàu. Một tiếng “rắc” khủng khiếp, tưởng như con tàu nát vụn ra từng mảnh. Đồ đạc đổ vỡ loảng xoảng. Những thùng gỗ giẻ đựng dây buộc, nước tràn vào lênh láng.

- Han! - Đám mạch lô cùng kêu lên thất thanh khi ngọn sóng tràn qua. Lần đầu tiên lão nghe họ kêu lên như thế - Những tiếng kêu thương cảm của con người.

Qua đám bụi nước còn trắng xoá, boong tàu hiện ra thật ghê rợn: sàn gỗ nứt toác, cột buồm bị bể gãy đôi. Han bị cuốn phăng xuống biển cùng cả dãy lan can. Dòng nước ngẫu bọt chảy xiết giữa hai vách đảo, cuộn cuộn xô vào bãi đá nhô lên lởm chởm như răng cá mập phía trái tàu. Thật may mắn, Han bám được vào một mỏm đá. Lúc đó lão đang đứng trên đài chỉ huy. Một tia chớp loé lên, soi rõ khuôn mặt chú bé cầm trống bịch đi vì khiếp sợ. Hình như Han kêu lên những tiếng gì đó. Nhưng tiếng kêu bị chìm đi trong giông tố.

- Dừng máy! Hết lái trái! Chuẩn bị dụng cụ cứu sinh! - Lão gào lên dù biết rằng làm như vậy là vô cùng nguy hiểm: vòng sang trái con tàu sẽ bị ném vào bãi đá khủng khiếp kia. Nhưng một cánh tay lạnh ngắt bỗng gạt phăng lão sang bên cạnh. Đó là thuyền trưởng Các. Lão

ngược nhìn và bỗng sờn gai ốc: mặt ông đen thẫm như xác chết, mắt trong veo, long lanh tia sáng của tử thần.

Lão sửng sốt, không tin ở tai mình nữa. Thì ra trước cái chết con người ta mới bộc lộ hết chân tướng. Đám mạch lô làm như điếc. Con tàu khựng lại, bắt đầu vòng sang trái - lần đầu tiên mệnh lệnh của thuyền trưởng tỏ ra kém hiệu lực.

Đôi mắt ông Các như hai hòn than cháy đỏ.

- Hết lái phải! Hai máy tiến! - Không phải ông Các ra lệnh nữa, lần này là tiếng gầm của quỷ sứ, dường như vọng lên từ âm cung, ghê gợn đến nỗi con tàu bắt thần chồm lên phía trước và ngoặt gấp sang phải. Lão ngoái lại nhìn và thấy tim mình thất lại: Han vẫn bám trên mỏm đá, cái sinh linh nhỏ nhoi ấy đang vật lộn trong cơn tuyệt vọng với bàn tay góm ghiếc của thủy thần. Mãi về sau này hình ảnh ấy còn ám ảnh lão không nguôi.

Con tàu vừa lách vào khe núi thì phía sau, nơi nó vừa đi khỏi, một trái núi nữa lại mọc lên, lần này cao gấp bội, rồi đột ngột đổ xuống như một dòng thác. Thật khủng khiếp, so với nó con tàu chỉ là hạt cát mà thôi.

Han biến mất trong dòng nước hung hãn ấy. Loại sóng này về sau lão còn phải chạm trán nhiều lần. Dân Tùng Quảng gọi chúng là "Rồng biển". "Rồng biển" xuất hiện đột ngột ở những nơi đảo ken sát nhau thành luồng hẹp, với sức công phá ghê gớm và tan đi cũng chỉ trong chốc lát.

Hôm ấy thoát nạn nhưng bọn lão không ai tỏ ra vui mừng. Đám mạch lô xô cả đến cửa phòng thuyền trưởng trong sự im lặng nặng nề, đe dọa. Sự đổ vỡ lớn lao đã gây ra sau những vàng trán thấp bướng bỉnh kia một cơn giông tố còn dữ dội gấp vạn lần cơn giông tố của tự nhiên. Không, không phải do cái chết của Han.

Đám mạch lô đã quá chai sạn rồi nên cái chết - dù là của chú bé đáng thương như Han đi nữa - cũng chẳng làm họ bận tâm nhiều. Cái chính là họ đã phạm vào một điều ghê tởm nhất: Đã bỏ mặc anh em trong cơn hoạn nạn, đã lần tránh nghĩa vụ thiêng liêng và cao cả mà mỗi mạch lô chân chính đều khắc sâu vào tim óc từ lúc run run nâng bát rượu máu trên tay. Và chính thuyền trưởng Các, chính thần tượng lâu nay của họ đã đưa họ đến chỗ nhục nhã ấy. Chẳng còn gì hết. Khi cả hai điều ràng buộc đã đứt tung, họ chỉ còn là những con thú không hơn không kém. Tiếng gót sắt đập vào cánh cửa.

Ông Các đột ngột bước ra. Đám mạch lô rùng mình lùi lại khi trông thấy khuôn mặt xác chết và cặp mắt trong veo. Cái xác chậm chạp cử động, toả ra một luồng tử khí lạnh lẽo và cất tiếng, giọng ngân nga như tiếng chuông vọng về từ đâu đó xa xăm:

- Các anh em, ta có lỗi với anh em... Hãy tha thứ cho ta... Còn hôm nay ta đã hành động chỉ vì anh em... ta không muốn anh em phải chết.

Cái xác đột ngột dừng lại như tắc nghẹn. Đám mạch lô nhỏ nước bọt - van xin là điều hoàn toàn xa lạ đối với họ. Những bàn tay bất giác nắm chặt chuôi dao.

- Anh em, hãy buông dao ra, điều đó không cần thiết nữa đâu! - Cái xác tiếp tục nói: - Đàng nào ta cũng đã chết rồi. Ta không còn tồn tại nữa từ khi Han rơi xuống nước. Ôi, sự sống của ta. Nó đã tắt trong dòng nước xoáy. Vi ơi! "Bông cúc biển" của anh...

Ông Các nói rồi gieo mình xuống nước.

Mãi đến lúc đó lão mới biết rằng Han chính là người vợ của ông.

Lão đã từ bỏ nghề đi biển chính từ lúc đó, khi ước mơ trở thành thuyền trưởng đã thành hiện

thực, khi lão đã có một con tàu của riêng mình! - Ông lão nói với tôi khi trở xuống thuyền. Đã đến Tùng quảng. Tôi chào ông già và tháo dây. Chiếc thuyền tụt lại, nhỏ dần rồi lặn vào màu.

Ba mươi năm: Khoảng cách & dấu nối Trần Huệ Tâm phỏng vấn

Ông gặp một thi sĩ/văn sĩ Việt kiều lần đầu ở: phi trường, quán...? Trước đó, ông biết họ qua tác phẩm nào? Điều gì từ tác phẩm đó đã gây ấn tượng cho ông?

NTL: Văn sĩ Việt kiều đầu tiên tôi gặp ở Hà Nội là Trần Thiện Đạo, người tôi đã biết qua một số bản dịch và một số bài viết trên các tạp chí ở Sài Gòn trước năm 1975. Tôi đọc ông ở thư viện. Ấn tượng của tôi về các văn sĩ Việt kiều đầu tiên tôi gặp (khá nhiều) là họ có rất nhiều định kiến về các nhà văn trong nước. Các định kiến này đang giảm đi, nhưng vẫn còn rất nhiều trên các sách báo hải ngoại. Tôi sưu tập và in hai tập tiểu luận của Trần Thiện Đạo một phần cũng là để "phá tan" những định kiến như thế.

Người thi sĩ/văn sĩ Việt kiều mà ông thân nhất đã nói cho ông nghe điều gì về thơ/văn hải ngoại và thế giới? Những quan điểm nào ông đồng tình và không đồng tình? Ông nghĩ sao về các khuynh hướng sáng tác như Hậu hiện đại, Tân cổ điển...

NTL: Vì tôi gặp nhiều người và mỗi người nói một cách. Một trong những người tôi có ấn tượng tốt đẹp nhất là Hồ Đình Nam mà tôi gặp ở London thì lại chẳng hề nói về những đề tài này. Tôi nghĩ *Hậu hiện đại*, *Tân cổ điển* hay bất kỳ khuynh hướng nào cũng có thể phù hợp với người này mà không phù hợp với người khác. Vấn đề là nó có trở thành máu thịt của người viết hay không. Nhưng để trở thành máu thịt, chỉ đọc lý thuyết chắc chắn là không đủ.

Ngoài những quan hệ có tính cách cá nhân như thế, ông có thường đọc các tác phẩm văn học bằng tiếng Việt ở nước ngoài không? Nếu thường, thường như thế nào? Những tác phẩm ấy thuộc thể loại gì (thơ/truyện/tiểu luận/phê bình)?

NTL: Tôi đọc tất cả các loại, tất cả những gì có được, cả trong sách báo in lẫn trên các trang web, nhưng chắc chắn là còn rất phiến diện và thiếu hệ thống.

Theo ông, văn học Việt Nam trong và ngoài nước có những khác biệt gì đáng kể?

NTL: Chắc chắn là có nhiều khác biệt, và điều đó là đương nhiên. Cuộc sống khác, con người khác, chắc chắn văn chương phải khác. Tuy nhiên, tôi thấy đáng ngạc nhiên là mặc dù sống trong hoàn cảnh chẳng bị ai trói buộc, nhiều nhà văn hải ngoại vẫn tự trói buộc mình quá nặng nề. Nhiều người tự trói buộc còn hơn các nhà văn trong nước. Cảm giác ấy khiến tôi phải viết một bài thơ: "*Sợi dây xích vô hình/ Như chuỗi ngày vô tận...*"

Ông có tin là văn học trong và ngoài nước một ngày nào đó sẽ nhập làm một hay không? Điều kiện để dẫn đến sự "thống nhất" ấy là gì?

NTL: Tôi cho rằng chẳng cần bất cứ điều kiện gì. Văn học hải ngoại, ít nhất là bộ phận viết bằng tiếng Việt, chưa bao giờ không phải là một phần của văn học Việt Nam. Chúng ta vẫn đọc nhau đấy thôi? Dù có muốn chia tách cũng chẳng được. Thế thì cần gì phải có ngày thống nhất đó?

Trong cuộc “thống nhất” của nền văn học bằng tiếng Việt ấy, đóng góp chính của mỗi bên (trong/ngoài) là gì?

NTL: Phần đầu câu hỏi này tôi vừa trả lời. Còn phần sau: ai có gì đóng góp nấy. Nếu không có gì thì góp mặt.

Với những thi sĩ/văn sĩ hải ngoại, ông muốn cho họ thấy điều gì quý nhất trên trán ông và trong túi ông?

NTL: Tôi tự nhủ rằng chúng ta đều là người viết, đều là người Việt, đều là người.

Bão lạt mùa

Những người dân Hòn Nhĩ nhớ mãi trận bão năm 192... không phải vì nó lạ, cũng không phải vì nó mạnh, mặc dù nó đích thực là một cơn bão lạ - đổ vào đúng ngày ba mươi Tết, khi mùa bão đã chấm dứt từ lâu - và đích thực là một cơn bão mạnh - sau khi dừng chân trên đảo, nó tràn vào đất liền, đã yếu đi mà vẫn còn quật đổ hàng vạn cây cối, hàng nghìn ngôi nhà, ném hàng trăm tàu thuyền lên bờ, nhấn chìm cả một vùng đồng bằng xuống biển. Dân đảo đời kiếp kiếp sinh ra và lớn lên giữa lòng biển cả, họ chẳng còn ngạc nhiên trước những điều kì lạ cũng như sức mạnh ghê gớm của thiên nhiên. Điều làm cho họ nhớ là ngoài những cây cối, xác người và súc vật, mảnh tàu đắm cùng đủ thứ rác rưởi khác, cơn bão còn ném lên đảo một người dân mới - thằng Ba Nghệch.

+

Thực ra Ba Nghệch cũng là một thứ rác rưởi mà thôi, mặc dù trước khi trở thành dân Hòn Nhĩ hắn đã làm việc trên chiếc “Hải Mã” do tôi làm thuyền trưởng.

Năm ấy Ba Nghệch hăm bốn tuổi, cao to, đen nhẻm, mặt vuông, trán thấp, cầm bạnh như mang rắn hổ - đúng là một con bò đực đàn độn nhưng trung thực. Quê hắn ở Sơn Hạ, vùng quê của thuốc Lào đen và những tay thuyền trưởng nổi tiếng ngổ ngáo mà đa tình. Ba Nghệch không cha không mẹ. Hắn lớn lên như thế nào chẳng ai hay. Khi người ta bắt đầu để ý đến hắn cũng là khi người ta đã bắt đầu kinh sợ hắn. Mới mười tám tuổi đầu Ba Nghệch đã khét tiếng là một tay ăn trộm liều mạng, đến nỗi ngay cả những phường đã bạc đầu trong nghề đào tường khoét gạch cũng phải kiêng mà nhường hắn làm đại ca. Thế nhưng cũng có người nói rằng có những bà già độc thân, những kẻ lâm nạn được hắn cứu giúp. Mỗi người nói một đằng. Chẳng rõ đúng sai ra sao nhưng ai cũng sợ hắn.

Hai lời đồn đại hoá ra đều đúng cả. Ba Nghệch đúng là một tay trộm cắp chuyên nghiệp liều mạng, có điều hắn hoàn toàn không ý thức được tính chất của công việc ấy. Chưa bao giờ hắn suy ngẫm xem hành động mình làm là đúng hay sai. Thì có ai dạy hắn bao giờ đâu! Hắn đã không chết yếu, đã lớn lên được là nhờ những đồ ăn cắp, bắt đầu từ miếng bánh, bắp ngô, sau đến cái quần, manh áo, rồi đồ vàng bạc. Hắn ăn cắp một cách tự nhiên, ăn cắp để sống và khuây khoả. Đó là công việc làm ăn của hắn. Trong tiềm thức, hắn thấy công việc ấy cũng chính đáng như công việc của bất kì ai.

Những con thú dù tranh nhau ăn vẫn không mất lòng thương đồng loại. Ba Nghệch cũng là một con thú trơ trọi giữa loài người. Hắn sống đến đâu hay đến đó, trộm cắp được thì tiêu xài phung phí, gặp kẻ nghèo hèn thì cướp mang. Hắn chẳng ham giàu, không sợ chết - chỉ có bọn tham giàu mới sợ chết - thành ra hắn liều. Liều thì được người ta sợ, bí quyết của hắn chỉ có vậy.

Có lẽ cuộc đời Ba Nghệch sẽ cứ thế mà trôi đi cho đến khi chết vì rượu ở một xóm xình nào đó

Nếu hẳn không vô phúc (hay có phúc) mà gặp được Vân Lùn, tức Vân Lì, tức Vân Cá Mập, người về sau đã giới thiệu hẳn lên tàu tôi.

Trước đó, khi Vân Lì còn làm thuyền trưởng chiếc “Dragon” năm trăm ngựa tốt nhất Tùng Quảng, chúng tôi đã từng có một thời gian dài mách mung với nhau. Cứ hai tháng một lần chúng tôi hẹn nhau ở Hòn Đồi. “Hải Mã” bốc sang “Dragon” các loại hàng xa xỉ, vải, gạo và trái cây khô để nhận dầu, than cục và đồng vụn. Cha này hơn tôi đúng một giáp, người lùn tịt, vai rộng, chân vòng kiềng, mặt gầy và lạnh tanh như đá cuội, cả ngày không mở miệng trừ khi phát giá hàng và ra khẩu lệnh. Làm ăn với nhau thật nhưng gặp ông tôi luôn có cảm giác rờn rợn. Nghe nói Vân Lì đã từng nện gãy cổ một thằng mạch lô(1) vì tội ngủ quên giữa phiến gác khi tàu neo ở Vụng Giải. Vụ ấy làm chủ tàu tốn khá nhiều tiền của mới bịt đi được. Tuy vậy ông ta không dám thả Vân. Là chủ tàu nhưng ông ta vẫn có phần sợ Vân. Kiếm được một tay thuyền trưởng như vậy đâu phải dễ - Vân Lì thuộc lòng từng viên đá, từng doi cát ngầm dưới đáy biển suốt từ Thuận Bình đến Trà Hoa. Ngoài ra, còn một lí do nữa buộc chủ tàu phải giữ Vân lại: ở Sơn Hạ, Vân Lì khét tiếng với những ngón đòn hiểm hóc khiến tất cả đám dân anh chị ở Hòn Chông đều kiêng mặt. Trong cuộc cạnh tranh đến chóng mặt giữa các hãng tàu, cái tên Vân Lì sẽ là lời cảnh cáo của ông ta đối với những đối thủ đang nảy nòi đông đúc như ruồi.

Cuộc đời riêng của Vân Lì tôi chỉ biết qua những lời đồn đại.

Nói cho công bằng thì tuy về ngoài lì lợm nhưng chưa bao giờ Vân tỏ ra hung bạo, ít ra là chưa bao giờ tôi trông thấy. Có người nhận xét: Cá mập ngấy thịt người rồi thì còn hiền quá cá heo! Cũng có lí! Vân còn có biệt hiệu là Cá Mập. Điều này hoàn toàn không phải vì Vân có tài săn cá mập, mặc dù tôi biết chắc chắn ông ta đã từng vận lộn với chúng không chỉ một lần, mà vì Vân luôn luôn đeo bên mình chiếc vuốt hổ có khắc hình cá mập. Đó là bùa hộ mệnh của ông. Việc đeo bùa hộ mệnh bây giờ có vẻ lạ lẫm nhưng thời đó chẳng làm ai ngạc nhiên. Dân biển ai cũng có một chiếc bùa hộ mệnh và được gọi bằng một biệt danh gắn liền với nó. Bùa hộ mệnh của tôi chẳng hạn, là chiếc móng quạ.

Một lần tôi để ý thấy con số 60 trên cái vuốt hổ của Vân Lì, bèn hỏi nó có nghĩa gì. Vân bảo: “Tao sống đến sáu mươi tuổi”. Tưởng nói chơi nhưng đến năm năm mươi năm tuổi Vân Lì đột nhiên tuyên bố từ giã nghề đi biển.

- Lệnh đênh thế đủ rồi, năm năm cuối đời tao về quê cha đất tổ. - Ông nói vậy rồi sau bữa rượu ngán chán(1), gói chiếc áo vắn với hai chục đồng bạc, trở về Sơn Hạ, giữ bỏ tất cả: biển khơi, con tàu, tuổi xuân, sức lực và những lời đồn đại.

Bấy giờ, biết chuyện, tôi chỉ thấy nực cười. Đúng là lão gàn, đầu hai thứ tóc rồi mà còn tin những chuyện nhảm nhí. Mà dù có tin thì cũng cứ ở lại với biển, sống chết trên sóng nước cho thoả, việc gì phải mò về để rục xương ở cái xứ khí ho cò gáy của ông ta! Phải mãi về sau này tôi mới hiểu ra rằng mọi thứ đều có cội nguồn. Con người cũng vậy, cuối cùng sẽ phải trở về nơi đã sinh ra họ.

+

Ngôi nhà của Vân Lì nằm trên sườn đồi, tận rìa làng, mái lợp cỏ tranh, tường chình đất đỏ, xung quanh có rào đá bao bọc, kiểu thường thấy ở những vùng bán sơn địa. Sau trận đậu mùa trước đó ba năm họ hàng thân thích của ông chỉ còn lại đứa cháu gái ngoài ba mươi tuổi, gọi Vân bằng chú, thân hình gầy đét, mặt rỗ như tổ ong, không chồng, suốt ngày quàu quạu. Nếp sống của Vân Lì thay đổi hẳn. Ông vận chiếc áo bằng vải thô, do đứa cháu gái tự dệt và nhuộm chàm, từ sáng sớm đến tối mịt cặm cùi làm vườn, sửa nhà như một lão nông thực thụ. Chỉ có rượu là ông không bỏ, có lẽ không muốn bỏ. Ông uống rượu như uống nước, uống rượu thay nước. Những khi nhớ biển rượu đem lại cho ông cái cảm giác bồng bênh quen thuộc. Ông thường uống rượu vào buổi chiều, sau một ngày làm lụng quần quật như trâu lặn, mặc chiếc áo vắn, ngồi bắt chân chữ ngũ trên mảnh chiếu con ở đầu hè, mắt đăm đăm nhìn đồng lúa rập rờn như sóng. Lúc đó ông có trông thấy thằng Ba Nghịch lảng vảng qua lại hay không? Có lẽ là có, nhưng rõ ràng là

ông chẳng thèm để ý đến hấn, công rả vẫn để tanh bành ra đấy, thậm chí khi đưa cháu gái thì thảo Vân Lì cũng cứ phớt như không.

Chuyện ấy không lọt qua mắt những người thóc mách. Dân làng thấp thòm chờ cuộc đụng độ. Thế rồi một hôm Vân Lì say rượu, đập vỡ cong tương ở gốc cau và thượng cẳng chân, hạ cẳng tay với đứa cháu gái. Hàng xóm biết vậy vì thấy cô ta mặt mày thâm tím, ngực lấm tẩm nước tương, sang xin vôi và lá khoai, chắt làm thuốc rửa rượu. Đứa cháu diu chú vào nhà, đặt nằm trên chiếc phản mộc, bôi vôi vào gan bàn chân và đổ nước khoai vào cái miệng đang thở phì phì. Chỉ có cô ta biết rằng chiếc áo vẫn không cánh mà bay.

Nửa đêm hàng xóm đột nhiên kinh động vì một tiếng rú rùng rợn, ngắn và lạnh như cật nửa cửa vào bắp thịt. Người ta nhận ra giọng Ba Nghệch và lò mò hiểu ra mọi chuyện. Cho đến sáng không ai chợp mắt nhưng cũng chẳng dám ra đường, chỉ cài chặt then cửa, đoán già đoán non và thì thảo về Vân Lì đủ chuyện: Những miếng vỡ bí truyền, những cuộc trả thù tàn khốc. Vỡ quýt dày có móng tay nhọn. Đáng đời Ba Nghệch, vô phúc vớ phải tay không vừa. Có lẽ những câu chuyện ấy đều được thêu dệt thêm cho li kì, nhưng tính công bằng nghiệt ngã của Vân Lì thì có thật, tôi biết rõ như vậy. Ba Nghệch đang sống đêm cuối cùng của đời hấn.

Nhưng Ba Nghệch không hay biết điều đó, mặc dù hấn không hề ngủ. Khi bị ném như một bó củi xuống sàn và nghe tiếng chốt cửa lạch cạch đóng lại, hấn rờ tay lên ngực. Máu từ vết thương ở xương quai xanh vẫn còn ri rỉ, thấm đẫm chiếc áo vẫn lính thủy. Con thú lần đầu bị cầm tù chột hiểu ra tình thế, thở hồng hộc, lòng lộn một cách tuyệt vọng trên sàn nhà xây bằng đá học. Mũi hấn ngửi thấy mùi nước đá ngựa nóng nực, chân hấn đạp lên những đống phân khô, tai hấn ong ong tiếng muỗi đàn, tay sờ soạng trên bốn bức tường ghép bằng gỗ nguyên cây, chỉ bóc vỏ, vẫn còn chia ra những vấu lớn xù xì. Húc bằng đầu không nổi, nắm đấm như cái vỏ của hấn cũng chẳng làm những khúc gỗ suy suyền chút nào, Ba Nghệch bèn lấy móng tay mà cào. Những móng tay của hấn dày, cứng như mảnh sành, nếu bình tĩnh mà tách từng thớ gỗ thì cũng khá được việc. Nhưng đầu hấn làm gì có óc mà nghĩ. Hấn cứ hùng hục cào như người ta dùng bàn cạo mà cạo gỗ. Vài cọng xơ gỗ rơi xuống chân càng kích lệ hấn. Hấn làm việc như điên dại, cho đến khi móng tay trở tuột phụt ra, mắc lại trong đám sợi gỗ bươm xồm. Hấn nấc lên vì đau đớn, vội đưa ngón tay mất móng lên mồm mà hút. Dòng máu mẩn mẩn tứa ra mồm khiến hấn bình tĩnh lại và sực nhớ đến hàm răng.

Buổi sáng, khi Vân Lì lại gần chuồng ngựa thì Ba Nghệch đã dùng răng cắn xé, mở được một khe hở đủ để thò đầu ra ngoài. Cảnh tượng thật khủng khiếp: một cái đầu bù xù như tổ quạ, những cái răng chia ra to như răng ngựa, hai hàng lợi bị gỗ cào rách tướp vẫn đang rùng rùng máu.

Mắt Vân Lì sáng lên vì phấn chấn. Những thợ săn cá mập lão luyện cũng phấn chấn như thế khi gặp được con mồi dữ tợn. Ông từ từ tiến lại gần.

Nhưng khi mặt đối mặt với Ba Nghệch, khi ánh mắt ông chạm phải ánh mắt hấn thì Vân Lì giật mình lùi lại, không tin vào mắt mình. Trước mặt ông là cặp mắt của một người vô tội! Đúng vậy, vô tội! Giận dữ, thậm chí điên dại, nhưng vô tội. Trong cuộc đời bốn ba, ngang dọc, Vân chưa từng gặp cái nhìn nào như thế, mặc dù đã chạm trán với đủ loại kẻ thù, nhiều lắm, ông không thể nhớ nổi, cũng như không sao nhớ nổi trong đời mình có bao nhiêu chuyện ra khơi. Tất cả những cặp mắt ấy - dù căm giận hay khiếp nhược, đần độn hay gian xảo - đều ngập trong những tia hối hận chỉ làm ông khinh bỉ. Chúng, lũ súc vật ấy, ý thức hoàn toàn rõ ràng về việc làm của mình, nhưng lòng tham và tâm địa tàn bạo khiến chúng mờ mắt, tự giác lao vào tội ác. Chính vì thế mà khi bị sa lưới chúng hối hận, van xin.

Vân Lì lại tiến lên. Ba Nghệch vẫn lờ lững nhìn ông, răng nghiến ken két, mắt vẫn lên những tia máu đỏ ngầu. Đúng, ông không nhầm. Đó là đôi mắt của một con thú dữ, hung hãn nhưng vô tội. Ông ném con dao xuống đất và mở cửa.

+

Chẳng biết Vân Lì đã giảng giải cho Ba Nghệch những gì về nhân cách, nhưng khi ông ta dẫn hấn đến giao cho tôi thì Ba Nghệch đã trở thành một gã đàn ông hiền như đất. Trên tàu ngoài tôi ra không ai biết gì về quá khứ u mê và bản thù mà chính hấn đã quyết một lòng đoạn tuyệt. Có người bảo Ba Nghệch dở hơi, kẻ khác lại nói hấn lai cái. Hãy thử tưởng tượng một thằng mạch lô không rượu, không thuốc, không cờ bạc, cũng chẳng thèm để ý những ả chèo thuyền “mua mọi thứ cần bán, bán mọi thứ cần mua”, lá lơi và sẵn sỏ như quý cái giữa đám đàn ông bồ bã và sẵn sỏ như quý đực. Những lúc ấy Ba Nghệch lẳng lặng bỏ ra ngồi một góc, cặm cụi học châu dầy hoặc những công việc thủy nghiệp khác. Hấn tập chăm chỉ đến nỗi không ai nỡ cáu giận khi thấy sự vụng về của hấn. Mà dù có cáu thì hấn cũng không hề phật ý, chỉ nhe răng, không biết cười hay mếu, càng nhẫn nại hơn. Cuối cùng tôi hiểu rằng cái đầu củ chuối của hấn không thể tiếp thu những kiến thức dù sơ đẳng ấy. Ba Nghệch không thể trở thành thủy thủ được. Hấn chỉ có ích mỗi khi xảy ra ẩu đả với đám đàn ông say rượu ở các cảng, mà đó là chuyện cơm bữa, nguyên nhân nhiều khi rất ngớ ngẩn, phần lớn có liên quan đến mấy ả bán ô-vi-lơ(1) và gác chần.

Bấy giờ Ba Nghệch đã ở trên tàu được non một năm. Chiều hăm tám Tết, “Hải Mã” nhổ neo ở mũi Ba Gà, định rấn một mạch về Hòn Chông trước giao thừa. Trời mù, biển cũng động rồi, sóng không dưới cấp sáu. Nhưng chúng tôi không ngán. Máu về ăn Tết át đi mọi lo ngại. Vào dịp cuối năm những con tàu đã rã rời vì sóng gió bị cuốn hút về bến cảng chẳng khác gì lũ chim mỗi cánh bị hút về tổ lúc hoàng hôn.

Trong lịch sử ngành hàng hải đã có bao nhiêu thuyền trưởng chôn vùi sự nghiệp của mình dưới đáy biển vì những cái tặc lười như vậy?

Vừa ra khỏi doi cát ngầm, tới chính ngang Hòn Điều, tôi cho tàu nhằm hướng chính bắc, quát hết tốc lực. “Hải Mã” rung lên, thờ hồng học. Những dãy núi ven bờ nhào đi nhanh chóng. Sóng mỗi lúc một mạnh... Từ trên đài chỉ huy tôi lo ngại nhìn mũi tàu chốc chốc lại chìm đi dưới đám bọt nước trắng xoá. Dù sao cũng không thể nghĩ đến chuyện quay lại.

Cả ngày hôm sau thời tiết không khá hơn. Tàu đi chậm đến sốt ruột vì ngược gió, ngược nước. Gần trưa ngày ba mươi, sương mù dần dần tan. Mặt trời hiện ra, đỏ ngầu như máu. Biển chuyển sang màu nước dưa.

- Bão mất rồi - Đám mạch lô kêu lên khi trông thấy cá heo xuất hiện hàng đàn cách tàu chưa đầy năm chục mét.

Làm gì có bão vào mùa này nhỉ? Nhưng bão đang đến gần thật. Một đám mây lạ xuất hiện phía chân trời rồi nhanh chóng toả ra hình nan quạt. Không khí bỗng chốc ngột ngạt và nóng bức như giữa mùa hè.

Lúc đó “Hải Mã” đang ở giữa mũi Sào và Hòn Cóc. Tiến thoái lưỡng nan, cách duy nhất là chạy vào Hòn Nhĩ, một cù lao nhỏ cách tuyến hàng hải chừng mười lăm hải lí về phía tây. Tôi chưa lần nào đến đó. Tránh bão ở một nơi xa lạ thì thật mạo hiểm, nhưng dù sao cũng còn hơn là phơi lưng giữa biển. Tôi cho tàu quay mũi. Có kịp không? Chỉ có trời biết. Bọn mạch lô huýt sáo và cười đùa vui vẻ. Cười đùa trong nguy hiểm - đấy là biểu hiện tuyệt vọng. Dân biển lúc bình an thì uống rượu và văng tục, gặp việc dễ thì cãi cộ phồng mang trợn mắt, có khó khăn thì mồm môi im lặng, còn khi tuyệt vọng thì vui vẻ cười đùa - lúc đó còn bụng dạ nào nữa mà uống rượu và văng tục, có cách giải quyết nào đâu mà bàn cãi, còn im lặng thì khủng khiếp quá, và biết để làm gì?

Con tàu, cơn bão và bóng đêm đến Hòn Nhĩ cùng một lúc. Trong trường hợp này chớ dại thả neo. Chẳng có xích neo nào chịu đựng nổi những cú giật ghê người như thế. Tôi lợi dụng ánh chớp để xác định vị trí, cho tàu chạy vòng quanh đảo. Đó là một trò chơi đuổi bắt căng thẳng và không cân sức. Hòn đảo ở giữa, một bên là con tàu nhỏ nhoi, bên kia - cơn bão như một gã khổng lồ đáng sợ. Chúng tôi chèo chống, vật lộn, kinh hãi và tuyệt vọng. Tôi không nhớ được gì

cụ thể. Tất cả như một cơn ác mộng. Về sau, tôi lấy làm kinh ngạc: tại sao chúng tôi thoát chết?

Không biết cơn bão kéo dài bao lâu, nhưng đột nhiên nó dừng lại, dường như sự nhớ là đã vướng chân ở hòn đảo nhỏ với con tàu buồm bình này quá lâu, bèn hướng vào đất liền, giạt dũ lao đi, để lại một trận mưa sầm sập như trút nước.

Tôi không dám cho tắt máy ngay, cử người kiểm tra kĩ các khoang, chỉ khi tin chắc rằng cơn bão đã tan hẳn mới hạ lệnh thả neo. Tàu bị hư hại nhẹ, hơn nữa giao thừa cũng đã qua rồi, tôi quyết định lại.

+

Hôm sau, trời tạnh ráo và ấm áp. Đó cũng là điều bình thường ở vùng này - thời tiết đã sang xuân. Hòn đảo nằm phơi mình dưới nắng. Nếu không kể những thứ rác rưởi ngổn ngang trên bãi cát thì phong cảnh bình yên như đêm qua chẳng có chuyện gì xảy ra.

Cũng như tất cả các đảo cát ở miền Trung mà tôi có dịp ghé qua, Hòn Nhĩ có rất ít màu xanh. Tôi trông thấy thấp thoáng vài tàu dừa xơ xác. Một xóm nhỏ, thưa thớt mấy ngôi nhà vách đất thấp lè tè, mái lợp lá dừa, được chèn kĩ bằng đủ thứ gỗ, ván và cây cọc để chống chọi với gió bão. Một đám đông chừng hai chục người, phần lớn là đàn bà và trẻ con, mặc những chiếc quần ống rộng, áo nhuộm chàm, tụ tập sát mép nước, chỉ trở về phía tàu, điệu bộ rất tò mò. Mấy đứa con trai táo tợn nhất nhảy ùm xuống nước, mặc cho những bà mẹ huơ tay lên trời giạt dũ, bơi ra tận tàu, quấy nước tung toé như cá heo, bám lấy xích neo và hét lên bằng thứ tiếng địa phương trọ trẹ rất khó nghe.

- Đâu tàu ở đằng nào mấy chú hề?

Trên bờ đám người đông dần đến khoảng bốn chục, sau đó tản bót đi, nhưng cũng chỉ có người lớn ra về, còn lũ trẻ vẫn ở lại, tiếp tục la hét đến tối mịt. Về sau tôi biết rằng đó là gần như toàn bộ dân cư trên đảo.

Sự tò mò của dân đảo là chuyện dễ hiểu, tôi cũng đã gặp nhiều lần. Dân đảo, trừ những người đàn ông thường phải đi khơi xa và thỉnh thoảng ghé vào đất liền, suốt đời không rời hòn đảo nhỏ. Hòn Nhĩ xa tuyến hàng hải, lại ở giữa hai cảng lớn là Ba Gà và Hòn Cóc, nên tàu bè ít khi ghé vào. Có lẽ đó là lần đầu tiên họ được trông thấy một chiếc tàu to như vậy.

Dân Hòn Nhĩ sống bằng nghề đánh cá. Đó là một nghề hết sức bấp bênh và nguy hiểm. Hàng năm những người đàn ông trên đảo ra khơi từ giữa tháng giêng đến cuối thu. Hầu như vụ cá nào cũng có người thiệt mạng. Đảo luôn luôn thiếu đàn ông, mỗi người phải nuôi năm sáu miệng ăn. Đàn bà chỉ việc đẻ đẻ, nuôi con và muối cá. Hết vụ cá, dân đảo chất cá muối lên thuyền, chở vào đất liền đổi lấy khoai khô, muối, dầu, vải và những đồ dùng cần thiết khác, chỉ để lại cá nhâm, loại cá mình dẹt, lấm xương và nhiều vảy. Đời sống của dân đảo rất kham khổ, quanh năm chỉ có khoai khô với cá nhâm muối. Những năm thời vụ không thuận lợi, khoai khô cũng không đủ. Gạo là thứ xa xỉ chỉ dành cho người ốm và dịp giỗ Tết.

Năm ấy coi như không có Tết. Ngay từ hôm mùng một chúng tôi đã bắt tay vào công việc. Chỉ cần sửa chữa những gì không thể trì hoãn để tiếp tục hành trình. Ra Bắc, rằm tháng giêng ăn Tết lại, sau đó hăng hay.

Số thực phẩm dự trữ được bảo quản cẩn thận là thế mà vẫn bị nước mặn làm hỏng phần lớn, rượu cũng đã hết. Việc bổ sung tôi giao cho Ba Nghếch. Chính việc này đã dẫn hẳn đến với Chắt.

Chắt là một người đàn bà ba mươi mốt tuổi với những nét đặc trưng của dân miền biển: da đen, môi dày, đôi vai rộng, quen gánh vác những công việc nặng nhọc. Vì Chắt cao lớn và có dáng đi lừng lững như đàn ông nên dân đảo gọi cô là “Chắt Đực” để phân biệt với một cô Chắt khác là Chắt Còi. Nhà Chắt Đực ở cuối xóm. Cô sống bằng nghề nấu rượu, hoạn lợn và muối cá thuê.

Nghề muối cá đàn bà trên đảo ai cũng làm, còn hai nghề kia với ngôi nhà là những thứ cô thừa hưởng ở người cha đã chết vì đắm thuyền tám năm về trước, khi cô mới hăm ba tuổi. Mẹ “Chất Đục” chết từ khi cô còn ẵm ngửa.

Hôm ấy Chất cùng đám đàn bà con gái đi xem tàu về, đang định rủ nhau đến nhà cụ Chòm xem các ông bà già chơi tam cúc. Ba Nghêch vừa dưới xuồng lên, vai khoác chiếc bao tải, tay xách thùng rượu bằng gỗ có quai đồng, bước huỳnh huỵch theo sườn đảo thoải thoải dốc. Chất bảo:

- Anh gì có mua cá mều không nờ?

Ba Nghêch ngẩn người. Chất bảo:

- Đây này! - Nói rồi vỗ bồm bộp vào con “cá mều” của cô bạn đứng bên cạnh và cười ré lên. Ba Nghêch đỏ bừng mặt nhưng tinh thích. Lần đầu tiên trong đời Ba Nghêch đỏ mặt. Lối đùa tục tĩu và chân thật của Chất khơi dậy trong lòng hắn bản năng giống đực. Đã bao giờ hắn được đàn bà chòng ghẹo như vậy đâu! Người ta chỉ khiếp sợ hoặc kinh tởm hắn. Hai cách xử sự này kích thích tinh man rợ của cả con thú lẫn con người.

Ba Nghêch lí nhí:

- Tôi mua rượu, mới lại gà, mới lại rau.

Chất bảo:

- ở đây không có rau, gà phải đến cụ Chòm, còn rượu thì theo tôi.

Chất nói rồi xăm xăm đi trước. Ba Nghêch theo sau. Dọc đường hắn nhìn cái đuôi tóc bé tí tẹo, vàng như lông bò trên lưng Chất, lại nhìn bờ vai vạm vỡ, lại nhìn hai cái mông bè bè, đậm bối rồi. Vào nhà, Chất bảo Ba Nghêch ngồi xuống cái ghế con rồi nói:

- Chẳng mấy khi anh đến chơi nhà, lại ngày Tết ngày nhất, mời anh uống rượu, ăn bánh với tôi cho vui! - Nói rồi đi xuống bếp.

Ba Nghêch đảo mắt nhìn quanh. Đồ đạc trong nhà chẳng có gì ngoài hai cái chum to, một cái đã vỡ, phải hàn lại bằng thứ keo gì đó màu vàng xỉn. Giữa nhà có bàn thờ đắp bằng đất, trên đặt hai cặp bánh chưng, chùm dứa xanh, giữa bày bát hương đã tắt hết. Một con mèo già gần trụi hết lông đang ngủ say sưa trên chiếc phản nứt nẻ kê bên trái bàn thờ. Dưới gầm phản có cái chậu gỗ đựng con dao nhỏ, cái kéo, cái kim lớn đã xỏ dây và lọ thuốc. Đó là đồ nghề hoạn lợn.

Chất bê lên một cái hũ nút lá dứa khô, hai cái bát sành, một đĩa tôm kho, trên rắc mấy cọng rau tưa như rau ngổ, sau đó lấy một chiếc bánh trên bàn thờ xuống, đặt lên ghế con, rót rượu ra bát.

Ba Nghêch chối đây đây:

- Tôi không uống rượu đâu!

Chất cứ chìa cho Ba Nghêch một bát:

- Anh đừng từ chối, giống đấy! - Nói rồi cũng bưng một bát, uống ừng rục. Rượu khoai chua loét, đục như nước gạo, không lấy gì làm nặng, nhưng đã lâu không uống rượu nên Ba Nghêch cũng thấy lảng lảng. Hắn bạo lên, bảo:

- Chị uống được nhiều nhỉ.

Chất đáp:

- Làm nghề nào ăn nghề ấy.

Ba Nghêch liếc trộm vào ngực Chất:

- Chị xinh gớm!

- Nhà anh cũng khoẻ gớm.

Ba Nghêch ngồi im một lúc rồi đột ngột bảo:

- Này!

Chất ngẩng lên. Ba Nghêch ôm choàng lấy thân hình vạm vỡ của Chất, vật ngửa cô ta ra đất.

Chất không chống cự, chỉ ú ớ gì đó không rõ. Một lúc sau hai đũa hỏn hển đứng dậy. Chất khép ngực áo đứt cúc, bảo:

- à quên, chưa bóc bánh - Nói rồi bóc bánh, cắt làm tư, lấy dĩa xiên cho Ba Nghêch một miếng.

Bánh độn khoai, nhân chỉ có vài hạt vừng. Ba Nghêch ăn hết hai miếng ngon lành. Chất hỏi:

- Anh lấy tôi chứ?

Ba Nghệch đáp như mất hồn.

- Để xem đã.

Thực ra ngay từ lúc đó Ba Nghệch đã gắn bó đời mình với Chắt, người đàn bà đã đem đến cho hắn niềm hạnh phúc bình đẳng làm người và tình yêu chân thật.

+

Công việc sửa chữa tường ít, ai dè kéo dài đến mồng chín mới hòm hòm. Buổi sáng Ba Nghệch chèo thuyền vào bờ, đổi lấy một con lợn gầy trơ xương, nặng gần ba chục kí. Tối cho giết thịt và quyết định sáng hôm sau, mồng mười, sẽ nhổ neo ra Bắc. Đám mạch lô thấy đều hồ hởi - chúng đã chán ngấy tận cổ hòn đảo cần cối và thứ rượu khoai chua loét rồi. Riêng Ba Nghệch không nói năng gì, chỉ cau có và vắng tục. Điều này chẳng khiến ai để ý - làm lì và cục súc là bản tính của hắn. Vì vậy ai nấy đều bắt ngờ khi hắn xin ở lại đảo cưới vợ.

- Lại bão đến nơi rồi, Ba Nghệch đã biết nói đùa! - Bọn mạch lô ò cả lên. Nhưng tôi nhìn vào mắt Ba Nghệch, nhận thấy sự biến đổi lớn lao và hiểu rằng hắn không nói đùa. Một chút dịu dàng trên bộ mặt to bè, một tia vui trong đôi mắt trắng dã, một thoáng run rẩy của cặp môi dày nứt nẻ - tất cả đều nói lên hạnh phúc.

Thôi cũng mừng cho hắn. Số mệnh đã làm một sự lựa chọn tuyệt vời khi ném Ba Nghệch lên Hòn Nhĩ. Không có nơi nào thích hợp hơn với hắn. Cù lao nhỏ xa đất liền này sẽ giúp hắn quên hẳn quá khứ. Những công việc nặng nhọc và đơn giản phù hợp với sức vóc cường tráng và cái đầu đàn độn của hắn. Nhưng còn một điều quan trọng nhất: ở đây hắn sẽ được sống giữa những con người lương thiện, tốt bụng và chân thật. Trên các cù lao khác khổ của miền Trung này dân cư sống với nhau như trong gia đình lớn. Từ nhà nọ đến nhà kia không hề có rào dậu, cổng ra gì, thành ra câu tục ngữ "Yêu nhau rào dậu cho kín" hoá ra vô nghĩa. ở Hòn Nhĩ đã từ lâu không xảy ra trộm cắp vặt. Tôi đã có dịp trò chuyện với cụ Chòm, người đàn ông cao tuổi nhất đảo, đã từng làm phu mỏ trong đất liền, lại đi lính cho Pháp, cái gì cũng biết, bây giờ suốt ngày khò khè trong xó bếp vì bệnh hen. Cụ Chòm kể:

- Hồi mới lên chín mươi tuổi, tôi được xem dân đảo hành hình Tảo Chột. Tảo Chột cũng là dân chài, thế mà đột nhiên ăn trộm rượu của ông Lai Kỳ, tức là cụ của con bé Chắt Đực bây giờ. Người ta cắt gân gót chân Tảo Chột, buộc đá vào cò rồi thả xuống biển - cụ Chòm đưa bàn tay xương xẩu mô tả kích thước hòn đá rồi chép miệng: - Quân ấy sống thì thế nào cũng đẻ ra quỷ sứ thôi!

Chuyện ấy dân đảo nghe đi nghe lại đến thuộc lòng, thậm chí còn bắt chước cả cách chép miệng của cụ Chòm.

Thực ra tốt bụng và chân thật là những đức tính chung của dân miền biển. Trong cuộc sống khắc nghiệt giữa thiên nhiên hung bạo, sự giả dối và ích kỉ, xưa nay vốn đồng nghĩa với nguồn gốc chia rẽ, là những điều không thể nào tha thứ được. Nó sẽ dẫn đến cái chết của cả cộng đồng.

Tôi hoãn nhổ neo và ngay hôm đó theo Ba Nghệch lên bờ. Các thủ tục được tiến hành chóng vánh. Dân đảo không cầu kì, nếu không kể việc bắt cô dâu chú rể phải tuyên thệ bằng một bài đồng dao hết sức ngô nghê. Sau đám cưới, rất to đối với dân đảo - ai cũng được chén thỏ thề cơm, rượu và mỡ lợn - nhưng quá nhỏ đối với dân tàu - vì chỉ có ngần ấy thứ - chúng tôi để lại cho vợ chồng Ba Nghệch một số đồ dùng rồi nhổ neo. Tất cả dân cư trên đảo ra tiễn. Ba Nghệch dắt vợ lội xuống nước, khóc hu hu. Tàu đi xa rồi tôi lấy ống nhòm nhìn lại vẫn thấy vợ chồng hắn đứng ngâm mình dưới nước. Tôi thầm cầu Trời phù hộ cho hắn. Mong sao cuộc sống lương thiện sẽ gột rửa quá khứ khỏi đời hắn như nước biển trong xanh gột rửa những rác rưởi trên bãi cát trắng sau lưng hắn kia.

Đoạn kết

Sau chuyến đó “Hải Mã” thôi chạy tuyến Bắc - Nam, vì thế tôi không có dịp ghé vào Hòn Nhĩ. Tuy vậy thỉnh thoảng tôi cũng dò hỏi được đôi chút tin tức về Ba Nghệch. Hai vợ chồng hẳn sống hoà thuận, cần cù, lại có sức khoẻ nên ngày càng khấm khá. Hình như hạnh phúc cũng có thể góp phần mở mang trí tuệ con người. Ba Nghệch đã học được nghề đi biển. Hai vợ chồng sắm một chiếc thuyền. Đến vụ Ba Nghệch đi khơi cùng đàn ông trên đảo. Chắt vẫn nấu rượu, lại nuôi được đàn lợn, đời sống chẳng có gì đáng phàn nàn.

Bốn năm sau, có mối hàng mới, “Hải Mã” trở lại tuyến cũ. Tôi quyết định ghé thăm vợ chồng Ba Nghệch. Thật bất ngờ, tôi được nghe một kết cục bi thảm sau đây: Lấy nhau được hơn hai năm thì Chắt có thai. Hai vợ chồng mừng rỡ chờ đón đứa con đầu lòng. Chắt đã gần băm tư mới có thai lần đầu, yếu lắm, người mệt mỏi, xanh rớt. Ba Nghệch bảo vợ ở nhà, một mình gánh vác mọi việc.

Một hôm đang ăn cơm trưa, Chắt chợt để ý đến ngón tay trở tuột móng của chồng, hỏi bị làm sao. Ba Nghệch đã lâu quên bằng chuyện cũ, nghe hỏi giật bắn mình, buông bát. Chắt im lặng nhưng hôm sau lại hỏi, lần này về vết sẹo ở xương quai xanh. Ba Nghệch càng thêm lúng túng. Hẳn đã nhiều lần được nghe câu chuyện của cụ Chòm, biết rõ định kiến của dân đảo nên hiểu rằng không thể nào nói thật. Nhưng hẳn cũng không biết nói dối. Hẳn văng tục, tránh nhìn vợ, bỏ ra khỏi nhà.

Thái độ của chồng làm Chắt sinh nghi. Thói xấu tò mò khiến người ta suy diễn. Đàn bà chữa lại hay hoang tưởng, nỗi ngờ vực của Chắt dần biến thành sự sợ hãi. Chắt ngày đêm nơm nớp, thường mơ thấy mình đẻ ra quỷ sứ ba đầu sáu tay. Càng gần đến ngày sinh Chắt càng thêm hoảng loạn, nhiều lúc như điên dại, khóc lóc, van vỉ chồng nói ra sự thật. Ngược lại, Ba Nghệch ngày càng lì lợm, cục cằn.

Hôm ấy Ba Nghệch về nhà không thấy vợ đâu. Linh tính mách bảo hẳn chạy ra bến buộc thuyền. Chắt khi đó đã có chửa tháng thứ bảy, bước đi lảo đảo như người mộng du. Ba Nghệch đuổi kịp vợ trên sườn đảo, đứng chỗ ngày nào Chắt đã chòng ghẹo hẳn.

- Mình đi đâu! - Hẳn ngăn vợ lại.

- Sơn Hạ! - Chắt đáp.

Ba Nghệch ngã phịch xuống như một cây chuối đổ.

+

Ba Nghệch lại uống rượu - thứ rượu khoai mà Chắt đã cất trước lúc ra đi. Bây giờ hẳn uống nhiều hơn cả khi còn ở Sơn Hạ.

Được bốn ngày thì rượu hết, còn đời hẳn kéo dài hơn một ngày. Hôm sau dân đảo cắt gân gót chân Ba Nghệch, buộc đá vào cổ và ném xuống biển.

Đáng kiếp! - Cụ Chòm chép miệng và ai nấy đều chép miệng theo: - Quân ấy sống thế nào cũng đẻ ra quỷ sứ thôi./.

Xác chết trả thù

Mùa hè năm 1987, Nguyễn Văn Hãn, tức Hãn Râu, một con sói biển già hãnh tiến, thuyền trưởng chiếc “TC-9071” chín trăm ngựa, hai giò(1), đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng khi quyết định chạy vào tránh bão ở cửa Hoàng Long, vùng nước mênh mông, quanh năm hoang vắng, với những đám rong trôi nổi dễ đánh lừa cảm giác và vô số bãi cát ngầm di động, khiến cho việc quay trở hết sức khó khăn, nguy hiểm. “TC-9071” đã vật lộn, cày, dũi suốt một đêm ròng mới ra được, nhưng đành chịu mất neo chính và bị sợi dây nilông phi ba mươi(2) quấn chặt vào giò bên

phải. Những cuộc cãi cọ đố lỏi cho nhau kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Cuối cùng Hãn Râu cảm thấy xấu hổ về nghề nghiệp, hơn nữa cũng lo ngại những hậu quả xấu khi trở về, ra lệnh quay lại Vụng Giải, hy vọng sẽ xử lý xong xuôi mọi chuyện mà không gặp phải người quen trong giới tàu bè.

Chiếc tàu một giò(3) lặc lè lết đi. Hai bên, những đảo đá lô nhô, xám xịt gieo vào lòng người cảm giác u sầu và bứt rứt.

Vụng Giải nằm cách luồng chạy tàu chừng năm hải lý về phía bờ, bốn bề vách đá cao vút, nước trong vắt, lạnh lẽo rợn người. Tàu bè lớn ít khi ghé vào đây, chỉ có dân đảo ngán hay chèo thuyền qua để đi tắt sang Lạch Tĩnh.

Giữa trưa, “TC-9071” thả neo mũi, tắt máy, nhưng không một ai dám yên tâm. Chiếc neo phụ quá nhẹ, lại đã cũ mềm, chẳng lấy gì làm chắc chắn.

Dân sông nước ngán nhất công việc lặn gỡ dây neo quán chân vịt. Ở đây có một lý do bí hiểm nào đó không ai giải thích nổi. Hình như càng những tay bơi lội như rái cá càng hay gặp nạn.

Đã là thuyền trưởng, cho dù là thuyền trưởng tàu chiến, đồ anh nào dám đùa cợt với tử thần. Hãn Râu cho giết gà, cầu khẩn cẩn thận, sau đó hạ lệnh chuẩn bị đồ lặn. Gọi là đồ lặn, nhưng thực ra chỉ có một cuộn dây mồi, mấy cái áo phao dự trữ và con dao nhọn dùng để cắt dây.

Toàn tàu tập trung sau lái, nhìn xuống nước trong bầu im lặng căng thẳng. Gió nhẹ, biển bình yên một cách đáng ngờ.

Mặt cau có, Hãn Râu đi lại như giẫm vào tổ kiến. Tấm lưng gấu lực lưỡng cúi gập hẳn xuống.

- Một chỉ, ai dám nhận không? - Giọng Hãn Râu vang to và bình thản, vẻ bình thản của người không còn đủ tự tin.

Cuộc mặc cả mang dáng dấp của sự ve vãn. Hãn Râu tăng phần thưởng lên hai chỉ, sau đó lại kèm thêm mười lăm ngày phép. Dĩ nhiên ai cũng biết rằng thuyền trưởng không có quyền cho lính nghỉ phép, nhưng Hãn Râu vẫn quen hành động như vậy, còn vàng thì chỉ có người trên tàu mới biết ở đâu ra.

Thủy thủ là những người thận trọng, nhưng bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng liều lĩnh, nếu như sự liều lĩnh ấy được trả giá xứng đáng. Không khí dễ thở hơn, vài người, toàn những thằng trẻ tuổi, giơ tay xin lặn.

Đúng là người ta ở đời sống chết có số cả. Hãn Râu đã chỉ định Thiều Méo, nhưng thằng báo vụ quê Thái Lộ ấy chưa kịp cởi quần áo thì Hải Bần sầm sầm từ khoang máy chạy lên.

- Để tui lặn cho, anh Hãn hê! - Hải Bần nằn nì bằng thứ tiếng Nghệ An chưa hề pha tạp.

Sau này ai nấy nhớ lại, giọng thằng Hải nghe lạ hoắc, còn hôm đó tất cả đứng như hóa đá.

Hải Bần là lính cơ điện, mới mười chín tuổi, vốn dân miền biển, thấp bé nhưng rắn chắc, suốt ngày cởi trần, da đen như tấm nước la canh(1) vừa cưới vợ chưa đầy hai tháng. Có thể ai đó bị hai chỉ vàng hấp dẫn, nhưng Hải Bần thì lại khác. Hắn chỉ nghĩ đến mười lăm ngày phép mà thôi.

Hải Bần không đợi thuyền trưởng đồng ý, xăm xăm tiến lại gần đồng đồ lặn, vội vã buộc sợi dây mỗi ngang lưng, cầm dao, trèo qua lan can.

Nhưng vòng tròn mờ đi rất nhanh, chỉ còn lại từng đám bọt trắng nổi lên và vỡ tan trên sóng.

Mọi người bắt đầu thấy rằng chọn Hải Bần là đúng đắn - Rõ ràng, có thể qua mặt cả Hãn Râu. Hai phút, rồi ba phút trôi qua mà Hải Bần vẫn chưa chịu ngoi lên.

Nhưng đến phút thứ năm thì một nỗi kinh hoàng bao trùm lấy toàn tàu.

- Kéo lên! - Hãn Râu ra lệnh.

Hai thằng bảo hiểm vội vàng giật mạnh sợi dây mồi. Nhưng sợi dây nhẹ bồng.

Không ai kịp hiểu ra điều gì xảy ra. Lần thứ hai họ như hoá đá. Đột nhiên có ai đó kêu lên:

- Thằng Hải bị rồi!...

Thuyền trưởng như sực tỉnh.

- Tất cả!... chúng mày... nhảy xuống!... - Hãn Râu hét lạc giọng, chẳng theo một nghi thức mệnh lệnh gì.

Cử động của mọi người chậm chạp. Tiếng nước bắn toé lên xung quanh tàu ung oang dường như không thật. Cả thế gian này - trong đó có chiếc tàu, mấy chục con người và hành động ngập lặn của họ - cũng vậy, dường như chỉ là hư ảo.

Sự hư ảo ấy kéo dài hai tiếng đồng hồ, (cả thời gian có thể cũng là hư ảo nốt), nhưng kết quả thì hoàn toàn chân thực: thằng Hải đã biến mất.

Thằng Hải biến đi đâu? Nước lặng, dòng chảy không có, mà họ đã lặn ngập từng ấy thời gian.

Ba giờ liền sau đó họ vẫn thay nhau ngập lặn, nhưng không phải để cứu mà tìm xác kẻ xấu số. Vài người nói rằng họ thoáng thấy bóng cá mập lớn vờn gần tàu. Có lẽ đó là lời giải thích?

Trên boong, người ta bắt đầu nhắc lại về khung khác của Hải Bần. Hình như nó đã linh cảm thấy ngày tận số của mình, hình như nó khóc khi nhắc đến con vợ mười sáu tuổi làm nghề muối cá ở quê nhà.

Trời đã về chiều. Dân đảo ngán(1) lác đác từ Lạch Tĩnh trở về, Hãn Râu vẫy một chiếc thuyền.

Chủ thuyền cao lớn, râu bạc trắng, tay dài như tay vượn, mặc quần rộng ống bằng vải thô nhuộm chàm. Trên bộ ngực để trần vô số những vết sẹo phồng rộp, chồng chéo lên nhau như một bầy đĩa bám vào hình hai con cá mập xám bằng những đường xanh mờ, đứt đoạn - kiểu xăm của dân chài vùng Cái Hống. Đầu ông già trọc lốc, bị rạch đôi bởi một vết sẹo bóng như xác rắn, chạy dài gần tới mang tai(2).

- Lâu chưa? - Ông già hỏi sau khi nghe thủng đầu đuôi câu chuyện.

- Năm tiếng rồi - Hãn Râu đáp.

- Các chú định trả bao nhiêu?

- Năm xách(3).

- Được rồi, bỏ lên thuyền đi.

Hãn Râu sai hai thằng lính boong đi lấy năm xách dầu, đem ra trút xuống lòng thuyền.

Ông già ngồi xuống boong, móc thuốc trong túi, nắm tay lại làm tẩu, lạng lẽ hút và theo dõi, sau đó gọi xuống thuyền:

- Thăm, đưa ông cái túi, con!

Hoá ra trên tàu còn có người nữa. Một đứa bé gái khoảng mười một tuổi, gầy nhom chui ra, đứng dạng háng ở mũi thuyền, đưa cho ông già cái túi nhỏ bằng lụa cáu bản, đã sờn, rồi lại chui vào.

Bàn tay to lớn, sần sùi của ông già run run lần mò sợi dây gai đen xin buộc miệng túi, lấy ra một mảnh xương nham nhở. Xỏ vào một sợi dây vừa tháo, đeo lên ngực.

- Cầm lấy, con! - Ông già lại gọi.

Cũng như lúc nãy đưa bé lẳng lẳng chui ra, dường như bị câm, cầm lấy túi và ngay tức khắc biến mất vào mũi thuyền.

Ông già cởi quần dài.

- ùm!...

Cùng với tiếng động, nước bắn lên tận boong tàu. Ông già biến mất dưới làn nước đang chuyển dần sang màu ghi sẫm.

Chưa được một phút, ông già đã ngoi lên, bám vào đệm va(1), miệng lảm rảm những câu gì đó không ai nghe rõ. Đột ngột, ông ngừng lên:

- Các chú có ai phạm trọng tội không?

Không ai nhúc nhích.

Các chú có ai giết người không? - Ông già hỏi lại và đưa mắt nhìn những người đứng trên boong. Nhận thấy ai nấy đều im lặng cảnh giác, ông chậm rãi giải thích: - Vụng Giải là chỗ nước dử, từ lâu nổi tiếng linh thiêng. Các chú tìm xác người chết trôi mà không biết đường khăn vái thì đến Tết! Người chết trôi bao giờ cũng nằm sấp, nhưng nếu được khăn thì tức khắc lật ngửa. Lúc đó ai phạm tội giết người sẽ học máu tươi mà chết!

Giọng ông già bình thản nhưng xa xăm lạnh lẽo. Mọi người đều rùng mình, nhưng vẫn không ai mở miệng.

- Rồi! - Ông già nói và leo lên boong, mặc quần dài.

Tất cả những gì ông già làm sau đó đều bí hiểm - cả những câu thần chú, cả giọng nói trầm trầm khi to khi nhỏ, cả động tác chậm chạp như trong mộng.

- Lên ngay bây giờ đây!

Quả thật, phía xa xa một khối đen đang từ từ nổi lên cùng với những đám bọt nước màu gạch cua sôi sùng sục. Mọi người nhất loạt kêu lên, nhưng đó là kêu không thành tiếng.

Cái xác chết nằm sấp, bập bênh trôi lại gần tàu. Trên boong lặng như tờ. Không ai để ý thấy rằng bầu trời đang sẫm dần và gió đông nam mỗi lúc một mạnh thêm.

Thằng Hải kia! Tám lưng đen thui của nó đã bắt đầu bọt nước. Đột nhiên cái xác dừng lại, khe khẽ xoay rồi lật ngửa.

Một tiếng rú khủng khiếp, không rõ của ai. Mấy chục con người ngã vật ra boong tàu.

+

Một trận gió bất ngờ ném chiếc tàu "TC-9071" vào vách đá và nó vĩnh viễn nằm lại trong lòng biển.

Không ai biết ông già đào ngán đi đâu. Còn những người trên tàu, trước khi chết không ai kịp thú nhận rằng họ đã lặn ngụp một cách hoàn toàn hình thức, rằng chuyện gập cá mập cũng chỉ là bịa đặt mà thôi.

Phụ đính:



Hóa thân

Tôi ngờ câu chuyện sau đây chỉ là huyền thoại, nhưng nghĩ rằng trong đó có những điều người xưa muốn gửi gắm tới chúng ta, thấy nên kể lại đầu đuôi cho các bạn cùng nghe.

Hôm đó giấc mơ của mẹ con bà San đã trở thành hiện thực. Họ chia tay với chiếc buồng tắm cũ nhà Chánh Tảo, chuyển số đồ đạc ít ỏi và xoàng xĩnh của mình về túp lều vừa mới được dựng lên trên sông bằng những đồng tiền mồ hôi nước mắt, dành dụm gần hai chục năm trời - Bà giặt thuê, còn Cảo, anh con trai lực lưỡng, làm thợ bện lò rèn từ năm mười sáu tuổi. Bà San giết gà cúng thổ công và làm cơm mừng nhà mới. Bữa cơm ấm cúng và ngon lành có cả hành cuốn tôm và đậu phụ nhồi. Khách có ba người - dì Bao nấu bếp nhà Chánh Tảo và hai anh thợ rèn - đều chất phác, xởi lởi, tốt bụng, hết lòng vui mừng cho chủ nhà nhưng không thể ngồi lâu. Sau mấy chầu nước chè họ xin phép ra về, giữ sức cho ngày làm lụng cực nhọc hôm sau.

Anh thợ rèn dễ ngủ, lại có chút men, vừa đặt lưng đã ngáy pho pho như kéo gỗ. Bà San dọn dẹp xong cũng đi nằm nhưng không sao ngủ được, phần vì cùng với niềm vui hạnh phúc, dòng hồi ức đắng cay - bấy nay bị chìm đi trong cuộc sống lam lũ, thấp thỏm lo âu - dồn đến cuộn cuộn trong lòng, phần vì nghe gió bên ngoài nổi lên khác lạ, rồi mưa xối ầm ầm như thác đổ.

Gần sáng, đột nhiên gió ngừng. Bà San bừng tỉnh, thấy đầu óc tỉnh táo lạ thường, chợt hiểu rằng mình đã đến đoạn chót cuộc hành hương khổ ải trên trần thế, bèn gọi Cảo, quyết định nói cho con trai điều bấy nay vẫn canh cánh không yên.

Anh thợ rèn cúi khuôn mặt gồ ghề, đen sạm hơi than xuống giường. Giọng bà San yếu ớt, ăn năn, dường như sấm hối. Lần đầu tiên trong đời Cảo biết mình có một người em sinh đôi. Hơn hai chục năm về trước người đàn bà trẻ bị ruồng rẫy, không chốn nương thân, đã phải rút ruột bán một trong hai đứa con còn đỡ hỏn cho khách qua đường ở Sơn Hạ lấy ba đồng bạc. Với ba đồng bạc ấy bà đã duy trì sự sống của mình và đứa con còn lại bằng những bát cháo bột ngô loãng, còn đến ngày thứ chín, ngày đặt tên cho trẻ theo phong tục, mua một con gà trống nhỏ, cất tiết, rỏ chín giọt xuống cái đĩa đựng chín hạt thóc rang để trời chứng kiến. Từ lúc đó có một người tên là Cảo tồn tại trên đời.

- Người ta đem nó đi vào ngày thứ bảy - Giọng bà San run rẩy, thì thầm như cầu nguyện - Ai sẽ làm lễ đặt tên cho nó? Ai sẽ vỗ về cho nó ngủ? Người ta có đánh đập nó không? - Bà ngược cặp mắt mờ đục, đăm lẹ nhìn Cảo - Con ơi, con dù sao cũng có một mái nhà... Còn em con, giờ không biết sống chết nơi nào. Con hãy cố làm lụng, dành dụm rồi đi tìm nó về, anh em đùm bọc nuôi nhau thì dưới tuổi vàng mẹ cũng được mát lòng mát dạ.

Những lời cuối cùng của mẹ khắc sâu vào tâm khảm anh thợ rèn. Sau khi chôn cất mẹ trong nghĩa địa làng, giữa những nắm mồ cô quạnh và rầu rĩ khác, Cảo lao vào làm lụng quần quật như một con ngựa thồ. Anh hàng ngày dậy từ khi bóng tối còn dày đặc trên những bụi đơn lúp xúp dọc triền sông, chèo thuyền chở hàng giao cho dân buôn đồ sắt ngoài chợ huyện, trở về còn kịp đến lò rèn. Suốt ngày quai búa, tối đến Cảo đi thả lò, kéo lưới, đôi khi kiêm cả chèo đò ngang cho khách lỡ độ đường. Làm thì như thế nhưng ăn uống thì rất một món cháo bột ngô. Cảo

không uống rượu, luôn tránh xa đàn bà và những hội cờ bạc, vốn có sức quyến rũ không thể cưỡng lại được đối với đàn ông ở những vùng hẻo lánh như thế này.

Năm ba mươi sáu tuổi, khi đã tích cóp được một khoản tiền kha khá, Cảo gọi một anh bạn thợ rèn đến nhà, đưa cho mấy đồng bạc, nhờ trông hộ túp lều rồi xuống thuyền chèo đi. Đến bến Gát, Cảo bán chiếc thuyền, đi bộ về Sơn Thượng, từ đó đến Sơn Hạ chỉ còn nửa ngày đường.

Sơn Hạ là vùng bán sơn địa, thiên nhiên giàu có và phóng túng. Vài đỉnh núi thấp nhô lên giữa những đồi gò trùng điệp, những thung lũng xanh tươi trù phú. Mặc dù bị thôi thúc bởi mục đích của mình, thỉnh thoảng Cảo vẫn phải đứng sững lại, thích thú nhìn đàn bò đuổi nhau chạy lô xô vàng cả sườn đồi. Dân cư ở đây hào phóng và hiếu khách, mời anh uống sữa tươi, ăn bánh ngô nhân đậu ngựa, cho anh ngủ nhờ trong những đồng cỏ khô ẩm cúng, nhưng không ai hay biết gì về người em trai xấu số của anh.

Sau đó Cảo tới miền Đông, nơi các bộ lạc xưa kia còn để lại vô số miếu thờ hình lục lăng xây bằng đá xám, bây giờ biến thành quán rượu của dân đào quặng từ dưới xuôi lên. Những người thợ mỏ đen như nặn bằng than, ngồi quay vòng trước quán, trên cán cuốc chim, chia cho anh rượu ngô và cá muối, nhưng khi nghe anh hỏi đều nhất loạt lắc đầu. Một hôm Cảo đang lê bước một cách khó nhọc trên con đường lầy lội ở Két thì nghe tiếng xe ngựa dừng lại ở ngay bên cạnh, rồi một ông già bé nhỏ, râu tóc bạc phơ nhảy xuống, xô lại ôm chầm lấy anh.

- Ôi trời ơi, ông lớn đó ư? Ông lớn còn sống ư? - Ông già kêu lên mừng rỡ và hôn tới tấp vào đôi tay đen đúa của Cảo - Tay ông lớn đã trở nên chai sạn thế này sao? Ông lớn hẳn đã phải chịu nhiều khổ ải. Nhưng ông lớn trở về được là may mắn lắm rồi. Bấy lâu nay ông lớn sống ở đâu? Ông già vừa nói vừa khóc nức lên như trẻ nhỏ, nước mắt nước mũi đầm đìa trên hai gò má nhăn nheo, vàng như nặn bằng sáp. Không đợi Cảo trả lời, ông túm lấy tay anh mà lôi lên chiếc xe ngựa chở đầy vải vóc, thực phẩm khô và đủ thứ đồ dùng lặt vặt khác, quất roi vun vút như động rồ. Con ngựa bực tức giật mạnh. Chiếc xe chồm chồm lăn bánh trên đường lát đá.

"Ông già nhầm mình với ai đó" - Cảo bối rối nghĩ thầm. Trong lúc đó ông già, phần do quá xúc động, phần do bản tính, liền thoảng kể lể về những điều xảy ra trong gia đình Banca nào đó. Dần dần Cảo lờ mờ hiểu rằng đó chính là người đầy tớ của em trai mình. Cậu em may mắn trở thành con nuôi một điền chủ giàu có tên là Banca, được đặt tên là Sanca và khi bố mẹ nuôi chết đi, thừa hưởng khoản gia tài kếch xù (về sau Cảo biết gồm khu đồng cỏ rộng hai trăm mẫu, đàn bò gần ba trăm con, một khu rừng lớn, khu nhà ở xây dựng kiên cố, hết sức cầu kỳ và vô số của cải, vàng bạc). Sanca đã có vợ và hai con nhưng vẫn ham mê du ngoạn và thích phiêu lưu. Bấy năm trước anh ta mua một chiếc thuyền buồm ở Két, đem theo đầy tớ và con chó nhỏ, cùng mấy người thủy thủ ra khơi rồi biệt tích luôn. Gia đình vợ con hết sức lo buồn, mấy năm liền cho người đi tìm kiếm chẳng thấy tăm hơi, đã hết hy vọng, đều nghĩ rằng Sanca đã chết.

- Ai nấy sẽ mừng đến phát điên lên cho mà xem! Ông lớn đã trở về, thật may mắn quá! Suốt bảy năm qua ông lớn ở đâu?

Câu hỏi của ông già khiến một ý nghĩ nảy ra trong óc Cảo. Anh trả lời rằng mình bị đắm thuyền, dạt lên một hòn đảo, ngất đi vì va đầu vào đá, sau đó được dân chài cứu chữa rồi sống ở đó bằng nghề thợ rèn.

- Đảo xa xôi, tiền bạc không có, ngày đêm khắc khoải nhớ nhà mà không sao về được. May mà cách đây hai tháng có một chiếc tàu tình cờ ghé vào đảo mua nước ngọt đồng ý chở tôi vào đất liền.

Người đầy tớ già lắng nghe câu chuyện bịa đặt của Cảo với vẻ xúc động sâu sắc và chân thành, đến nỗi chính anh cũng phải mỉm lòng.

Chiếc xe dừng lại giữa sân, trước một ngôi nhà lớn với những cửa sổ hình bầu dục, xung quanh có lan can gỗ sơn màu gạch non, mái lợp gỗ phiến. Ông già tụt xuống nền đá ong, tắt tả chạy dọc hàng thềm lúc lỉu những quả, gọi toảng lên đến lạc giọng. Mọi người đổ ra, sững sờ, không ai dám tin vào mắt mình. Người phụ nữ trẻ đánh rơi hộp đồ thêu xuống thềm, luỳnh quỳnh chạy tới, lao vào vòng tay anh, khóc tức tưởi trong niềm vui sướng bất ngờ không sao kìm giữ được. Theo

sau mẹ, hai đứa trẻ, một trai một gái, mặc những bộ quần áo bằng vải thổ cẩm sắc sỡ, vừa hét “Ba ơi”, vừa lăn xả vào chân Cảo.

Trên đường đi Cảo tự nhận là Sanca chỉ với ý định tìm hiểu đầu đuôi câu chuyện, nhưng bây giờ anh cảm thấy mình đã hóa thành Sanca thực sự. Họ ôm nhau mà khóc thỏa thuê giữa vòng vây của những người đầy tớ cũng đang đầm đìa nước mắt.

Niềm vui đối với gia đình Banca không có bờ bến. Người ta đốt những bánh pháo dài từ ngọn thông xuống đất. Suốt ba ngày liền khói từ lò quay thịt bốc lên như cháy nhà. Mùi mỡ thơm lừng khiến lũ chó cuống cuống chạy sục khắp mọi chỗ, đuôi rối rít và mắt long lanh sáng. Rượu ngô nếp đổ đầy những thùng gỗ lớn. Lễ tạ ơn tổ chức trên một bãi cỏ rộng. Những ông bà già mặc áo lễ bằng vải thổ cẩm, đeo vòng bạc, vừa đồng thanh hát bài “Chín khúc lòng thành” ngợi ca trời đất, vừa nối nhau đi vòng quanh và rót rượu vào đồng lửa đốt bằng nhựa cây.

Trong bữa tiệc, có đôi lúc, khi nâng ly rượu lên môi, Cảo bỗng khựng lại, thoáng ăn năn. Nhưng anh hiểu rằng mình đã đi quá xa rồi, sau đó gạt mọi băn khoăn với ý nghĩ rằng không nên làm tiêu tan niềm hạnh phúc của người đàn bà và hai đứa trẻ tội nghiệp. Hơn nữa, đảng nào thắng em trai cũng đã chết rồi. (Ngoài ra cũng phải nói rằng rượu đã đóng góp vai trò của nó).

Ngày tháng trôi qua đối với Cảo như một giấc mơ tuyệt đẹp và kỳ lạ. Anh thợ rèn lao vào tận hưởng khám phá sự nhàn rỗi, no đủ, quyền uy cùng với sắc đẹp của người đàn bà kiều diễm mới hai mươi tám tuổi. Quả thực, sự lúng túng trong mọi việc cũng như tính tình và lời ăn tiếng nói thô lỗ của Cảo khiến gia nhân ngỡ ngàng. Vợ Sanca ngạc nhiên thấy chồng đã quên nhiều kỷ niệm trong những năm chung sống. Nhưng tất cả điều đó đều dễ dàng giải thích: Việc ông lớn bị đắm tàu và va đầu vào đá trước kia vẫn còn để lại di chứng, hơn nữa bảy năm làm thợ rèn trên đảo là một thời gian không nhỏ khiến người ta có thể quên mất nhiều thói quen.

Tuy nhiên sự ngỡ ngàng ấy bị niềm vui đoàn tụ át đi, rồi sau đó, cũng giống như mọi thứ trên đời, dần biến mất cùng với thời gian. Bản thân Cảo cũng nhanh chóng thay đổi, đường bệ hơn, giọng nói nghe đã bớt cục cằn. Trong mắt gia nhân ông chủ lại tỏ ra tốt bụng, đáng kính và tháo vát, có phần còn hơn cả ngày xưa - có lẽ nhờ ảnh hưởng của tuổi tác và những năm tháng bôn ba ở xứ người. Ông chủ đã từ bỏ thói quen du ngoạn, chăm chú vào công việc làm ăn. Chẳng bao lâu khu đồng cỏ của gia đình đã mở rộng ra tới bốn trăm mẫu, đàn bò đông gấp rưỡi. Cộng với những khoản thu khác, lợi tức hàng năm tăng gấp hai lần.

Nhưng với riêng Cảo thì công việc làm ăn phát đạt chẳng hề đem lại may mắn sung sướng. Cuộc sống mới bắt đầu có sức quyến rũ ghê gớm vì lạ lẫm, dần dần trở nên nặng nề. “Tất cả rồi sẽ quen đi!” - Anh thợ rèn thầm nhủ, nhưng vẫn bứt rứt không yên. Một nỗi buồn xen lẫn khao khát mỗi ngày một lớn lên trong tim không sao lí giải được.

Một hôm, Cảo đang rầu rĩ thơ thẩn dọc hàng thiu lựu trước nhà thì trông thấy mấy anh chần ngựa từ nhà kho bước ra, tay xách những chiếc búa lớn, chắc định sửa lại ngôi chuồng. Cảo không còn kìm được mình nữa. Mắt sáng lên như gã nghiện trông thấy bàn đèn anh nhảy bổ tới, giằng lấy một chiếc búa, hùng hục quai vào chiếc cối đá khiến nó vỡ tan trước vẻ kinh hãi của mấy anh chần ngựa. Nhưng chỉ được vài chục nhát Cảo đã rã rời chân tay, mồ hôi toát ra như tắm. Anh ném chiếc búa xuống đất, quay vào nhà.

Cơ đói còn cào làm Cảo hoa cả mắt. Anh thét đầy tớ dọn bàn, chửi rửa ầm ĩ đến nỗi họ vội vã cuống cả chân tay. Món đầu tiên vừa dọn ra Cảo vồ ngay lấy. Anh nhai ngốn ngấu, vét sạch những bát thịt lớn, dùng cả hai tay mà bốc, mấy lần đầy tớ phải dọn thêm thức ăn. Nhưng thật kì lạ, Cảo càng ăn cơ đói càng dữ dội. Ruột gan anh như bị ai cào cấu.

Tình trạng này kéo dài đến mấy tuần liền, rồi đột nhiên Cảo hiểu rằng mình không còn tồn tại. Khi Cảo ăn, hoá ra đó là Sanca ăn. Khi anh nói thì đó là Sanca nói. Đêm nằm ôm ấp người đàn bà, Cảo sôi sục ghen tuông với Sanca. Rất nhiều lần, khi những người giàu có trong vùng mời Sanca đến dự tiệc, khi đám đầy tớ kính cẩn chào Sanca, Cảo cố tự nhủ rằng đó là họ chào anh, rằng

Sanca chính là anh - Cảo hoàn toàn có thể đổi tên thành Sanca lắm chứ! Dù vậy, nỗi buồn bực, bút rứt cứ bám riết lấy anh. Cảo không ăn nữa, gầy rộc đi, tính khí trở nên nóng nảy dễ sợ.

- Bệnh cũ của ông lớn lại tái phát! - Gia nhân thì thảo với nhau như vậy.

Không khí lo âu nặng trĩu đè nặng lên gia đình. Những thầy lang nổi tiếng trong vùng được mời đến, nói rằng ông lớn phải tạm lánh đàn bà, chỉ dẫn dọn phòng riêng cho người bệnh, cất cử đầy tớ chăm nom cẩn thận, kể đủ loại đơn thuốc, nhưng vẫn không xoay chuyển được tình thế. Thầy cúng khuyên làm lễ trừ tà. Đêm đêm lửa nhựa cây bốt cao, bập bùng cháy quanh những cọc sắt lớn đỏ rực, trên đó những con bò tơ bị đốt thành than. Tiếng đọc thần chú ngân nga trong bóng đêm huyền ảo, nghe thảm thiết và rùng rợn.

Cảo trông thấy ngọn lửa và tiếng đọc thần chú vào nửa đêm, bèn vùng vạy, sai đầy tớ lấy một bộ quần áo vải thô, thay vào, bỗng nhiên sùi bọt mép, vật vã trong cơn co giật. Thầy lang cấm đám đầy tớ không được làm kinh động, ngồi trong phòng với bệnh nhân suốt đêm nhưng cũng bó tay. Sáng ra Cảo cho gọi vợ con Sanca đến, kể lại đầu đuôi sự việc.

Như thế nghĩa là bệnh trạng của ông lớn đã trầm trọng lắm rồi. Tiếng khóc như ri. Gia cảnh thật bi thương, chẳng khác gì đám tang. Người ta càng cuống cuống đi tìm thầy thuốc, vào tận núi Mai Lĩnh mời những ông lang thổ dân, chữa bệnh bằng thuốc gia truyền. Đêm đêm, càng nhiều súc vật chết thiêu trên cọc sắt. Nhưng tất cả đều vô ích. Còn bệnh nhân, với đôi tay thợ rèn lực lưỡng, gạt phăng thầy lang, ném những bát thuốc chưng sắc công phu qua cửa sổ.

- Tôi không ốm đau gì hết! - Cảo hét lên tuyệt vọng, mắt đỏ ngầu giận dữ, gặp vật gì cũng vớ lấy mà quai như quai búa. Anh đập đầu vào đá, ra sức thề thốt rằng tất cả những điều mình kể đều là sự thật, anh là anh trai sinh đôi của Sanca, rằng tất cả chỉ là nhầm lẫn. Những hành động ấy càng chứng tỏ ảnh hưởng trầm trọng của tai nạn năm xưa.

Cảo gần như phát điên, nhất là sau mấy lần trốn đi không thành và bị giữ chặt trong một căn phòng lớn có gia nhân canh gác cẩn thận. Nhưng ở đời ai mà tránh khỏi có lúc sơ hở. Một buổi sáng gia nhân vào phòng thì thấy ông lớn đã biến mất, không đem theo gì ngoài bộ quần áo vải thô nhuộm chàm của anh chẵn ngựa.

Kết cục Cảo chỉ có anh thợ rèn được thuê trông nhà biết. Cảo trở về túp lều cũ, tiêu tụy như một cái thầy ma. Anh ta kêu lên rằng chỉ thèm quai búa một bữa cho thoả thích, nhưng nhin đối đã mấy năm trời, nấu một nồi cháo bột ngô lớn, húp xì xụp và chết vì bội thực, không kịp đến lò rèn.

Mộng du

Buổi tối bắt đầu không có gì đặc biệt. Sau bữa cơm tối, tôi uống trà, đọc báo, xem ti vi mười phút rồi mắc màn đi ngủ. Nửa đêm có ai đó gõ vào cửa sổ. Tôi choàng dậy. Hoá ra là ánh trăng. Tôi sực nhớ đã ngày mười bốn. Ánh trăng khiến tôi nảy ra ý định đi chơi. Hồi nhỏ tôi và lũ bạn cùng xóm vẫn có thói quen chơi trăng như thế: mấy thằng bám nhau giữa đêm khuya, rón rén như những con mèo để khỏi bị người lớn biết, ra khỏi nhà rồi ù chạy lên đồi.

Bây giờ tôi cũng đi rón rén, nhưng hoàn toàn do cảm hứng tuổi thơ đang trở về tràn ngập trong lòng. Tôi bước xuống thềm. Lá vàng rụng đầy trên sân xôn xao lay động như một đàn cá bị lưới quây vào bãi cát. Hai hàng râm bụt dường như dài hơn bình thường. Lối cổng lát gạch cũng rắc đầy lá rụng.

Tôi ra khỏi làng lúc nào không biết, sau đó qua một chiếc cầu nhỏ, rẽ phải rẽ trái vài lần rồi băng qua một khu rừng rậm rạp. Bình nguyên đột ngột hiện ra với những bông hoa dại nhỏ li ti và tiếng chim lóng lánh như thủy nguyên. Xung quanh không một bóng người. Ánh sáng rực rỡ đến nỗi tôi không biết đó là một đêm trăng hay một ngày nắng đẹp. Con đường đất gập ghềnh chạy hun hút giữa hai bờ cỏ may màu xám nhạt vẫn còn ướt đẫm sương.

Bỗng tôi đứng sững trước một ngôi nhà khá lớn, tường gạch đất nung, không trát, mái ngói phủ đầy rêu. Bên trái ngôi nhà là khu lán rộng rãi, lợp bằng phen nứa, bên trong có một chiếc máy xay, một chiếc xe đẩy nhiều ngăn mà ở thành phố người ta dùng để bán sách báo và rất nhiều nông cụ. Chiếc máy xay và chiếc xe đẩy đều cũ kĩ, han rỉ đến mức chắc chắn không thể dùng làm gì khác ngoài việc bán cho hàng sắt vụn. Phía sau nhà nhô lên mấy đồng cỏ khô. Không có cây cối gì. Ngôi nhà trụi nổi bật lên trên cánh đồng xanh biếc và thoáng đãng.

Chủ nhân chừng bốn mươi tuổi, cao lớn, cời trần. Hình như ông ta vừa đi làm đồng về, quần xắn móng lợn, trán vẫn còn lấm tấm mồ hôi. Trong lúc chào hỏi làm quen tôi không khỏi ngạc nhiên về diện mạo của ông ta. Thật khó đoán chủ nhà thuộc hạng người nào. Bộ ngực nở, đôi vai rộng gân guốc, hai bắp tay cuộn cuộn và những ngón chân trần bám chắc xuống đất rõ ràng là của dân làm ruộng. Nhưng cặp kính trắng, cái trán hói và cách ăn nói nhẹ nhàng, lịch thiệp lại khiến ta nghĩ rằng ông là người có học. Ông ta bắt tay tôi, tự giới thiệu rồi mời vào nhà. Cái tên ông ta trúc trắc, nghe lạ tai chỉ lát sau tôi đã quên khuấy đi mất. Hỏi lại thì thật là bất tiện.

Phòng khách rộng rãi, bày biện sơ sài kiểu nông thôn xưa. Qua cửa sổ tôi nhìn thấy cỗ máy xay và chiếc xe bán sách bán báo ban nãy. Chủ nhà tỏ ra là một người xởi lởi và hiếu khách. Ông rót nước ra hai chiếc bát sứ men rạn, giới thiệu đó là loại chè xanh đặc sản của vùng này. Khi nhận thấy tôi chăm chú nhìn ra cửa sổ, ông nói;

- Những di vật ấy là đồ nghề làm ăn của cha mẹ tôi ngày trước. Cụ ông là thợ xay, cụ bà bán sách báo. Họ là những người tốt bụng nhưng đáng thương. Cả hai suốt đời cần cù, tần tảo và cố hướng cho tôi nối nghiệp mình. Hồi nhỏ tôi thường được mẹ đem ra thị xã để làm quen với nghề bán sách báo. Mười lăm tuổi tôi đứng ra trông coi xưởng máy xay hơn một năm trời. Những công việc đó tôi đảm đương một cách dễ dàng nhưng chẳng bao giờ cảm thấy thích thú. Tôi muốn viết sách và trồng lúa, những công việc thực sự sáng tạo - Ông mỉm cười một cách tự hào - Cho đến khi tạ thế, hai cụ đã không thể bẻ gãy được chí hướng của tôi!

Cốc nước đắng ngắt, tôi ngờ không phải nước chè.

Ông chủ mời tôi sang phòng bên. Đó là một căn phòng nhỏ nhưng sáng sủa. Ô cửa sổ rất rộng mở ra cánh đồng. Một tủ sách lớn choán hết bức tường phía tây, các ngăn xếp đầy những cuốn sách dày bìa đen. Giữa phòng kê một chiếc bàn nhỏ, một chiếc ghế tựa. Trên bàn la liệt sách vở. Tôi lại giá sách, rút một cuốn, lật xem. Cuốn sách được viết bằng một thứ chữ kì dị và khó hiểu.

- Đó là những tác phẩm của tôi

Chủ nhân nói, không giấu vẻ hài lòng.

- Đây là thứ tiếng gì? - Tôi hỏi.

- Tiếng Khuông Cơ

Ông ta giải thích

-Đó là một dân tộc đã bị tuyệt diệt. Bây giờ ngoài tôi ra không ai hiểu thứ tiếng này. Năm tôi mười chín tuổi, một ông già mắc bệnh bướu cổ, người cuối cùng của dân tộc ấy đã dạy tôi. Ông ấy chết lâu rồi.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy ông viết những sách này để làm gì?

Mặt ông đỏ. Hình như ông ta bắt đầu bực dọc, nhưng sau đó bình tĩnh lại, nói với giọng độ lượng:

- Rõ ràng ông không hiểu gì về nghệ thuật. Tất nhiên tôi viết sách không phải để vứt đi. Đối tượng phục vụ của nghệ thuật bao giờ cũng phải là con người. Nó làm cho con người trở nên người hơn.

- Nếu vậy ông phải viết làm sao để cho mọi người hiểu được chứ? Tại sao ông không viết bằng tiếng Việt?

- Tôi không biết viết bằng tiếng Việt, cũng giống như không biết nói tiếng Khuông Cơ.

- Ông thử dịch ra tiếng Việt? - Tôi rụt rè nói sau một hồi ngẫm nghĩ.

- Dịch cũng chỉ là viết lại mà thôi. Nếu dịch được thì tôi đã viết bằng tiếng Việt.
- Thế tên những cuốn sách này là gì? - Tôi cố hỏi một lần nữa.
- Tôi không biết tiếng Việt gọi là gì. Muốn đọc nó cần phải biết tiếng Không Cơ.

Chúng tôi cùng im lặng. lát sau, để không khí khỏi trở nên gượng gạo, tôi quay sang hỏi chủ nhà về nghề nông. Để nhận thấy đó cũng là sở thích của ông ta.

- Ông xem, vụ này nhất định tôi sẽ bội thu - Ông ta vừa nói vừa hào hứng chỉ tay qua cửa sổ - Lúa rất tốt. Hy vọng nó sẽ bù đắp lại công sức tôi bỏ ra trong suốt mười năm qua.
- Tôi sững sốt nhận thấy loại thực vật mọc um tùm trên cánh đồng hoàn toàn không phải là lúa. Lúc này tôi mới để ý rằng đó chính là thứ cỏ gai chát thành những đồng cao phía sau nhà.

Trong lúc đó chủ nhà vẫn say sưa kể:

- Trong mười năm qua tôi đã gieo cấy hai mươi lần cả thảy. Tôi đã làm lụng như bị khổ sai, chỉ trừ lúc ngồi vào bàn viết. Tôi đã bỏ ra rất nhiều tiền của để mua giống, phân bón và nông cụ, nhưng sản phẩm thu được chỉ là thứ cỏ gai vô tích sự. Thứ cỏ đáng nguyên rủa ấy đốt không cháy nên đến dùng làm củi cũng không được. Nhưng ông thấy đấy, lần này tôi sẽ thành công.

Chúng tôi lại cùng im lặng.

Lần này người nói trước là ông ta.

- Tất cả những gì tôi làm đều dành cho con người. Đó là mục đích tồn tại của tôi. ít ai hiểu được điều ấy. Cha mẹ tôi cũng không hiểu. Họ để lại cho tôi một món tiền lớn và nghĩ rằng tôi sẽ hạnh phúc với cuộc sống đầy đủ và nhàn hạ.

Ông ngừng nói và chúng tôi cùng đi thăm đồng. Chúng tôi không nói chuyện gì thêm nữa, hoặc là có nói nhưng tôi không nhớ. Hình ảnh những cuốn sách bí ẩn và đồng cỏ gai choán hết tâm trí tôi, đến nỗi ngay cả việc mình đã trở về ra sao tôi cũng không biết nữa.

Cuốn “Triết học văn chương” của Ngô Tự Lập Chu Thị Thơm

Có thể người đọc không hoàn toàn đồng ý với Ngô Tự Lập, nhưng chắc chắn cuốn sách của anh có khả năng kích thích sáng tạo, hay ít nhất là buộc người đọc phải suy ngẫm về những điều tưởng chừng hiển nhiên về văn chương, ngôn ngữ và cuộc sống.

Trần Nhã Thụy, khi viết về tập truyện ngắn [Giấc ngủ kỳ lạ của ông Lương Tử Ban](#) (2005) của Ngô Tự Lập, nhận xét: “Lâu lắm rồi mới đọc được một tập truyện ngắn hay, thật sự có khả năng gây xáo trộn, đánh thức ý thức như *Giấc ngủ kỳ lạ của ông Lương Tử Ban* của Ngô Tự Lập. Lẽ dĩ nhiên Ngô Tự Lập không phải là một 'tay mơ' nhưng không như nhiều nhà văn khác chỉ giỏi duy trì sự nổi tiếng mà tác phẩm mỗi lúc một... hụt hơi, Ngô Tự Lập biết tạo ra những 'khoảng vắng' và chậm tiến đến những miền sống sinh thực, kỳ lạ, mờ ý...” (*Tiếng thời gian như tiếng thờ dài* - Sài Gòn giải phóng, 13/9/2005). Tôi rất muốn lặp lại những lời của Trần Nhã Thụy. Nhưng lần này là về mảng lý luận và phê bình của anh.

Trước đây, các tiểu luận (khá đa dạng về đề tài) của Ngô Tự Lập, đặc biệt là hai tập *Những đường bay của mê lộ* và *Minh triết của giới hạn* đã nhận được sự đánh giá rất cao của người đọc và đồng nghiệp. Tiểu luận của anh là sự kết hợp nhuần nhuyễn của vốn kiến thức sâu rộng, cách cảm thụ tinh tế của một nhà văn và khả năng tư biện hiếm có ở các nhà văn Việt Nam. Nhưng phẩm chất ấy, một lần nữa, được thể hiện rất thành công ở ba tập sách - *Hàn thử biểu tâm hồn* (NXB Hội nhà văn), *Gương mặt kẻ khác* (NXB Phụ nữ) và *Văn chương như là quá trình dụng diễn* (NXB Tri Thức) - mà anh vừa xuất bản cuối năm 2008. Mỗi tập có cái hay riêng và ít nhiều đều có

thể gọi là sách “lý luận phê bình”. Nhưng trong bài viết này, tôi xin chỉ nói về cuốn *Văn chương như là quá trình dụng điển* [1] mà theo tôi là một thành tựu nổi bật của lý luận văn học Việt Nam năm 2008. Trước hết, đây là một cuốn sách chuyên luận, bàn một cách hệ thống về một vấn đề xuyên suốt chứ không phải là tập hợp những bài tiểu luận ngắn. Theo tôi biết, có lẽ đây là lần đầu tiên có một người Việt Nam viết một cuốn sách lý luận nhằm đưa ra một cách tiếp cận tổng thể có tính triết học của riêng mình đối với quá trình sáng tạo và cảm nhận văn chương. Những cuốn sách được gọi là “lý luận văn học” ở ta trước đây thường chỉ là diễn giải hoặc mô tả các lý thuyết của nước ngoài. Cuốn sách của Ngô Tự Lập đề cập đến những vấn đề thật sự cốt lõi: Văn chương là gì? Truyện khác với thơ ra sao? Đây là vai trò của người đọc? Có thể nghiên cứu, đánh giá và giảng dạy văn học một cách khách quan hay không? Truyện có thể không có cốt truyện và nhân vật hay không? Vai trò của vần điệu trong thơ là gì?... Cuốn sách của Ngô Tự Lập, vì thế, có thể coi là một cuốn “triết học văn chương”.

Trong lời nói đầu, Ngô Tự Lập tự coi mình thuộc trường phái Bakhtin. Anh bắt đầu bằng một chương dẫn nhập: “Từ những hệ quy chiếu bất bình đẳng đến một cách tiếp cận tổng thể”, trong đó anh đưa ra bức tranh toàn cảnh có tính lịch sử và phê phán các quan niệm văn chương từ cổ chí kim. Mặc dù vắn tắt, chương dẫn nhập này cho thấy công phu của Ngô Tự Lập. Nó rất đáng tin cậy và có thể là bài nhập môn có ích cho bất kỳ ai không có điều kiện đào sâu vào kho tàng lý thuyết văn chương đồ sộ và phức tạp của thế giới. Từ những phân tích của mình, Ngô Tự Lập vạch ra những khiếm khuyết của các lý thuyết hiện hành và đề xuất áp dụng lý thuyết ngôn ngữ của Bakhtin, Voloshinov và Medvedev để xây dựng “một cách tiếp cận tổng thể”. Ngô Tự Lập viết: “Áp dụng vào văn chương, lý thuyết ngôn ngữ của Voloshinov và Bakhtin ngụ ý rằng bất kỳ tác phẩm nào cũng là một quá trình tương tác giữa tác giả và độc giả thông qua văn bản trong những bối cảnh cụ thể. Tác phẩm, vì thế, luôn luôn mang tính đối thoại. Ý nghĩa của tác phẩm, và chính bản thân tác phẩm, không nằm trong ý định của tác giả, hay trong văn bản, cũng không nằm trong đầu độc giả, mà là kết quả tương tác giữa tác giả và độc giả và luôn luôn phụ thuộc vào bối cảnh lịch sử và xã hội. Chính vì lý do này mà một văn bản có thể, và luôn luôn, được hiểu theo những cách khác nhau bởi các độc giả khác nhau, ở những thời điểm khác nhau, trong những bối cảnh khác nhau”. Nhưng đóng góp của Ngô Tự Lập không chỉ đơn thuần là giới thiệu và áp dụng lý thuyết ngôn ngữ của trường phái Bakhtin. Những lý giải và ý tưởng của anh nhiều và độc đáo một cách khác thường trong cuốn sách chỉ vắn vắn có 200 trang. Đầu tiên là sự phân biệt vô cùng tinh tế của anh giữa truyện và thơ. Anh cho rằng “sự khác nhau cơ bản giữa truyện và thơ là ở chỗ: ấn tượng thẩm mỹ mà truyện gây nên ở người đọc là ấn tượng về một quá trình, còn ấn tượng thẩm mỹ mà thơ tạo ra ở người đọc là ấn tượng về một trạng thái. Nói cách khác, ấn tượng thẩm mỹ ở truyện mang tính thời gian, còn ở thơ thì phi thời gian”.

“Làm thế nào để một văn bản trở thành thơ hoặc truyện?” - với Ngô Tự Lập, “Câu hỏi này thực chất là: làm thế nào để một văn bản tạo nên ấn tượng thẩm mỹ mang tính thời gian hoặc phi thời gian?”. Để khảo sát quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn chương, Ngô Tự Lập mở rộng khái niệm điển tích. Anh định nghĩa: “Điển tích là một ký ức chung của một cộng đồng người được ký hiệu hoá và có thể được dẫn chiếu đến bằng cách phát và nhận tín hiệu đó trong một hệ thống nhất định”, và đưa ra khái niệm “điển tích cuộc sống”: “trong cuộc sống hàng ngày, có vô số những câu chuyện, sự kiện, ý tưởng... mà chỉ là chung cho những thành viên của một cộng đồng người nhất định. Đó là những ký ức chung của họ. Cũng giống như các câu chuyện tiểu lâm của đám tù nhân trong câu chuyện của Mauro, những ký ức chung trong cuộc sống cũng được tín hiệu hóa - bằng con số, tên gọi, cử chỉ, hay bất kỳ một dấu hiệu nào đó - mà để dẫn chiếu đến, người ta chỉ cần nhắc đến trong một hệ thống cho phép nhận ra nó”.

Bằng khái niệm này anh giải thích bản chất của văn chương “như là quá trình dụng điển”. Anh viết về tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao: “Cái cảm xúc mạnh mẽ của người đọc xuất hiện trước những gì xảy ra với Chí Phèo, Bá Kiến ở cuối truyện không phải do cái chết của họ, mà do những gì liên quan đến Chí Phèo và Bá Kiến người đọc đã biết trước đó. Những nhân vật này cũng như

cả cái làng Vũ Đại đã trở nên quen thuộc, gần gũi với người đọc. Họ đã trở thành một điển tích trong tâm trí người đọc. Vậy mà, hãy thử nhớ lại, khi bắt tay vào đọc những dòng đầu, người đọc chẳng biết gì về họ. Chỉ khi đọc tiếp, họ mới dần dần làm quen với cái làng Vũ Đại, như thể họ sống ở đó, chia sẻ với những dân cư của nó ngày càng nhiều ký ức chung. Như vậy, cái điển tích ấy chỉ hình thành trong quá trình tiếp nhận. Ở đây, tác giả tạo dựng ở người đọc, trong quá trình tiếp nhận, một điển tích tức thời, để đến một lúc nào đó có thể sử dụng, thông qua những biến cố khác nhau, thường là ở cuối truyện. Thành công của truyện không phụ thuộc vào biến cố đó, mà phụ thuộc vào mức độ thân thuộc của cái điển tích tức thời ở người đọc”.

Cũng với khái niệm “điển tích cuộc sống”, anh giải thích: “Về bản chất, làm thơ chính là một cách sử dụng điển tích đời sống cá nhân của một hay một lớp độc giả. Mỗi bài thơ là một ký hiệu ít nhiều phức tạp, cho phép dẫn chiếu đến một trạng thái tình cảm có sẵn trong ký ức người đọc. Nói cách khác, thông qua bài thơ, tác giả dẫn chiếu đến một điển tích đời sống tiềm ẩn ở những độc giả tiềm ẩn của mình”. Để phản bác quan điểm coi thơ như là sự lệch chuẩn của ngôn ngữ ngày thường, anh đưa ra một ví dụ vô cùng tinh tế: “...buổi sáng đầu năm chúng ta dậy và bóc tờ lịch đầu tiên. Con số “1” bình thường lúc ấy gợi biết bao nhiêu cảm xúc về thời gian, kỷ niệm, ước mơ, hạnh phúc... Lúc đó chúng ta đọc con số “1” đâu phải để biết ngày tháng. Chúng ta đọc để cảm nhận cuộc đời. Đó là một bài thơ vĩ đại. Tôi tin chắc rằng rất nhiều người trong chúng ta đã từng và sẽ còn xao xuyến đọc bài thơ giản dị ấy - một bài thơ chẳng hề có bất kỳ một thủ pháp bóp méo, lệch chuẩn hay quái đản nào”. Những chương bàn về cách xây dựng điển tích tức thời (trong truyện) và kích hoạt điển tích tiềm ẩn (trong thơ) cũng đem đến nhiều điều thú vị mà khuôn khổ bài viết này không cho phép tôi bàn kỹ. Có thể người đọc không hoàn toàn đồng ý với Ngô Tự Lập, nhưng chắc chắn cuốn sách của anh có khả năng kích thích sáng tạo, hay ít nhất là buộc người đọc phải suy ngẫm về những điều tưởng chừng hiển nhiên về văn chương, ngôn ngữ và cuộc sống. Ngoài cái hay về nội dung, cuốn sách của Ngô Tự Lập còn đáng cho chúng ta trân trọng ở thái độ nghiêm túc của tác giả. Tác giả không chỉ chú giải rất kỹ lưỡng mà còn cung cấp cả những đoạn trích bằng nguyên bản giúp người đọc có thể kiểm tra phần dịch thuật. Cùng với một thư mục tham khảo rất có ích, cuối sách còn có phần Index, cũng là cái mới trong cách làm sách ở Việt Nam. Có thể sẽ có ý kiến tranh cãi về sự thuyết phục của một cuốn sách - công trình nghiên cứu - lý luận này, nhưng tính hệ thống, lô-gích, khoa học và phát hiện trong cuốn sách của Ngô Tự Lập đáng để chúng ta đọc, và đọc lại nhiều lần.

Hoa vông vang

Ủ con xong, Y Sao chạy ra trước cửa. Nàng chống tấm liếp đan bằng những cây sậy chẻ tư, vịn tay vào hàng song gỗ xù xì và phóng tầm mắt ra xa.

Mùa xuân đã về. Gió đông nam ào ạt thổi, cuốn đi làn sương mỏng cuối cùng còn lờn vờn giữa những hòn đảo đá màu xám sẫm. Những căn nhà treo lơ lửng như tổ chim trên các sườn đá suốt mùa đông giữ vẻ mặt già nua, rầu rĩ, bây giờ như bừng tỉnh, khe khẽ rung rinh.

Biển bình yên, lấm tấm những vệt sóng trắng. Hàng trăm chiếc thuyền độc mộc đang hối hả ra đi. Những chiếc buồm nâu khe khẽ lắc lư như giữ nhịp. Hải âu bay từng đàn, vòng đi vòng lại và mừng rỡ cất lên những tiếng kêu lạnh lạnh.

Nhưng Y Sao không nhìn thấy những chiếc thuyền ấy. Nàng chăm chú dõi theo một chấm đen xa tắp, đang mờ dần, sắp sửa hoà lẫn với chân trời. Đó chính là chiếc thuyền của Nô, chồng nàng, cha thằng Y Páo. Bao giờ cũng vậy, làm gì cũng vậy, Nô luôn luôn bỏ xa tất cả những người đàn ông khác.

Y Sao đứng vậy rất lâu, trong lòng bị giằng xé bởi hai thứ tình cảm hoàn toàn trái ngược - vừa kiêu hãnh, vừa căm ghét Nô.

Nô là con trai duy nhất của Cả Then, một trong bốn thủ lĩnh phong trào kháng chiến của người Ducơmi ngày trước, khi những chiếc tàu hơi nước đầu tiên xuất hiện ở Tùng Quảng. Ông Cả Then về sau bị Tây bắt đem treo cổ vì định dùng gỗ khô tẩm nhựa cây đốt chiếc tàu chiến của chúng neo ở Vụng Giải. Nô thừa hưởng sức vóc cường tráng của cha, sự khéo léo của mẹ, lòng dũng cảm của người Ducơmi và tính cách ngang tàng của biển cả. Mười lăm tuổi Nô đã một mình bơi vào đất liền, mười sáu tuổi trở thành tài công nghiêng ngựa với bạn chài. Hai lần gã bị cá mập tấn công mà không chết.

Đàn ông Ducơmi lấy vợ rất sớm, nhưng đến hai mươi tuổi Nô vẫn ở một mình. Nô tự mình nấu ăn, tự mình vá lưới, chỉ có cá đánh được thì phải thuê người muối. Đám đàn bà nhìn Nô thèm thuồng. Chiều chiều, khi thuyền về, lũ gái trẻ đứng trên nhà treo nhìn xuống, run lên khi thấy tấm lưng trần vạm vỡ của Nô. Nhưng chúng chỉ dám ước ao thôi, bởi vì đàn bà Ducơmi không mấy khi ra khỏi nhà, ngay cả lúc muối cá cũng phải bịt khăn kín mặt. Chuyện chồng con đều do mối lái. Đứa nào không có ai đến hỏi thì đành chịu ở vậy đến già, suốt đời ăn bằng bát của bố, mặc váy của mẹ.

Năm hai mươi một tuổi, nhân một chuyến chở cá muối vào bờ đổi gạo, khi các bạn say sưa với những cốc rượu rẻ tiền, Nô giắt con dao vào thắt lưng, ra khỏi quán, nhằm hướng núi mà đi. Đi đâu, Nô không chủ định trước, nhưng cứ đi, cho biết.

Con đường băng qua rừng, len lỏi giữa những bụi gai chi chít, hẹp dần rồi đột ngột bị chặn đứng lại bởi một dòng suối nhỏ. Dòng nước hung dữ chảy ào ào, bắn toé lên những tảng đá lớn mọc đầy rêu.

Nô dừng lại, ngập ngừng giây lát rồi men theo bờ suối, đi tiếp. Một lúc sau Nô trông thấy phía xa xa thấp thoáng những ngôi nhà thấp lợp cỏ tranh, tường chình đất màu gan cá nhám. Bãi cỏ rộng trước bản được rào kỹ bằng phên nứa. Nô trông thấy la liệt những nong lớn phơi đầy ngô răng ngựa. Trong bản vắng tanh, chỉ có những đàn lợn nằm lim dim dưới hàng xoan đại. Đột nhiên Nô nghe thấy tiếng hát từ dưới suối vọng lên:

Oi hoa vòng vang

Nở bên bờ suối

Có nhớ mẹ nhớ cha

Có nhớ bản xa?

Sau bản mùa đông đã tàn

Trước bản mùa xuân đã tới...

Nô lần theo bờ đá, lại gần, nấp trong bụi rậm nhìn ra. Bờ suối chỗ ấy thoải, phủ đầy đá cuội. Trên những tảng đá bằng phẳng lớn như cái chiếu, lũ con gái đang giặt váy áo, vừa làm vừa hát và cười đùa rúc rích.

Nô ngáy cả người, chưa bao giờ gã được nghe những tiếng cười đùa rộn rã vui vẻ đến thế. Tiếng hát trong vắt như nước suối. Những bắp chân trần lồ lộ trước mắt Nô, tròn trịa, nõn nà, khác hẳn chân đàn bà miền biển đen đúa và thô kệch. Nô cảm thấy từng đường gân thớ thịt trong người run rẩy. Gã chồm ra khỏi bụi cây, bể bồng cô gái đang hát lên đôi tay lực lưỡng của mình, vùng chạy.

Đám con gái kinh hãi bỏ chạy tán loạn. Cô gái trên tay Nô gần như ngất xỉu.

Nô chạy được một quãng thì nghe những tiếng hú khủng khiếp kéo dài phía sau lưng. Cô gái lập tức bưng tỉnh và cố nhồm dậy. Khi trông thấy cha đang lao đảo đuổi theo với một con dao quắm trong tay, nàng kêu lên đau đớn, ra sức giãy giụa một cách tuyệt vọng.

Ông già như hoá dại, mắt long lên sòng sọc, nhưng làm sao mà lại được với sức Nô. Gã chạy một mạch đến tận chỗ rẽ vào con đường mòn mới dừng lại nghỉ.

Y Sao trở thành vợ Nô từ đó.

+

Thấm thoát đã hơn một năm. Trong hơn một năm đó Y Sao không hề ra khỏi căn nhà treo chạt chội của Nô. Nô chiều chuộng nàng hết mức theo cách của người miền biển, quán quít với nàng bằng thứ tình cảm mãnh liệt và bền chặt, nửa trân trọng, nửa trung thành. Y Sao sinh cho Nô một đứa con trai khoẻ mạnh và cứng cáp, chắc chắn cũng sẽ trở thành một tài công dững mãnh như cha.

Dân chài vùng này không đi biển trong suốt mấy tháng mùa đông, khi sương mù dày đặc phủ kín quần đảo và những cơn gió bắc lạnh buốt không ngừng rên rỉ, đuổi bầy cá xuống mãi tận miền Nam. Hàng năm vụ cá bắt đầu sau Tết, cùng với mưa bụi và những đợt gió đông nam ẩm ướt. Dân chài ra khơi từ sáng tinh mơ và trở về khi mặt trời đã lặn. Cá đựng trong những lồng đầy ắp được kéo lên nhà bằng dây chèo. Đám đàn bà, trẻ con thức đêm mổ cá và muối vào những chiếc chum lớn.

Vụ cá năm nay bội thu. Cá nhiều đến nỗi dân chài phải mua thêm đồ chứa, còn đám đàn bà thì chong đèn muối cá suốt đêm.

Y Sao cũng học được cách muối cá. Hơn một năm qua nàng quen dần với tiếng ì ầm triền miên của sóng, với tính cách dữ dội của dân miền biển và cả những bữa ăn không có lấy một cọng rau tươi. Việc bận bịu với đứa con cũng giúp nàng khuây khoả. Có lẽ nàng chẳng còn gì để phàn nàn nữa, chỉ việc hân hoan trong sự ghen tị của lũ con gái làng chài.

+

Chiếc thuyền của Nô đã khuất từ lâu, đoàn thuyền đi sau cũng chỉ còn là những chấm đen nhỏ xíu. Y Sao trở vào nhà. Nàng nhóm bếp, bắc lên một chiếc niêu nhỏ để nấu cháo cho thằng Y Páo rồi ngồi thừ ra, với những ý nghĩ buồn rầu.

Đột nhiên nàng nghe thấy tiếng hát từ xa vắng vắng:

Oi hoa vông vang

Nở bên bờ suối

Có nhớ mẹ nhớ cha

Có nhớ bản xa?

Sau bản mùa đông đã tàn

Trước bản mùa xuân đang tới...

Y Sao đánh rơi chiếc thìa gỗ xuống tro bếp. Nàng nhận ra tiếng các bạn nàng đang hát. Y Sao bỗng nhớ đến bờ suối với những bông hoa vông vang nở đầy bên vách đá, nơi nàng cùng lũ con gái thường ra tắm giặt, nhớ ngôi nhà tường đất, mái lợp cỏ tranh của cha mẹ nàng. Trời ơi, nhớ quá đi mất thôi! Y Sao nhồm dậy. Nhưng nàng bỗng nghe thấy tiếng cựa mình của thằng Y Páo. Bàn tay nhỏ xíu của nó quờ quạng kiếm tìm hơi ấm. Y Sao vội vàng chạy đến bên giường, ôm chặt con vào lòng. Nàng dỗ dành nó một lúc lâu, sau đó lại ngồi xuống bên bếp lửa. Nhưng tiếng hát kia cứ vắng vắng bên tai. Y Sao không chịu đựng được nữa. Nàng đi ra cửa, chống liếp và kêu lên mừng rỡ. Dưới chân đảo cha nàng đang đứng trên một chiếc thuyền con, râu bạc trắng, tay cầm con dao quắm, vừa khóc vừa gọi nàng:

- Cha ơi! - Y Sao nức nở lao đến cầu thang, thoăn thoắt chèo xuống.

Đúng lúc đó thằng Y Páo bật khóc. Y Sao cũng lại lưng chừng, hết nhìn lên lại nhìn xuống chân đảo. Cha nàng đang đợi nàng dưới kia. Y Sao muốn bay xuống, dúi đầu vào lồng ngực già nua, yếu ớt của cha và cùng ông trở về ngôi nhà tuổi thơ ruột thịt. Nhưng tiếng khóc ngằn ngặt của con bóp nghẹt trái tim nàng. Y Sao khóc:

- Cha ơi! Con nhớ cha mẹ lắm, nhớ bản làng lắm. Nhưng con không thể để thằng Y Páo bé bỏng của con ở lại đây côi cút. Cha ơi! Cha tha lỗi cho con!

Nàng trèo lên và tưới vào khuôn mặt của thằng Y Páo bằng những giọt nước mắt nóng hổi. Hôm đó, nửa đêm Nô mới trở về. Những mẻ lưới may mắn khiến gã càng đánh càng ham. Nô buộc chiếc thuyền to gấp rưỡi bình thường của mình dưới chân đảo rồi cả hai vợ chồng hi hục chuyển cá lên.

Họ lặng lẽ làm việc. Nhưng có một lúc Nô nhìn vào cặp mắt đỏ hoe của vợ, gặng hỏi:

- Y Sao à, làm sao mà khóc?

- Thằng Y Páo khóc quá, tôi đỡ mãi không được, cũng khóc theo.

Nô khẽ lắc đầu, không hỏi nữa, nhưng hôm sau bỏ buổi cá. Y Sao cũng không nói gì. Đối với Y Sao, Nô vẫn là người xa lạ, mặc dù nàng biết rằng chẳng có người chồng nào tốt hơn Nô.

Bấy giờ Y Sao đang quạt lửa nướng cá trong bếp, còn Nô sửa lại đôi mái chèo. Tiếng mỡ cá nhỏ xèo xèo xuống bếp than hồng nghe vui vui và mùi thơm bốc lên sực nức. Bỗng nhiên Y Sao vùng dậy, chạy ra cửa. Nô nghe tiếng vợ nói:

- Ôi! Anh Pa Lí! Em nhớ anh lắm! Em nhớ cha mẹ, nhớ bản lắm. Anh đợi em một lát, cho em về với anh!

Pa Lí là tên người yêu ngày trước của Y Sao. Nô chợt hiểu. Gã quẳng mái chèo, chồm dậy, lao tới, ôm chặt lấy nàng. Y Sao vùng vẫy như một con thú dữ. Với một sức mạnh khủng khiếp, chẳng hiểu từ đâu, nàng gạt Nô ngã lăn ra đất và chạy ra cầu thang. Tiếng đứa trẻ khóc thảm thiết vang đến tai nàng. Nhưng Y Sao không dừng lại.

- Con ơi! Hãy tha thứ cho mẹ! - nàng kêu lên qua làn nước mắt.

Trong nháy mắt nàng đã xuống tới chân đảo. Nhưng Y Sao không thể tìm thấy Pa Lí và con thuyền của chàng. Nàng đã bị biển cả lừa dối. Xung quanh nàng chỉ có những con sóng đang cườì lên man rợ.xanh của núi.

Thợ đào đá truyền kiếp

Lão phải đào cho kỳ cùng, phải làm rõ thực hư - bấy lâu nay lão nằm mơ hay tỉnh?

Hố nhỏ đã thành hố lớn, rồi thành ao cạn, còn xung quanh đất cao dần lên mãi, chất ngất lưng chừng trời.

Nhưng dù có cao nữa, tới tận đỉnh trời, thì lão cũng phải đào cho kỳ cùng, phải làm rõ thực hư - bấy lâu nay lão nằm mơ hay tỉnh?

Nếu tỉnh thì mọi chuyện xảy ra lâu lắm rồi, từ khi lão mới ngoài ba mươi, nhà lão chưa bị bão cuốn đi, còn chỗ này là cây ổi dại, cao ngang đầu người, quả sần sùi như bị mụn cơm, thỉnh thoảng lão buồn tay hái về chấm muối, ăn chút xíu.

Đàn ông ngoài ba mươi tuổi chưa có vợ coi như dở hơi. Lão không có tiền cưới vợ, nhưng đào đá ông khoẻ nhất vùng. Lão tưởng chiếc thố (1) có thể làm được tất cả, vì thế vẫn thường tư tưởng đến cái lúm đồng tiền sâu như tổ cùng cùng (2) trên má cô Bống, con gái ông Cả Lễ.

Trong làng người ta hay đem lão ra làm trò cười. Nhưng lão chẳng thấy có gì đáng cười. ừ thì lão quanh năm sù sụ đôi giày lính (bấy giờ còn chưa há mồm). Nhưng đâu phải cứ đi giày là nóng. Cha lão cũng suốt đời đi đôi giày ấy - ông cướp được của Tây hồi theo nghĩa quân Đề Thám. Đôi giày khiến lão lúc nào cũng nhớ đến cha. Rồi cả chuyện lão ở trần cũng vậy. Nghề đào đá ong có khác gì đánh vật, suốt ngày mồ hôi mồ kê như tắm, quần áo dài chỉ tổ vướng. Và lại, tiền công mỗi ngày mỗi hạ, đến hai bữa cơm độn sắn khô với mắm tép còn chưa đủ, nói gì đến áo với chũ quần.

Ngôi nhà lá một gian hai chái, nằm tách biệt bên kia sườn đồi. Lão nấu cơm trong nhà, uống nước mưa bằng gáo dừa, lót ổ rơm thay chõng. Không biết ngày trước do làm nghề đào đá nên cha lão dựng nhà ở đây hay do tình cờ ở gần vỉa đá mà làm nghề ấy. Năm lên mười, mẹ mất, lão cũng bắt đầu cầm cán thó.

Lão không có bạn, nhưng trong làng cũng không ai ghét lão. Thành thạo lại có người ra tìm, nhờ làm giúp những công việc nặng, tí như đằm nền nhà, sửa chuồng lợn... Lão ngắc ngắc cái đầu. Như thế nghĩa là đồng ý, và vui lắm. Công xá khỏi phải lo, một bữa cơm rượu là xong. Dân làng cũng nghèo, thường chỉ có rượu với lạc rang. Lão không thuộc hạng bợm rượu, bắt quá vài chén con. Nhưng lão thích cảnh khề khà trên chiếu, chân xếp bằng tròn, nghĩa là giống những người đàn ông khác. Không nói với ai, nhưng nếu lâu lâu không thấy người ra lão lại bồn chồn, có ý chờ.

Hôm sửa chuồng bò cho nhà Cả Lễ, lão gặp may. Con gà mái mơ tưởng mất trộm (bà Cả Lễ đã chõng nạnh đứng chửi độc suốt một buổi chiều) hoá ra bị rù chết ngoài bờ tre, kiến bâu đầy, chuột khoét cả hai mắt. Cả đời lão mới được ăn thịt gà một lần, hỏi cha mất. Thịt lợn cũng chỉ ngày Tết mới dám mua nửa cân bạc nhạc gọi là. Con mái mơ đã già, dai ngoách, nhưng uống rượu hoá lại hợp. Chỉ có thằng Túc lăn ra sân, khóc vào vạo đến sưng cả mắt. Cô Bồng từ dưới bếp te tái chạy lên dỗ em, cho nó cái chân lỏ chỗ những tổ mò. Đó chính là lần đầu tiên lão trông thấy cái lúm đồng tiền trên má cô Bồng.

Vỉa đá lộ thiên, cách bờ suối không xa. Lão xếp đá thành kiêu, cạnh đoạn hào do cha để lại. Con đường mòn men theo bờ suối. Về phía hạ lưu, xuống dốc Cồn, nghe nói rồi còn đi xa nữa, ra tận biển. Bấy giờ còn Phụng Sò. Lão già chột mắt, giọng the thé, quanh năm bản gát như mắm tôm. Cứ hai ngày một lần, lão lộc cộc đánh xe bò lên - chiếc xe cũng rệu rã và sặc mùi rượu như chính lão - chở đá đi bán cho phu mỏ.

Một hôm lão nghe tiếng thằng Túc. Vẫn tiếng khóc hôm con gà mái mơ của nó bị vật lông. Hoá ra nó đi tìm bê lạc. Lão vừa trông thấy con bê ấy lớn vồn đầu đầy. Con bê tuyệt đẹp, mũi hếch, xoáy trên mõng mượt như một khóm vậy nà. (3)

Lão bất giác nhớ đến vị ngọt của thịt gà. Lão bảo:

- Túc, mày có thích ăn bánh đa khoai không?

- Bánh đa khoai như của bà Song bán ngoài gốc đa ấy à?

- ừ, dưng mà to hơn, có nhiều vừng nữa. Mày thích thì xuống suối mà lấy, chỗ hòn đá trắng kia kia.

Mất thằng Túc vụt ráo hoành. Nó quên băng con bê lạc, chạy biển xuống chân đồi.

Dĩ nhiên làm gì có bánh đa khoai dưới đó.

Con bê đang nép mình dưới gốc ổi dại. Khi lão túm lấy tai nó, nó tỏ vẻ mừng rỡ, cọ cọ khóm vậ nà vào đầu gối lão. Nó vẫn chưa biết sợ. Lão vung chiếc thó lên. Thậm chí không nghe cả tiếng xương sọ vỡ. Con bê ngã vật xuống đất, bốn chân từ từ duỗi ra. Cặp mắt ốc nhồi đau đáu nhìn lão như kính ngạc.

- Chú Tảo, sao giết bê của cháu!

Tiếng kêu thảng thốt của thằng Túc khiến lão giật mình. Hai tay giật bắn, lão từ từ đứng dậy. Không biết mặt lão lúc đó ra sao, nhưng thằng Túc vụt nín bật rồi bất ngờ vùng chạy. Lão như bưng tỉnh. “Nó là em cô Bồng” - Lão chỉ kịp nghĩ vậy. Lão chộp lấy chiếc thó, đuổi theo. Thằng Túc không chạy nổi. Nó bò, tay chân cào cào như bị bóng đè. Cái gáy nó bé tẹo, loe toe những sợi tóc vàng cháy vì phơi nắng.

Trời ơi! Con quỷ nào đã khiến lão trở nên độc ác và khát máu? Đến tận bây giờ lão vẫn không sao quên được hình ảnh thằng Túc nằm sóng soài trên mặt đất, chân tay doãi ra, chẳng khác nào một con chim non bị ném từ cành cao xuống. Máu rỉ ra hai bên mang tai. Chỉ một nhát cán thó đã là quá thừa với nó.

Lão bế thằng Túc lên tay. Người nó mềm và ấm, có cảm tưởng đang ôm một con chó cún. Bây giờ thì chính lão bị bóng đè. Bập bồng như đi trên mây, lão leo ngược sườn đồi, bới đất, chôn thằng Túc dưới gốc ổi.

Lão không quên xoa sạch dấu vết trước khi xuống suối. Nước lạnh làm người ta bình tĩnh lại. Cỏ và cành khô không thiếu. Lão nhóm lửa ngay cạnh cây ổi. Con bê vẫn đau đáu nhìn. Hai nhát thó sùn sọt vào mông nó, giữa khóm vậ nà, lóc ra tảng thịt còn nóng hổi, đỏ lòm, rùng rùng máu. Lão róc một cành ổi làm xiên.

Khói bốc lên nghi ngút. Dĩ nhiên lão không biết rằng đó vẫn là thứ khói lửa mà tổ tiên đã nhóm hàng nghìn năm về trước, khi rừng nguyên sinh còn trải ra bạt ngàn hai bên bờ dòng Nhị Hà đỏ ngầu như máu.

Trong sương mù, không gian dần dần ngả sang màu lam xám. A ha, nước miếng tứa ra đầy miệng. Lần đầu tiên lão được nếm thịt bò. Lão vẫn nhớ đó là một tảng thịt. Hai hàm răng to khoẻ đầy bựa cắm ngập vào lớp cơ nhùn nhũn vừa kịp ám khói.

Ngay lập tức lão nôn ộc ra như người say rượu. Mùi gì gây rợn xông lên không sao chịu nổi. Lão ngồi phịch xuống đất. Xung quanh lênh láng mặt xanh mặt vàng. Lão cảm thấy người lạnh toát, nhom nhóp, ruột gan lộn tung phèo. Bên kia đồi trời hoàn toàn lặng gió. Chẳng hiểu sương hay một cột khói im lìm?

Đột nhiên lão rùng mình, lão sực nghĩ đến mùi thịt người. Trong làng người ta thường lưu truyền câu chuyện rừng rợn về ai đó chuyên bắt trẻ con về nấu cháo. Những ý nghĩ khủng khiếp nổi nhau. Lão khạc nhổ, oẹ khan, cảm thấy vị mặn của máu tứa ra trong cổ họng. Chính lão cũng không nhớ mình đã kéo xác con bê xuống suối như thế nào. Điều chắc chắn là lão đã quên không cởi giày. Nước suối lầy nhầy, đen thẫm. Lão dìm con bê xuống giữa tảng đá phủ đầy rêu trơn nhầy.

Đêm ập xuống rất nhanh cùng với một trận mưa dữ dội. Đúng là trời còn thương lão.

Nửa đêm, trong tiếng mưa rơi, lão nghe tiếng người ồn ào đi tìm thằng Túc. Rõ cả tiếng khóc thút thít của cô Bống con nhà Cả Lễ. Nhà lão không có cửa, đám người cầm đuốc kéo vào nhà, nước rỏ tong tong xuống nền đất.

- Tôi chẳng nhìn thấy thằng Túc, cũng chẳng thấy con bê nào sất! - Lão giả đò ngái ngủ.

May mà không ai để ý đến chân lão đang run bần bật. Không một ai nghi ngờ. Tiếng chân người lép nhép xa dần - họ đi về phía dốc Cồn. Phải hai ngày sau lão Phượng Sò đánh xe lên lấy đá ong mới trông thấy xác con bê trôi mãi xuống hạ lưu, gần tới Thiệu Bàn.

Nhưng lão vẫn không thể yên tâm. Lúc nào đám người cũng có thể bất thần quay lại. Mùi gậy thì vẫn không hề giảm bớt, mặc dù sườn đồi đã được mưa gột sạch. Nhiều khi bất giác, lão hoảng hốt quay lại đằng sau. Lão run lên mỗi lần nhìn thấy từ đằng xa thấp thoáng bóng người.

Cuối cùng, lão hiểu rằng mùi gậy bốc lên từ gốc ổi. Đúng là mùi thịt người. Dưới đó thằng Túc đang thối rữa. Lão không còn dám vật ổi về chấm muối nữa. Lão lấy đất đồi đắp lên. Công việc thoạt đầu giống như người ta vun gốc, nhưng rồi ụ đất cao dần, lút cả ngọn cây.

Đến nước ấy thì dân làng đều phải nghĩ rằng lão hoá điên. Người ta bắt đầu đem lão ra làm ngoáo ộp dọa trẻ con. Không ai nhờ lão sửa chuồng bò nữa, chỉ còn Phượng Sò chột mắt là dám đến gần lão mà thôi. Lão quên hẳn lối vào làng. Ban ngày đào đá ong, ban đêm lão lại hì hục vác đất đắp gò. Công việc giống như món cháo lú giúp lão quên đi tất cả (cũng có thể chính thời gian mới là món cháo lú, nhưng đồng thời lại tạo dựng thói quen?)

Không biết tự bao giờ tóc lão đã kịp bạc trắng. Đồi giày rách hẳn, lão đặt lên bàn thờ. (Giá như ngày trước dân làng lại tha hồ đàm tiếu). Tay bắt đầu run, nhưng lão vẫn không thể rời cán thó. Mỗi bữa lão vẫn cố ăn hết ba lưng cơm độn sắn. Phượng Sò chết lâu rồi. Thằng Bản thay cha hai tuần một lần đánh xe lên lấy đá.

Đất đồi cằn cỗi nhưng bát ngát. Lão trồng thêm sắn quanh lều, tự thái lát, phơi trên bãi cỏ. Chiều, lão xuống suối bắt cá. Cá suối nhiều vô kể, bơi từng đàn lấp lánh. Lão lần vào các hốc đá ven bờ. Thỉnh thoảng lão may mắn vớ được một con cá ba gai đã mù cả hai mắt vì già yếu, da trắng nhợt như ngâm nước vôi, đang thoi thóp những ngày tháng cuối cùng.

Lão vẫn không ngừng việc đắp gò. Và lão vẫn nhớ cái tổ cùng cùng trên má cô Bống nhà Cả Lễ. Một hôm lão quanh co hỏi qua thằng Bản. Nó giấu người rồi phá lên cười:

- Cô Bống ấy à? Sắp xuống lỗ rồi. Kia kia, cháu nội cô ấy đấy!

Lão ngẩng lên và đánh rơi chiếc thó. Trước mắt lão là thằng Túc. Nó đang vào vạo khóc. Vẫn mái tóc loe hoe cháy nắng. Hóa ra nó đi tìm bê lạc.

Lão định nói rằng chẳng nhìn thấy con bê nào sất, nhưng bỗng nhìn thấy máu phun ra lênh láng dưới chân. Một ngón chân cái bị lười thó chặt đứt, chỉ còn lại mẩu da lũng lảng. Lão vội vàng lê vào rệ cổ, bứt lá rịt vào vết thương. Bấy giờ lão mới lại nhớ đến thằng Túc. Nhưng nó đã không còn ở đó.

Lần đầu tiên trong đời lão ốm. Trong người gai gai ớn lạnh, lão về nhà sớm, nấu cháo, nhưng miệng đắng ngắt, không sao nuốt nổi. Bên tai không ngừng văng vẳng tiếng khóc của thằng Túc. Mà có phải thằng Túc thật không? Chẳng lẽ nó từ dưới đất chui lên?

Lão ngồi phất dậy. Hay tất cả chỉ là một giấc mơ, còn thằng Túc bây giờ đang ngồi gặm chân gà? Thế thì may cho lão quá! Ngày mai lão lại có thể vào làng, có thể nhìn thấy cái lúm đồng tiền trên má cô Bồng. Biết đâu, sẽ có người nhờ đắp nền nhà. Lão lại được ngồi xếp bằng trên chiếu, khề khà uống rượu với cánh đàn ông.

ý nghĩ ấy khiến lão khoẻ ra. Lão nằm xuống định bụng chờ đến sáng sẽ ra đào gò đất. Cầu trời, đừng có thằng Túc nào dưới đó. Nếu quả thật, tất cả chỉ là một giấc mơ thì lão lại sống y như cũ.

Nhưng lão không thể chờ đến sáng. Chưa bao giờ lão cảm thấy đêm dài như vậy. Ồ rơm hình như có rệp. Lão ngồi dậy tìm thỏ, lần mò ra gò đất.

Mặt trời lên cao lão mới dừng tay. Bụng còn cào vì đói. Lão quay về lều, ăn qua loa mấy củ khoai sống. Buổi trưa, lão nạy ra một sáng kiến. Lão đem cả thúng khoai và vại nước xuống hố, ăn uống tại chỗ rồi lại bắt tay ngay vào việc.

Hố nhỏ đã thành hố lớn, rồi thành ao cạn, còn xung quanh - đất cao chất ngất lưng chừng trời.

Chiều ngày thứ năm, lão tìm thấy một bộ rễ cây đã mục. Đất bên dưới xôm xốp, lấm tấm trắng như rắc muối. Chẳng có thằng Túc, chẳng có gì ở đó. "Vậy là thằng Túc còn sống!" - Lão mừng rỡ khóc rống lên như trẻ nhỏ.

Đột nhiên lão sực nhớ đến một điều hệ trọng. Lão chặt một mẩu rễ cây, đưa lên mũi ngửi. Rễ cây đã mục, không thể biết có phải là rễ ổi hay không. Về hân hoan trên mặt lão vụt tắt. Lão thần thờ một hồi lâu. Rồi lão lại vồ lấy thỏ. Chiếc thỏ chưa bao giờ phản bội. Nó sẽ giúp lão đào đến tận cùng. Lão phải làm rõ thực hư, bấy lâu lão nằm mê hay tỉnh?

Cuộc thăm sát

Chúng tôi đang bơi thành vòng tròn, như một cách luyện tập. Thứ dung dịch nhầy nhầy, màu trắng đục và âm ẩm. Lúc ấy, bọn chúng tôi mới sinh được nửa ngày.

"Tối nay anh về sớm nhé"

"Ờ, để xem đã...dạo này bạn tối tắm mặt mũi"

"Ừ, tối nay anh về sớm đây. Em nấu canh cua, anh về sớm kéo nguội"

Tôi vẫn bơi thành vòng tròn rồi quay ngoắt lại. Thú thật, tôi bắt đầu có cảm tình với người phụ nữ. Giọng cô ta thật hiền.

Anh ta đã ngồi lên xe, nổ máy.

"Cô ta sẽ là một người mẹ tốt" - Tôi nghĩ và một lần nữa quấy đuôi, bơi ngược lại.

Cuộc đời chúng tôi ngắn ngủi nhưng sứ mệnh thật lớn lao. Chúng tôi biết mình phải làm gì mà chẳng cần ai dạy bảo. Chúng tôi sẽ được phóng vào một đường hầm tối, nóng bỏng và ẩm ướt. Chúng tôi sẽ phải bơi ngược dòng cho đến cuối đường hầm. Dĩ nhiên, không một ai trong lũ chúng tôi hình dung ra đường hầm, không một ai hình dung ra nơi phải đến. Chúng tôi cũng biết trước rằng không phải ai cũng đến được cuối đường hầm - hầu hết sẽ kiệt sức trong cuộc đua ngược dòng khốc liệt. Nhưng kẻ nào đến đích thực sự là vị anh hùng. Anh ta sẽ hoà nhập nửa kia của mình đang chờ sẵn. Một cuộc hoá thân huyền diệu. Và thế là bắt đầu sự phôi thai một con người.

Tôi vẫn bơi chậm rãi, phần để giữ sức, phần không muốn chúng bạn nhận ra quyết tâm vô bờ bến của mình. Không nói ra, nhưng tôi tin chắc mình sẽ nắm phần thắng. Vì thế, tôi lại thăm nghĩ đến giọng nói của người phụ nữ kia. "Đứa bé sẽ có một người mẹ tuyệt vời".

Trong văn phòng cũng có những giọng phụ nữ, mỗi giọng một khác. Họ nói rồi đi. Có một giọng the thé, chua đến mức làm tôi nhăn mặt. Và cô ta cười nữa. Cười rất to, rất lâu, như thể không sao dừng lại được.

Cuối giờ, giọng the thé nói: "Em về trước nhé". Rồi lại cười. Tiếng cười vang lên trong hành lang rồi nhỏ dần. Dưới cầu thang, từ ngoài cửa sổ, nắng chiều hắt lên vàng rực.

Anh ta dọn dẹp đồ đạc khá lâu. Năm giờ, anh ta vào toa-lét, đái, huýt sáo, vệ sinh hạ bộ, đánh răng, xỉ mũi vào chiếc khăn giấy.

"A lô, em đấy à. Chán quá, anh lại phải thắp từng Cự đi họp rồi. Thôi, em cứ ăn trước vậy nhé". Sau đó là tiếng hôn gió.

Tôi không nghe đầu dây kia nói gì nhưng nhận thấy một khoảng lặng. Có thể là tiếng thở dài.

Trong cái quán nhỏ lộng gió bên hồ tôi nhận ra ngay giọng cô ta. Giọng nói và tiếng cười the thé.

"Anh họp thế đấy hả? Hà, anh yêu!"

"Ừ, thế đấy, thì sao nào!"

"Thì em phạt. Thì em bắt đền."

"Đền này, đền này"

Tiếng cười the thé lẫn với tiếng cười của anh ta bị kìm nén, khục khục trong cổ họng.

"Hai cúrt chồn ở đâu nhỉ?"

"Đây, đây!"

Người phục vụ mò mẫm đặt hai cốc cà phê cùng mảnh giấy lên bàn rồi đi ra.

"Này, nếu anh chết thì em làm gì?"

"Nói bậy, đổ cúrt vào mồm đổ đái vào mồm."

"Nhưng anh hỏi thật mà."

"Em không nói chuyện với anh nữa..."

"Thôi được, nhưng nếu em chết thì..."

"Thì anh làm gì?"

"Thử đoán xem?"

"Chịu."

"Thì anh sẽ mua một bao mùn cưa. Em biết để làm gì chưa? Anh sẽ nhồi em thành một cô búp bê và đặt trước cổng công ty. Nhớ là không có quần áo đâu nhé!"

"Khiếp, ngưng chết đi được."

"Ngưng gì, lúc ấy em biết gì đâu mà ngưng."

"Vẫn ngưng."

"Không ngưng."

"Vẫn ngưng."

"Thôi được. Nhưng cái chỗ này thì khó nhồi lắm đây..."

"Này này, cái tay bậy bạ..." - Cô ta cười khúc khích.

Chúng tôi vẫn bơi trong cái dung dịch lầy nhầy, màu trắng đục. Nhiệt độ và áp suất đều tăng lên rất nhanh.

"Môi em mềm thật đấy."

"Chứ còn gì nữa, môi xịn đấy."

"Cô ấy sẽ là một người mẹ tuyệt vời" - Tôi vẫn cố nghĩ về người phụ nữ có giọng nói hiền từ.

Nhưng tôi không còn đủ thời gian để nghĩ thêm gì nữa. Áp suất tăng cao đến mức tôi tối tăm mặt mũi. Tôi cố vẫy đuôi nhưng vô ích.

"Thế hai cái này có xịn không?"

"Xịn...xịn...chết rồi, đổ hết cà phê rồi..."

"Tí thôi, kệ nó."

Bây giờ thì tôi không thể nghĩ gì được nữa. Nóng. Ngọt ngọt. Tiếng cười nhỏ dần, biến thành tiếng thở hổn hển đứt quãng lẫn với những tràng rên rỉ. Rồi những cơn sóng trào kỳ lạ ào ào cuốn chúng tôi đi.

Đột nhiên, đất trời rung chuyển. Từng đợt, từng đợt liên tiếp. Tôi thấy mình bị phóng ra như một viên đạn.

"Đây rồi, cái thời khắc ấy đã đến" - Tôi nghĩ.

Nhưng cái thời khắc ấy mãi mãi không đến. Trong tích tắc, chúng tôi nhận ra mình bị ném vào một lớp màng dày. Cả lũ chồng chồng lên nhau. Mùi cao su xông lên tởm lợm. "Hoá ra là thế, mình cũng từng nghe nói!"- Ý nghĩ ấy thoáng qua như một ánh chớp.

Tôi đã từng nghe nói, nhưng lần đầu tiên được biết cũng là lần cuối.

*

Trời trở lạnh. Cái dung dịch lầy nhầy trắng đục dần dần đặc quánh lại. Đêm hôm đó cả lũ chúng tôi chung nhau một cái quan tài.

Chiếc bao cao su nằm dưới gầm bàn cho đến sáng.

Gã Trốn Lính

Tất cả chúng tôi đều run. Mồ hôi toát ra đầm đìa. Giữa, Nhấn và Út đã bị gập chặt lại, còn Cái chìa ra, chỉ có tôi đơn độc trên cái thớt gỗ. Cái thớt mốc vẫn còn mùi thịt lợn ôi, lờm lợm.

Đơn độc, tôi chỉ còn biết phó mặc cho số phận. Đây là lần thứ ba trong ngày, ngày thứ ba trong tuần. Mà đã có lần thứ ba, ngày thứ ba, thì may ra cũng sẽ có lần thứ tư, ngày thứ tư. May hơn nữa, còn có ngày thứ năm. Và biết đâu, thứ sáu, thứ bảy. Biết đâu, ông chủ đột nhiên đổi ý.

Cái gập may, Giữa, Nhấn và Út cũng gập may. Tôi cảm thấy cay đắng, nhưng không hề ghen tị. Số phận là thế, đời tôi nhiều vinh dự thì cũng nhiều nguy cơ.

Tay trái, ông chủ cầm con dao pha cán gỗ. Sóng dày, lờn đen, lưỡi xanh, con dao ấy sắc như nước. Giống hệt bên tay phải, cả năm ngón trái toát mồ hôi hột. Cái Trái và Trỏ Trái run nhất. Vì không quen. Lần đầu tiên cầm dao, run là phải. Mà nói đúng ra, đây đã là lần thứ chín - lần thứ ba trong ngày, ngày thứ ba trong tuần.

Bình thường, cầm dao là việc của tay phải, trước hết là của tôi và Cái Phải. Suốt đời mình, tôi làm gì thì hầu như bao giờ cũng cùng làm với Cái Phải. Dĩ nhiên, trong nhiều việc, như việc cầm dao, cũng ít nhiều có sự trợ giúp của Giữa, Nhấn và Út. Tôi muốn nói là Giữa Phải, Nhấn Phải và Út Phải.

Công việc của chúng tôi lặp đi lặp lại hết ngày này đến tháng khác. Mỗi khi có khách, một bà to béo chẳng hạn, hay một ông gầy như que củi, hay một chị bụng to như cái thúng, đại loại thế, ông chủ quăng súc thịt đỏ hồng lên mặt thớt và cầm dao. Gân căng lên, tôi miết chặt lấy cán gỗ. Như một ánh chớp, con dao pha bổ xuống tảng thịt. Sụt! Thật nhẹ. Thật ngọt.

- Nửa cân chẵn, ông chủ nói, quán miếng gói thịt bằng một mảnh ni lông và trao cho khách hàng.

Cầm dao, đó là một công việc cao thượng. Anh không những phải cắt miếng thịt sao cho gọn, đẹp, ngon mắt, mà còn phải chính xác. Nửa cân, một nhát dao. Hai cân, cũng một nhát dao. Hai nhát là vút.

Cầm dao là một công việc cao thượng còn vì một lý do khác. Anh phải biết điều chỉnh. Nhỏ thôi, nhưng phải biết điều chỉnh. Khách quen không giống khách sơ. Với khách quen anh cắt nhỉnh thêm tí chút. Với khách sơ, anh cắt hụt tí ti. Cầm dao là việc mang đầy tình người.

Cầm dao, đó là việc của tôi với Cái Phải, nhưng lúc này, lại là việc của Trỏ Trái và Cái Trái. Đây là lần thứ ba, ngày thứ ba, Trỏ Trái và Cái Trái cầm dao. Mới chỉ là cầm, chứ chưa bao giờ chặt thịt. Mà nói chung, anh ta chưa chặt bất kỳ một thứ gì. Như thế thì run là phải.

Tôi vẫn hy vọng ông chủ sẽ đổi ý, hay ít nhất là hoãn lại đến ngày mai. Nhưng tôi cũng lờ mờ cảm thấy lần này sẽ là lần định mệnh. Tôi không thể giải thích tại sao, nhưng cảm giác ấy rất rõ. Có thể vì tay ông chủ run hơn, nhưng điều đó tôi cũng không dám chắc.

Ông từ từ hạ con dao xuống. Lưỡi dao lạnh chạm vào lưng khiến tôi rùng mình.

Thú thật, tôi vốn là kẻ nhát gan, cứ nhìn thấy lưỡi dao sáng loáng là hoảng. Hơn ai hết, tôi biết rõ tất cả những ngón nghề của hắn ta. Những mũi rạch, những đường thái, những vết cắt, những cú chặt, những nhát xả, và cả những đòn trở sống lưng gớm ghiếc. Ngón nào cũng lạnh lẽo, chết chóc. Cũng may, tôi luôn luôn là người cầm dao.

Trước kia, ông chủ không bao giờ chạm lưỡi dao vào lưng tôi, mặc dù vào bụng thì thường xuyên. Đúng hơn là ông gại gại bụng tôi vào lưỡi dao, có khi để thử xem dao có sắc không, có khi chỉ vì thói quen. Da bụng tôi dày, tiếng gại vào dao khột khột, khạp khạp, cao thấp khác nhau. Nếu dao cùn, ông gại vào thanh đá mài. Nhưng chuyện đó chỉ xảy ra có một lần. Nói chung, con dao này sắc như nước.

Ông để lưỡi dao yên lặng hồi lâu trên lưng tôi, khế ấn, giữ yên, nghiêng một bên, nghiêng về bên khác, rồi khế ấn nữa. Lớp da mỏng trên lưng tôi đau nhói, như sắp đứt.

Ông cứ đứng như thế hồi lâu, rồi đột ngột nhấc dao lên, thở dài. Tôi thoáng mừng thầm. Giống hết hôm qua, khi ông nhắm mắt lại, thở dài, toàn thân tôi lạnh buốt. Tôi đợi ông lắc đầu, gạt cái thớt sang một bên rồi vào bếp, cắt dao lên giá. Vậy là sẽ có ngày thứ tư. Biết đâu còn có ngày thứ năm. May hơn nữa, thứ sáu, thứ bảy. Biết đâu, ông chủ đột nhiên đổi ý.

Đột nhiên ông đấm cái “rầm”. Bằng một động tác quyết liệt, tay trái ông bỏ xuống một nhát trời giáng. Con dao cắm ngập vào cái thớt gỗ. Cái thớt gỗ nhớp nháp, nòng nặc mùi mỡ lợn ôi, nảy lên vì giạt mình trên mặt bàn cũng dính đầy mỡ lợn.

Miệng nghiêng ken két, ông chủ đi lòng vòng quanh bàn, lòng vòng trong phòng. Ông lại gần giá đồ nghề, lần lượt cầm từng con dao lên ngắm nghía. Tần ngần, ông đưa tôi vào miệng, cắn nhẹ giữa hai hàm răng, day day như dò hỏi. Tôi chợt nhớ những ngày xa xưa, khi còn nhỏ, ông vẫn dùng răng cắn và day tôi như thế mỗi lần có điều gì sợ hãi.

Năm lên bốn ông bị ốm. Một bệnh gì đó không rõ, nhưng có vẻ rất trầm trọng vì ông thở khò khè, không ăn uống gì được. Mẹ ông dẫn ông đến thầy thuốc. Ông chủ tôi khóc ngằn ngặt trong khi ông thầy thuốc vẫn nhẹ nhàng dỗ dành. Ông ta ngửa lòng bàn tay ông chủ, bôi cồn lên bụng tôi, chỗ đầu ngón, rồi bất ngờ cắm phập một chiếc kim dài đúng vào cái hoa văn xoáy tròn. Tôi co rúm người lại. Ông chủ tôi hét lên một tiếng rùng rợn, rầy rụa tuyệt vọng, nhưng ông thầy thuốc không chịu tha. Ông ta bóp mạnh khiến máu chảy ra thành dòng, đen như máu cá. Đến tận bây giờ tôi vẫn còn nhớ cái cảm giác máu trong mình bị vắt ra đau buốt đến tận xương tủy. Khi máu đen đã ra hết, ông thầy thuốc áp lên bụng tôi một miếng bông tẩm cồn, cười rất tươi: “Xong rồi, như con kiến đốt thôi mà!”. Ông chủ tôi vẫn khóc. Ông vớt miếng bông xuống đất, dứt tôi vào miệng và mút.

Có thể lúc này ông không nghĩ đến chuyện ấy. Ông để tôi lướt nhẹ trên hàm răng thô và khấp khểnh. Hồi lâu sau, ông ra sau nhà, vẫn dùng tay trái, cầm chiếc riu lên ngắm nghía. Chiếc riu

dùng lâu năm, cán bóng lộn, nhưng lưỡi cũng sáng loáng như lưỡi dao. Ông thấm nước bọt vào bụng tôi, quẹt lên lưỡi rồi rời khe khẽ lắc đầu.

Trở vào nhà, ông mở cái hộp gỗ nhỏ, vẫn cố không để tôi chạm vào. Cái hộp cũng đen đui và nồng nặc mùi mỡ ôi. Trong hộp ngoài ít tiền lẻ chỉ có hai tấm ảnh đã ố vàng. Ông nhìn chăm chú vào hai tấm ảnh, thở dài, và lại lắc đầu.

Tôi gần như tê liệt khi ông đóng cái hộp, đứng dậy. Trong khi đó, ông có vẻ đã bình tĩnh trở lại. Chậm rãi, ông lại gần cái bàn nghề, dùng tay trái lay nhỏ con dao vẫn còn cắm ngập vào cái thớt. Ông lay rất lâu, nhưng khi nó vừa lỏng ra thì ông nâng lên một cách dứt khoát.

Ngay cả lúc ông gầm lên trong cổ họng tôi vẫn chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Máu phun ra đỏ cả mặt thớt. Tay trái ông chủ rút từ túi quần ra một cuộn gạc, quấn chặt lấy vết thương.

Tôi không hiểu gì cho đến khi tay trái ông chủ nhặt tôi lên, gói vào một miếng vải trắng.

Trong cổ họng, ông vẫn gầm gừ vì đau đớn, nhưng môi ông nở một nụ cười hạnh diện.

Tội lỗi đầu tiên của thánh Mah Gahn

Tôi viết những dòng này trong lúc đầu óc hoàn toàn minh mẫn, không phải vì khiêm tốn hay muốn giáo huấn điều gì, mà chỉ như một lời tâm sự. Trong mấy thập kỷ qua nhân dân yêu mến và tin cậy, có lúc đến mức sùng bái, tôi lấy làm xúc động nhưng tự thấy mình còn chưa xứng đáng. Tôi cũng hiểu rằng những tình cảm ấy không phải đơn thuần dành cho cá nhân tôi, mà là dành cho một biểu tượng của dân tộc. Nhân dân cần có một biểu tượng cho sự nghiệp vĩ đại của mình, và nếu không có tôi, chắc chắn một người khác sẽ trở thành biểu tượng. Vì thế, Thánh Mah Gahn và tôi thật ra chỉ đơn thuần là một sự trùng hợp về danh xưng, hoặc một sự lựa chọn của lịch sử mà thôi.

Niềm tự hào của tôi là được gắn cuộc đời mình với sự nghiệp chung của nhân dân. Tôi cũng là một con người, có lúc hay lúc dở, có lúc đúng đắn có lúc sai lầm, nay điếm lại thấy mình đã làm tất cả những gì có thể làm được. Về điếm này tôi không có gì ân hận.

Tuy nhiên, phải nói thật rằng buổi đầu không phải tôi đã ý thức được ngay những việc cần làm. Tôi rời nhà ra đi vì một lý do khác, một lý do có thể nói là khá tầm thường nhưng đối với tôi thì vô cùng đau xót. Trong suốt cuộc đời mình tôi thề nhủ đó là một tội lỗi. Nhưng cũng chính nó đã khiến tôi thức tỉnh về mục đích của cuộc đời mình.

Những cuốn sách viết về tôi thường ít nhiều có tô vẽ thêm nhưng các sự kiện và ngày tháng thì cơ bản là chính xác. Tôi là con thứ hai trong một gia đình có bốn con. Cha mẹ tôi làm nghề buôn bán nhỏ, tuy có khả năng cho các con ăn học nhưng không lúc nào chắc chắn. Bốn chị em tôi mỗi khi đi học về đều phải giúp mẹ làm thắm bẹ ngô. Bẹ ngô sau khi thớt nhỏ, phun nước sẩy điêm sinh cho mềm và trắng, được chúng tôi bện thành những sợi dài, bó thành từng bó một trăm mét. Hàng tháng lái buôn đến chợ đến xưởng làm thắm, nghe nói rồi chở đi đến tận nước Anh. Tay chân chúng tôi lúc nào cũng trắng bọt, phải quần rỏ cho đỡ đau. Chị gái tôi bỏ học sớm, theo nghề mẹ nhưng căn cơ nên cũng luôn nghèo túng, hai em trai đi lính chết trong chiến tranh. Trong gia đình tôi là đứa trẻ hiền lành, chăm chỉ và được coi là hiếu thảo nhất. Vì luôn luôn là học sinh giỏi nhất trường tiểu học thị trấn, tôi trở thành niềm tự hào và hy vọng của cha tôi. Tôi còn nhớ, cứ chiều thứ bảy, trong lúc chị và hai em đang bện thắm, ông lại gọi tôi vào phòng làm việc, lấy xuống quyển "Tứ Kinh" bìa bọc vải đã sờn.

- Ngày trước, cứ chiều thứ bảy, ông lại giảng "Thập Kinh" cho bố" - Ông nói, giống như một thói quen hơn là nói với tôi.

Năm mười hai tuổi, tôi được gửi ra học ngoài thị xã.

Những gì xảy đến với tôi sau đó khó ai có thể nào lường trước được. Năm mười bốn tuổi, đang học tôi được bố đột ngột gọi về. Hoá ra ông gọi về lấy vợ. Thời bấy giờ, người ta cưới vợ gả chồng cho con từ rất sớm, có khi từ lúc mới lên năm sáu tuổi. Tôi không hề có khái niệm gì về cuộc sống gia đình, cũng chưa hề có hiểu biết gì về quan hệ nam nữ, những mẹ tôi dễ dàng, nếu đồng ý bà sẽ mua cho đôi giày nhung đỏ. Tôi đồng ý chỉ vì muốn có đôi giày.

Nhưng ngay sau đêm tân hôn, tôi bỗng hiểu rằng mình là người may mắn. Đêm đó tôi hiểu ra sự quyến rũ lớn nhất và vẻ đẹp kỳ diệu nhất mà tạo hoá ban tặng con người. Vợ tôi kém tôi một tuổi. Da nàng trắng như một thứ men sứ tinh xảo nhất, đôi vú với hai núm nhỏ lấp ló dưới mái tóc mềm chảy xuống ngực. Giữa cặp đùi dài, mịn màng nhưng săn chắc, âm hộ nàng lồ lộ dưới đám lông mịn, xanh nõn như râu. Nó làm trí não tôi rối bời, nó trói chặt tôi vào căn phòng nơi từng góc giường mảnh chắn đều hoá thành những đam mê huyền diệu.

Một đêm khuya, khi nàng đã ngủ, tôi rón rén ngồi dậy, khe khẽ vén tấm chăn mỏng và bỗng thấy âm hộ nàng giống như một con mắt lớn với đôi mi dày dịu dàng đang thiếp ngủ. Khi tôi khẽ nâng hai chân nàng lên, một khoảng tối sâu thẳm mọng mị mở ra dưới đám râu xanh và trên một mi mắt phớt hồng tôi phát hiện một nốt ruồi xinh xắn đen như hạt cải. Ngay lúc đó nàng giật mình tỉnh dậy. Sự thẹn thùng của nàng càng làm cho tôi ngây ngất. Tôi ôm ghì lấy nàng, gỡ bàn tay nhỏ xinh của nàng, đặt môi mình vào cái hạt cải nhỏ. Những giọt nước mắt nóng bỏng sánh như mật tràn ra. Ôi, con mắt lớn của nàng, ôi đám râu xanh, tôi khao khát vùi mặt mình vào đó cho đến khi đất trời biến thành cát bụi.

Nửa tháng sau ngày cưới, tôi trở lại trường nhưng đã thay đổi hoàn toàn. Tôi không còn thiết vui đùa với chúng bạn, không còn tâm trí để học hành và cũng chẳng nhớ mình để ở đâu đôi giày đỏ. Trong đầu óc tôi chỉ còn quay cuồng những hình ảnh trong phòng the. Bàn ghế hoá thành giường ngủ, mọi chạc cây đều hoá những cặp đùi run rẩy trong hoan lạc. Nỗi ám ảnh dục tình khiến tôi nhiều lúc phải cấu chặt lấy cạnh bàn mà rên rỉ. Đầu óc tôi khi đó đã bị đầu độc đến nỗi mọi người đàn bà xuất hiện trước mặt tôi đều hoá thành loài lờ. Tôi phải cố gắng lắm mới không lao vào ôm ghì lấy họ mà cắn xé, hôn hít. Đôi lúc tôi thờ hồng học như một con thú dữ. Cuộc sống của tôi trở thành một cuộc vật lộn tuyệt vọng. Một lần, trong một cơn khát, tôi lấy có gì đó, ra khỏi lớp, nhay lên xe trạm về thẳng nhà và lao ngay vào phòng, bế xốc vợ lên giường như bế một đứa trẻ. Chỉ sau khi thoả nguyện, tôi mới nhớ đến chào cha mẹ.

Cha tôi không hề nói một lời, nhưng chuyện ấy làm cho tôi vô cùng xấu hổ và ân hận, tự hứa sẽ không bao giờ lặp lại.

Bước ngoặt trong cuộc đời tôi xảy ra năm tôi mười tám tuổi. Tôi vừa nhận bằng tốt nghiệp trung học thì cha tôi ốm nặng. Tôi về đến nhà thì ông đã được đưa vào nhà thương thị trấn. Cả gia đình ngồi ngoài phòng đợi, trừ vợ tôi lúc đó có thai đã được bảy tháng. Mọi người oà khóc khiến tôi cũng không cầm được nước mắt. Sau khi mặc chiếc áo blu trắng, tôi được dẫn vào một căn phòng hẹp tường đã long lở hết sơn thay cho ông cậu đang ngồi túc trực bệnh giường bệnh. Nhà thương thừa ấy rất nghèo nàn. Cha tôi nằm bất động, khuôn mặt gầy trắng bợt và cả bộ râu trắng thân thuộc đều gàn như lẩn vào tấm chăn vải trắng. "Cha ơi!" - tôi gọi thì thầm. Nước mắt ràn rụa, tôi khẽ nắm lấy tay ông, nhưng một chị hộ lý bước vào, nhắc tôi để yên cho ông nghỉ. "Anh là con trai trưởng phải không. Mấy hôm nay cụ chỉ nhắc tên anh..." Tôi quay phắt và bàng hoàng cả người. Trong thoáng chốc, tôi thấy nàng đang đứng trước mặt, hoàn toàn khỏa thân. Phải một lúc lâu sau tôi mới ra khỏi cơn mộng mị.

Đêm hôm đó gia đình tôi ở lại nhà thương. Chúng tôi phân công nhau, phụ nữ ở ngoài, còn nam giới mỗi người trực bên cha tôi hai tiếng. Phiên trực của tôi bắt đầu lúc nửa đêm. Đó là một đêm nóng bức khác thường. Không khí ngột ngạt càng trở nên không chịu nổi bởi mùi ete và thuốc sát trùng. Cha tôi vẫn không tỉnh. Bác sĩ nói rằng ông có thể ra đi bất cứ lúc nào. Tôi ngồi xuống chiếc ghế đầu đầu giường và cố cầm tờ báo lên đọc. Nhưng giữa những dòng chữ lung linh mờ ảo, tôi không thể nhìn thấy gì hình ảnh nàng trần truồng trên chiếc đi văng tôi vẫn bế nàng lên. Trong thâm tâm tôi vẫn có một mặc cảm khi nghĩ về nàng. Tôi thấy mình có lỗi, bởi thực ra tôi không sao nhớ được khuôn mặt nàng. Rất nhiều lần tôi cố gắng hình dung, nhưng chỉ thấy âm hộ nàng hiện ra giữa cặp đùi dài. Từ dưới cái bụng căng tròn xanh tái của nàng, con mắt lớn ấy, con

mắt với đôi mi dày mỏng ướt và dịu dàng ấy, với khoảng tối mỏng mịn mờ mờ từ dưới đám rêu xanh khiến tôi lên cơn sốt, thực ra đã nhìn thấu tâm can tôi.

Vừa hết phiên trực, tôi lao ra khỏi phòng. Giữa đêm khuya tôi chạy về nhà, giật tung phòng ngủ và lao vào một trận cuồng hoan. Tôi không thể nhớ được gì trong cái đêm tội lỗi ấy ngoài tiếng rên rỉ của vợ và tiếng đấm cửa vọng đến từ đâu đó xa xăm. Khi tôi mở ra thì trời đã gần sáng. Sự im lặng kỳ lạ khiến tôi chột dạ, vội và trở lại nhà thương. Những tiếng khóc xé lòng vang dậy khi tôi chạy vào cổng. Cha tôi đã tắt thở.

Không gì có thể diễn tả được nỗi đau đớn và ân hận của tôi lúc đó. Nhưng nỗi đau của tôi còn nhân lên khi hôm sau vợ tôi bị sảy thai. Những tai biến phẫu thuật khiến nàng không bao giờ còn có con được nữa. Năm sau, rời nhà ra đi, tôi nói với vợ một câu mà lúc đó chính tôi cũng chưa hiểu hết: "Em ạ, còn bao nhiêu là đau khổ trên đời, chúng mình thật là tội lỗi".

Thấm thoát đã năm chục năm trôi qua, vợ tôi cũng đã mất hơn chục năm rồi. Tất nhiên không thể nói rằng vì nó mà tôi ra đi, nhưng quả thực trong suốt đời tôi đó là một nỗi ám ảnh. Lúc này nói ra được, lòng tôi cũng vội được phần nào. Tôi vô cùng cảm ơn vợ tôi, cả quãng đời còn lại cô ấy là niềm tin lớn nhất của tôi. Lúc này, ở cõi vĩnh hằng, cầu xin vong linh cha tha thứ cho con.

Chiếc cầu nối hai bờ thế giới

Thế giới này là cái sản phẩm ngoài ý muốn chẳng rõ của Chúa Trời, của các nhà triết học hay của các văn nghệ sĩ, nói cho công bằng, không phải lúc nào cũng què quặt hay bệnh hoạn. Lão không bao giờ nói thế. Lão thậm chí phản đối điều đó, và nếu cần còn có thể đưa ra nhiều ví dụ để phản bác.

Mụ vợ lão vẫn nói, tiền không quan trọng, quan trọng là số lượng tiền. Lão nói, con số không quan trọng, quan trọng là tính chất của chúng. Ở con người chẳng hạn. Khiếm khuyết nói sau, rõ ràng loài sinh vật này có khá nhiều điểm hợp lý: họ có một đôi mắt, một đôi tay, một đôi chân. Chẳng cần tranh cãi, chỉ cần hình dung những con người có một hoặc ba mắt, một hoặc ba tay!...

Ở loài vật cũng vậy. Chim có đôi cánh. Mọi con mèo không riêng con Mướp xấu số đều có hai đôi chân. Cua có bốn đôi chân, còn rết thì... Về rết, thú thật là lão không rành lắm, nhưng như lão đã nói, con số không phải là điều quan trọng.

Quan trọng là tính chất của nó. "Đôi ta như đũa có đôi" - Bà ngoại lão hỏi trước vẫn thường hát như vậy. Bà bảo chim muông cũng chẳng khác con người. Những người già nói gì cũng đúng, có lẽ vì họ ít ngủ, ít ngủ nên nghĩ nhiều, nghĩ nhiều thì chín. Nhưng cũng có thể đơn giản vì người già thì không còn có thể nói theo ý người đương thời được nữa.

Lão nảy ra ý nghĩ ấy trong những đêm lênh đênh trên sông nước và đã mất ngủ rất nhiều. Không ai hiểu dòng sông hơn những người thủy thủ. Về dòng sông, lão nói, dòng sông cũng là một điều hợp lý. Hãy thử tưởng tượng, dòng sông chỉ có một bờ!...

*

"Dù sao thì trái đất cũng lở quay rồi" - Tibet Léo Newman chỉ là một thằng điên không hơn không kém, nhưng trong trường hợp này thì ông ta có lý.

Trái đất đã lở quay này hoàn toàn không thể coi là hoàn thiện.

Chứ không ư ? Thử hỏi tại sao lại cứ phải có lúc mưa lúc nắng, rồi lại núi lửa, bão lụt, rồi thì còn cả El Nino với Đại hồng thủy ? Thử hỏi, những sinh vật đáng yêu như con Mướp, với đôi chân mềm, đôi mắt ướt và tiếng kêu mướt như nhung, lại phải chết ?

Mụ vợ lão không bao giờ có thể hiểu được điều đó, cả trước và sau khi mụ bỏ con dao rựa oan nghiệt vào cái đóm trắng trên trán con Mướp. Lúc đó lão đang cúi rạp người cạnh đó, đang nghĩ về những dòng sông.

"Con người là sinh vật hoàn thiện nhất, một kiệt tác của Tạo Hoá" - Mụ lải nhải như thế, giọng của mấy gã giáo sư đại học nửa mùa chuyên phân loại gà Tây, gà Ta, gà Đông Cảo, gà Lơ Go và gà mái.

Hoàn thiện ? Thử hỏi có giống nào giết nhau nhiều hơn giống người ? Có giống nào ngu xuẩn đến mức tưởng rằng hạnh phúc là những khối sắt thờ hồng học, hay những trại giam lỏng bằng bê tông cốt thép ?

Và chẳng cần xa xôi, cứ lấy ngay cái thân thể hoàn thiện của mụ ra mà xét. Tại sao cái khoản ấy phải "chành ra ba góc" mà không phải là đôi góc ? Và tại sao cái ấy chỉ có một mà không thể có được đủ đôi, như đôi tay đôi mắt chẳng hạn ?

*

Gần chục năm rồi mụ ta sống ở tầng dưới, trong cái thế giới hoàn mỹ đã ó vàng và sứt mẻ của mụ. Lão không hề đuổi mụ, và chắc chắn có đuổi thì cũng không thể đuổi được. Thực chất thì chính là cái chết của con Mướp, hoặc đúng hơn hồn ma của nó, đã làm điều đó. Mụ chạy xuống cầu thang, cái cầu thang què quặt, chạy xuống để rồi không bao giờ chạy lên nữa. Lão nghe tiếng mụ hét: "Trời ơi oan nghiệt, tôi nhầm, đáng lẽ tôi phải chém vào củ chuối ."

Củ chuối dĩ nhiên là cái đầu lão.

Thế giới của lão ở lại tầng hai, dĩ nhiên cũng ó vàng và sứt mẻ như thế giới của mụ. Nhưng bản chất vấn đề thì khác hẳn. Tibet Léon Newman nói rằng cái khác của thế giới là do cái khác của những cách thức chúng ta cảm nhận thế giới, là do cái khác của những cách thức chúng ta cảm nhận thế giới mà ra. Mụ vợ lão tưởng rằng thế giới của mụ là hoàn thiện, còn lão, lão biết rằng cả thế giới của mụ lẫn lão đều méo mó.

Hai thế giới nối với nhau, nhưng thực chất là cách nhau bởi chiếc cầu thang què quặt lão vừa nói ở trên. Què quặt là do điều đó không đơn thuần vì nó không có lan can, vôi vữa tróc lở, mà vì bản chất của nó là què quặt. Lão biết rõ điều đó. Đã gần ba ngàn sáu trăm ngày, mỗi ngày đôi bận lão xuống rồi lên những bậc thang xây bằng gạch non lồm xuống như lòng thuyền. Mùa mưa nước đọng đầy những lòng thuyền và lão thấy khuôn mặt nhăn nheo của mình lẫn giữa bông bành mây trắng. Có tất cả mười đôi rươi khuôn mặt nhăn nheo như thế. Ngày nào lão cũng đếm và ngày nào lão cũng nhận được những con số không đổi ấy. (Lão tin chắc rằng không phải ai cũng biết cầu thang nhà mình có bao nhiêu bậc.)

Tại sao lại là mười ba đôi rươi ? Tại sao không phải là mười hay mười một đôi ? Đó rõ ràng là một ví dụ khác về sự què quặt. Liệu có khi nào sự què quặt ấy thay đổi được không ? Nếu có, thế giới này sẽ bớt què quặt đi một chút, cũng tức là hoàn thiện hơn một chút. Điều đó có nghĩa là đến một ngày nào đó sẽ có một đôi mặt trời, một đôi mặt trăng, và biết đâu có cả một đôi cái thằng là lão này nữa. Dù sao cũng là người biết chờ đợi, lão nói bởi lão đã từng là thủy thủ. Muốn biết chờ đợi phải biết phán đoán. Rất nhiều người nói rằng biển chỉ có một đôi bờ. Lão nói với họ: Cứ đi rồi biết, nhưng chẳng có ai đi cả, vì thế chẳng ai biết rằng biển cả cũng chỉ là một

dòng sông lớn, cũng phải có hai bờ. Vấn đề là phải biết chờ cho đến khi tàu cập bến. Lão chợt nhớ đến chuyện đếm trứng của Enten. Gã dở hơi, chỉ biết đếm đôi, có một đôi gà mái đẻ và hàng ngày ra đếm trứng. Nếu số trứng chẵn gã hài lòng. Nếu lẻ gã cho rằng bị mất trộm và suốt ngày chửi tên trộm vô hình. Hôm sau số trứng lại chẵn, gã cười khà khà: Tên vô lại không chịu đựng nổi những lời độc địa đã phải đem trứng trả lại. Dân phố huyện, nghe lão kể chuyện này, chắc chắn chẳng có ai rút ra bài học nào bổ ích. Họ phá lên cười. Lão hỏi họ: "Các ông có bao giờ nghe nói đến đường xoáy tròn ốc của Gót không?" Họ càng cười. Chắc họ cho rằng lão cũng dở người như gã đếm trứng trong truyện của Enten. Dĩ nhiên lão chẳng phí công tranh luận với họ, vì có tranh luận cũng vô ích mà thôi. Tàu có đi thì mới tới bến, còn họ, không đi thì sẽ chẳng bao giờ biết rằng biển cũng có đôi bờ.

Không tranh luận nhưng lão chờ đợi. Chỉ những người nắm được quy luật mới biết chờ đợi. Lão đã nói ngay từ đầu, con số không quan trọng, quan trọng là tính chất của nó. Chuyện chẵn lẻ cần phải được hiểu như một thứ biểu tượng: Cái tốt và cái xấu, cái hoàn thiện và cái què quặt không ngừng thay đổi nhau, dường như phủ nhận nhau, nhưng lại kế tục nhau. Số trứng tăng lên, sự vật cũng cao dần như thế.

Nhưng thế nào là tốt, thế nào là xấu? Trong chuyện đếm trứng hoặc đếm bậc cầu thang, câu trả lời không khó lắm, tuy nhiên có những trường hợp khác phức tạp hơn nhiều. Từ trên cao lão nhìn thấy mộ vợ mang chiếc gàu tôn rúm ró đi ra. Cái giếng ngày xưa hai đứa cùng đào, sau khi trồng một vườn mít, nay là cái duy nhất chung của hai thế giới. Vườn mít sum sê đến mức từ trên cao lão không nhìn thấy cái giếng. Nhưng lão vẫn thấy mộ vợ lão thấp thoáng, liêu xiêu cũng mỏng manh như một chiếc lá. Mộ đã thấp xuống, đã teo đi, có lẽ chỉ còn một nửa. Nhìn mộ chính lão cũng phải băn khoăn: Liệu hai thế giới có tốt hơn một thế giới không?

Liệu hai thế giới có tốt hơn một thế giới không?

Lão nhìn mộ, nhìn mãi, nhìn mãi, và, thật kinh ngạc, trước mặt lão mộ teo nhỏ hẳn, biến thành một trong vô số những chiếc lá xanh vàng lẫn lộn vung vãi trên sân.

Vĩnh biệt đảo hoang

Tiếng hú mơ hồ làm nàng choàng dậy. Trong hang nhập nhoạng tối. Trên phiến đá, ngọn đèn mờ cá đang cháy tí tách và bốc lên mùi khen khét dễ chịu. ánh sáng vàng vọt của nó yếu ớt, chỉ đủ hắt lên những giọt nước bám trên vách hang đen nhầy, khiến chúng trở nên óng ánh và linh động, gợi nhớ đến những giọt mồ hôi lấm tấm trên tảng vai vạm vỡ để trần. Đôi mắt nàng rực sáng như lân tinh và ráo hoảnh. Chúng không bao giờ ngủ, kể cả khi nàng ngủ, bởi vì nàng ngủ mà rất thính - cách ngủ theo bản năng tự vệ của tổ tiên loài người mà nền văn minh đã xóa mất từ lâu.

Nàng động tai nghe và rất đỗi ngạc nhiên nghe tiếng hú của cha mình. Tiếng hú là phương tiện giao tiếp của hai cha con, vì thế nàng hiểu từng sắc thái của nó chẳng khác gì chúng ta hiểu các ngôn từ. Nhưng chưa bao giờ nàng nghe cha hú gọi mình như thế. Trên cái nền là tiếng rì rầm của sóng, tiếng ù ù của gió, tiếng tí tách của ngọn đèn và cả tiếng trái tim nàng đang đập dồn thình thịch, những tiếng hú vang lên gấp gáp, lo âu nhưng lại run rẩy một nỗi vui mừng khôn xiết. Đó không phải là tiếng hú dài, trầm đục, ông vẫn thường ngày gọi nàng đi bắt cá, không phải những âm thanh thông thả như bước chân trên cát giục đi nhặt trứng rùa, cũng không phải những hồi réo rất gọi đi gửi nước ngọt. Nó làm nàng nhớ lại một lần, lâu lắm rồi, khi nàng còn nhỏ, cha nàng đã hú gọi nàng đi cứu một chú cá voi con mắc cạn. Phải, bây giờ tiếng hú của ông cũng đầy lo âu và run rẩy yêu thương. Hay là lại có một chú cá voi mắc cạn nữa chẳng? - Nàng tự hỏi nhưng lại lắc đầu. Không phải, tiếng hú lần này nghe lạ lắm. Nàng nhận thấy qua những

âm thanh ấy nổi xúc động mãnh liệt của cha và linh cảm rằng trong cuộc sống của cha con nàng đang xảy ra một điều gì đó vô cùng lớn lao, vô cùng mới mẻ.

Nàng với trên vách hang một chiếc áo rét tự tạo hình thù kì dị. Đó là một tấm da cá đã được sấy và hun khói, bên trong dùng keo rong biển dán lót một lớp rêu khô, mềm và ấm. Nàng chui đầu qua cái lỗ lớn khoét làm cổ áo, buộc sợi dây da ngang bụng rồi lao rút ra cửa hang, thân hình trẻ trung uyển chuyển như một con cá nhồng hoa. Cơn đồng tổ đēm qua đường như càng làm cho mùa đông thêm khắc nghiệt. Bầu trời cau có càng thấp hơn với những đám mây xám xịt nặng như chì. Mặt biển cũng xám xịt, căng đầy và sôi sục. Những đợt sóng ngẫu bọt sầm sập dồn tới, xô vào bãi cát ẩm ướt, đây đó ngổn ngang những vỏ sò và đủ loại rác rưởi đại dương. Nàng thoăn thoắt nhảy qua những tảng đá màu gan cá, hướng về phía tiếng hú, nơi mặt trời đang nhô lên sau lớp mây dày, trông như một quầng sáng nhợt nhạt.

Những tia nắng hiếm hoi ửng hồng lên trên khuôn mặt và bờ vai rám nắng lộ ra nơi cổ áo. Gió lạnh hun hút thổi làm làn tóc rối tung bay. Vượt qua mỏm đá phát phơ dăm ba chòm cỏ dại đã chết khô, nàng đứng sững lại vì kinh ngạc. Trên bãi cát, triều rút vừa phơi ra một chiếc xuống hình cá heo, màu đen thẫm (nhưng nàng không biết, bởi chưa nhìn thấy bao giờ). Bên cạnh chiếc xuống, cha nàng đang quỳ gối, dùng đôi tay to lớn, xương xẩu của mình xoa bóp cho một người lạ mặc chiếc quần đen rách đến gối và chiếc áo vẫn cũng rách tả tơi. Người lạ nằm bất động, đôi mắt nhắm nghiền như đã chết, mặt ông ta tóp lại, râu quai nón lờm chờm và da trắng bọt vì ngâm nước lâu ngày.

- Ú... u... - Nàng kêu lên, không còn tin ở mắt mình. Lại có thêm một cha nữa sao? Ông ta ở đâu ra vậy?

Cha nàng ngẩng lên và trở tay ra biển, phía mặt trời mọc, để trả lời tiếng hú của nàng. Nàng nhìn theo tay ông nhưng chẳng thấy gì, chẳng hiểu gì. Bấy lâu nay thế giới của nàng chỉ là một hòn đảo nhỏ chơi vơi giữa bốn bề sóng gió. Đảo trần trụi, chỉ có rêu với vài loại cỏ dại nảy mầm, xanh tốt và đơm hoa trong mấy tháng mùa xuân. Nàng không hề biết (và cũng chẳng cần gì phải biết) rằng có những nơi khác đẹp hơn với trăm ngàn cây cỏ tốt tươi. Xung quanh nàng là đại dương vô tận và đối với nàng cũng là một sinh vật biết thờ hít, biết yêu thương và căm giận. Đại dương tính tình hay thay đổi, lúc dữ dội, khi hiền từ, nhưng giàu có và hào phóng, ban cho nàng thức ăn, ru cho nàng ngủ, tắm hồng thân thể, tắm hồng cả cuộc đời nàng. Bạn bè của nàng là những đàn cá tung tăng vô tư lự, những con rùa cần mẫn, những đàn chim nhiều không kể xiết từ chân trời xa bay về cùng với mùa xuân, đậu đầy trên các mỏm đá, cất tiếng kêu vang động và khoan khoái giữ những đôi cánh mỏng manh đã rã rời sau chặng đường xa... Loài người đối với nàng chỉ gồm có nàng và cha nàng. Thực ra, ngay cả khái niệm "cha" ở nàng cũng không giống cách hiểu của chúng ta. Khái niệm ấy tự hình thành trong trí óc nàng từ lúc nào chính nàng cũng không hề biết. Khi lần đầu tiên mở mắt và cảm nhận cái chói lọi của thế giới, nàng đã thấy mình trong một đôi tay thô ráp. Đôi bàn tay ấy đã bón cho nàng ăn, vuốt ve và đùa rờn để làm nàng cười lên khảnh khách rồi ngủ thiếp đi trong những âm thanh ngọt ngào. Thứ ngôn ngữ méo mó nhưng triu mến ấy đã tưới mát tuổi thơ nàng chẳng khác gì tiếng mẹ ru ngọt ngào tưới mát tuổi thơ của mỗi chúng ta. Cũng có lúc đôi bàn tay ấy chẳng có gì để bón cho nàng và nàng mút những ngón tay xù xì, đen đúa cho dịu đi cơn đói cồn cào. Đôi lần, trong giấc mơ, có những giọt nước mắt nóng hổi rơi xuống mặt nàng. Nàng tỉnh dậy và nhìn thấy những giọt nước ứa ra từ một đôi mắt buồn nhưng kiêu hãnh. Khi đó, cũng như khi chập chững những bước đầu tiên nhờ sự nâng đỡ của đôi bàn tay ấy, và cả sau này nữa, khi đã lớn, lon ton theo ông đi nhặt trứng rùa, bắt cá, gửi nước ngọt bằng bao da cá hay cất cỏ làm chất đốt dự trữ cho mùa đông rét mướt, chưa bao giờ nàng gọi ông bằng một từ nào cụ thể. Đối với nàng, ông là một sinh vật gần gũi, khoẻ mạnh, và tài giỏi. Nàng đã quen được ông yêu thương, dạy bảo và che chở. Nàng gắn bó với ông bằng một tình cảm đặc biệt, còn hơn cả máu thịt, dường như ông chính là một phần của cuộc đời nàng.

Chưa bao giờ nàng tự hỏi về mình, chưa bao giờ nàng biết rằng mình có mẹ. Cha nàng không hề nói cho nàng - ông không nói được. Một vết sẹo khủng khiếp cắt ngang lưỡi ông đã tước mất của ông (và của nàng) cái khả năng kì diệu ấy, nó cũng khép luôn bức màn bí mật về cuộc đời ông. Ông là ai? Một tên tướng cướp bị cầm tù? Một người anh hùng lâm nạn? Hay một kẻ cuồng tín

muốn cứu rỗi linh hồn bằng cách đoạ đầy thân thể? Những ai còn hiểu tục lệ của thổ dân Sơn Hạ có thể đoán ra Nếu trông thấy vết sẹo hình chữ “X” phồng rộp trên vàng trán to bè đầy những vết nhăn của ông.

Thổ dân ở đó đến nay vẫn còn sống trong tình trạng mê muội, họ thành từng bộ lạc dưới quyền cai quản khắc nghiệt của những tù trưởng được coi như thánh sống. Con cái của các tù trưởng cũng được coi như thần thánh. Dĩ nhiên thần thánh chỉ có thể kết duyên với thần thánh mà thôi. Tuy vậy thỉnh thoảng cũng xảy ra những hành vi phạm thượng: có những con quý nhập vào bọn thợ săn, thợ rèn hay đám dân đánh cá. Chúng dùng bùa ma mê hoặc các vị thánh con, khiến họ say mê chúng, thậm chí có con với chúng. Trong những trường hợp ấy người ta lòng bất kể bị quỷ ám, tức là cái lốt của con quỷ, dùng con dấu bằng sắt nung đóng lên trán một chữ “X” - chữ viết tắt một từ thổ ngữ, nghĩa là con quỷ - sau đó cắt lưởi rồi đầy ra đảo hoang cùng đứa con tội lỗi và một ít đồ dùng. Những ông già thổ dân vuốt bộ râu trắng như cước, giải thích bằng những từ ấy đã từ lâu chẳng còn ai dùng, rằng cách ấy tốt hơn là đem hành hình, vì nó sẽ làm gương cho những con quỷ khác. Các hòn đảo được chọn với mục đích ấy không được có cây cối - để quỷ không thể đóng thuyền vượt biển. Tuy nhiên việc đề phòng như vậy là thừa. Những kẻ bị quỷ ám đều tự nguyện ở lại nơi đây ai suốt đời, một phần vì họ ý thức được tội lỗi của mình, phần khác họ chẳng biết đi đâu - khắp nơi quỷ đều bị người ta xua đuổi.

Nếu sự phỏng đoán ấy mà đúng thì cha con nàng chính là hai con quỷ. Có điều nàng không hề hay biết, không nghi ngờ về chuyện đó, vẫn sống hồn nhiên, hoà sự sống của mình vào sự sống của hòn đảo. Bằng một sợi dây vô hình nhưng bền chặt, nàng gắn bó với thế giới xung quanh và mơ hồ cảm thấy sức mạnh kì diệu của nó, quy luật vĩnh hằng của nó tàng ẩn đâu đó sâu xa trong chính bản thân nàng.

Sức mạnh ấy, quy luật ấy là gì, nàng chưa hiểu, chưa nắm bắt được, nhưng càng ngày càng cảm thấy rõ hơn là nó đang chực quậy, đang chảy trong huyết quản, đang lớn lên và sinh sôi nảy nở trong tâm hồn nàng. Có lúc nàng dừng lại trên bãi biển, tay vẫn cầm quả trứng rùa, mắt nhìn ra xa, xa mãi, ngược những con sóng bạc đầu đến tận chân trời, nơi trời biển gặp nhau, và tự hỏi: “Có phải ở nơi ấy không?”

Có phải nơi ấy không?

Đôi chân đưa nàng men theo bờ cát. Sóng xô vào rồi lại tản ra. Câu trả lời cũng giống như con sóng, dường như đang chơi một trò chơi ú tim kì lạ trong tâm trí nàng.

Cho đến một hôm, nàng xách ống ra sau hang lấy nước. Tiếng chim hót vui vẻ, lạ lẫm làm nàng ngạc nhiên dừng lại. Ô kìa, mùa xuân đến tự khi nào. nắng đang rộn ràng trên những ngọn cỏ non xanh mướt, trên những nụ hoa nhỏ xíu rung rinh và trên cả những ngọn sóng trắng muốt như sương sớm. Nước biển trong vắt. Cá từng đôi, từng đôi đùa rờn, chốc chốc lại tung mình lên khỏi mặt nước, phơi những vảy vàng lóng lánh, những cườm vây ửng hồng vào độ ái ân. Nàng đặt ống nước xuống cỏ, chợt thấy lòng xao xuyến, tim đập rộn rã và hai má ửng hồng. Một giai điệu vui vẻ đâu đây làm nàng mỉm cười, một hương thơm dịu dàng khiến nàng ngây ngất. Nàng ngã vật ra bãi cỏ, dang chân tay nhìn lên bầu trời xanh cao vút và mặt trời chói lọi. Một đôi chim mê mãi rơi cả xuống chân nàng. Đột nhiên nàng vùng dậy, nâng ống nước lên và chạy như bay về hang. Cha nàng đánh rơi con dao nhỏ, thứ báu vật mà ông hết sức nâng niu và chỉ đem ra mài mỗi năm một lần vào độ đầu xuân. Khuôn mặt rạng rỡ, đôi mắt long lanh và nụ cười khao khát trên môi đang hướng về ông với vẻ đẹp lộng lẫy và thanh khiết của bông hoa vừa hé nở khiến ông bàng hoàng. Ông hiểu điều gì đã đến với nàng. Nó đã từ lâu bắt ông không nguôi dần vật và sợ hãi, chỉ biết rằng không thể nào lẩn tránh. Ông cố quên đi, nhưng nỗi dần vật ấy cứ lớn dần cùng với thời gian, cùng thân thể và sắc đẹp của giọt máu mà ông yêu thương hơn chính bản thân mình. Và bây giờ, điều ấy cuối cùng đã đến. Nó hiện ra với sức sống cuồng say, rạo rực trong thân thể trẻ trung đang run rẩy trước mắt ông. Hơn nữa, ông cảm thấy nó ở ngay chính bản thân mình. Sắc đẹp của nàng hay mùa xuân sinh sôi đã truyền vào tim ông cái sức mạnh kì diệu kia, cái quy luật vĩnh hằng kia, để đến lượt mình, chúng lại đánh thức người đàn ông trong cái thân thể không còn trẻ trung ấy. Trong lòng ông băng khuâng những cảm xúc tưởng chừng đã lãng quên. Ngay cả lúc đó đầu óc ông vẫn hoàn toàn minh mẫn, mà một đầu óc minh mẫn chẳng

bao giờ cho phép con người phá vỡ sự ràng buộc của luân lí, nhất là sự ràng buộc hoàn toàn tự nguyện. Dĩ nhiên, trên hòn đảo hoang vu này chẳng có luân lí, cũng như chẳng có một thứ quy luật gì ràng buộc, một khi đã không có xã hội loài người. Nhưng những thứ luân lí và luật lệ ấy lại tồn tại trong con người ông, chúng đã hoà vào máu tim ông. Không, không bao giờ ông lại trở thành một kẻ loạn luân. Không một sức mạnh nào bắt ông bước xuống vũng bùn như bản ấy. Thế những khuôn mặt rạng rỡ kia, cặp mắt long lanh đăm đúi và đôi môi khao khát kia - chúng có quyền của chúng. Chúng đòi hỏi những quyền ấy và đâu có chịu trói buộc bởi những thứ luân lí đang trói buộc ông. Hai bàn tay thô kệch của ông run rẩy áp lên lồng ngực không còn vạm vỡ đang phập phồng trong cơn xúc động. Ông biết mình, biết rằng chẳng có sức mạnh nào thắng nổi ông, nhưng ông còn biết rằng vì tình thương ông sẽ làm tất cả. Và đó chính là điều khiến ông dẫn vật và sợ hãi.

Ông từ từ tiến gần nàng, đôi tay đặt lên vai nàng, còn trí não minh mẫn gầm thét rằng ông đang bước xuống bùn. Ông nghĩ gì lúc đó? Dĩ nhiên không thể nghĩ đến những bông sen đẹp nhất nở trên đồng bùn như. Nàng thấy đôi tay nóng bỏng mơn man, thiêu đốt da thịt mình, thấy hơi thở gấp gáp, nồng say và thấy mình bồng bềnh trên sóng. Cả vũ trụ bỗng chốc nhẹ tênh.

Đó là lúc nàng tìm được câu trả lời. Đó là lúc nàng nắm bắt được cái sức mạnh diệu kì, cái quy luật vĩnh hằng kia. Quan hệ giữa cha con nàng đã thay đổi hẳn và bản thân nàng cũng trải qua một bước ngoặt lớn lao. Nàng hân hoan khám phá ra cái bí mật lớn lao của cuộc sống, say sưa tận hưởng nó và tưởng như cả vũ trụ đã mở ra trọn vẹn trong tầm mắt mình. Chính vì thế mà nàng không thể hiểu được sự xuất hiện của người đàn ông lạ mặt kia. Những câu hỏi nối nhau liên tiếp trong tâm trí nàng khi hai cha con hì hục đưa người lạ mặt về hang. Họ đặt anh ta vào một ổ cỏ khô bên bếp lửa. Hơi ấm cùng việc xoa bóp đã tỏ ra hiệu nghiệm. Lát sau người lạ từ từ mở mắt. Nhưng anh ta còn yếu lắm, chẳng nhận biết được gì. Nàng đem đến cái bát đất nung dày cục mịch đựng canh cá nóng và chiếc thìa nhỏ bằng xương cá.

Bát canh làm người lạ tỉnh hẳn. Anh ta chớp chớp mắt và mấp máy môi, phát ra những âm thanh yếu ớt, lạ tai. Nàng chẳng hiểu gì cả, chỉ tròn mắt ngạc nhiên và ú ớ bằng thứ ngôn ngữ đặc biệt của mình. Cha nàng ghé tai nghe nhưng cũng không hiểu nốt - đó không phải là thứ tiếng thổ dân mà ông còn nhớ lõm bõm. Mãi sau họ mới đoán được ý muốn của người lạ và vòng tay đỡ anh ta ngồi dựa dựa lưng vào vách đá. Anh ta gật đầu cảm ơn bằng những tiếng ngọng nghịu (đối với cha con nàng anh ta cũng ngọng). Ba người ngọng cổ nói chuyện với nhau hồi lâu, nhưng càng nói càng không hiểu. Người lạ bèn dùng ngón tay vẽ những hình thù gì đó ngoằn ngoèo lên bàn tay cha nàng. Anh ta viết, có lẽ thế. Nhưng cả thứ chữ ấy cũng vô tích sự. Sự thất vọng đến kinh hoàng làm người lạ cố chồm dậy. Anh ta muốn vùng chạy nhưng vì yếu sức nên ngã vật xuống, nhắm nghiền mắt lại và thờ hờn hờn hồi lâu. Anh ta ngủ một giấc dài nhưng luôn mê sảng gần như liên tục hai ngày đêm. Cả lúc uống những thìa cháo cá từ tay nàng bốn anh ta vẫn ở trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh. Suốt thời gian ấy nàng ngồi chong chong bên người ốm.

Thật kì lạ, công việc ấy chẳng những không làm nàng mệt mỏi, mà trái lại nó chỉ khiến nàng thêm tỉnh táo và vui sướng. Thì ra ngoài nhu cầu được yêu thương thì yêu thương và chăm sóc cho đồng loại cũng là một thứ bản năng của sinh vật. Bản năng ấy đã khiến nàng say mê và tiếp thêm sức lực cho nàng. Còn cha nàng thì biến đi đâu đó suốt cả ngày, chỉ trở về hang khi trời đã tối, đem theo mấy con cá tươi hết sức hiếm hoi trong mùa đông rét mướt như thế này. Ông làm lúi mủ cá, cho vào chiếc nồi đất rồi bắc lên bếp lửa. ánh lửa chập chờn hắt lên khuôn mặt gầy và vàng trán to bè, soi rõ những vết nhăn chằng chịt và vết sẹo phồng rộp. Ông đã già - nàng ngạc nhiên tại sao lúc này nàng mới để ý đến điều đó, bất giác ngoảnh lại nhìn người lạ. Khả năng bình phục của anh ta thật kì diệu. Khuôn mặt tuy vẫn gầy nhưng không còn hốc hác, để lộ ra những nét trẻ trung mà cương nghị. Nàng nhìn đôi tay trần rần chắc của anh ta trên lồng ngực vạm vỡ và nhận thấy da dẻ anh ta đã có sắc hồng.

Người lạ mở mắt và chăm chú nhìn nàng. Cái nhìn mạnh mẽ và sâu thẳm, vẻ thất vọng hôm trước chẳng còn để lại dấu tích gì. Nàng cũng nhìn vào đôi mắt ấy và thích thú thấy mình nhỏ xíu đang khanh khách cười trong đó. Một cảm xúc mới lạ chợt ùa đến trong lòng nàng khiến tim nàng xao xuyến. Lúc ấy cha nàng đứng dậy. Chẳng có ai biết rằng mặt ông đầm đìa nước mắt - những

giọt nước mắt vui mừng và đau khổ ghen tuông. Sức khỏe của người lạ khá hẳn, không cần phải túc trực nữa, nhưng một sức hút huyền bí nào đó cứ chốc chốc lại kéo nàng đến bên đồng lửa. Có lẽ đó là do bản năng chăm lo cho đồng loại, cũng có lẽ đơn giản vì nàng muốn lại thấy mình trong đôi mắt kia. Có lúc nàng giật mình nhớ ra mình đã ngồi thừ hồi lâu nghĩ đến khuôn mặt gầy rảnh ròi và tấm thân cường tráng trẻ trung. Có lúc nàng nhận ra mình xách ống về hang mà vẫn chưa kín nước. Tiếng chim lại thánh thót trong lòng nàng, giai điệu vui tươi lại du dương bên tai nàng và hương thơm dịu dàng lại làm nàng ngây ngất. Nàng ngỡ mùa xuân đã trở về và chạy ra bãi biển. Nhưng không, mùa đông vẫn còn đang ngự trị với vẻ cau có của bầu trời xám xịt nặng như chì và mặt biển sôi réo, giạt dữ xô những đợt sóng ngẫu bọt vào bãi cát. Chẳng có bóng dáng một con chim, một con cá nào. Cỏ non chưa mọc. Hòn đảo im lìm, tro trọi với những tảng đá đen ngòm, bóng nhẫy như lưng hải cẩu.

Một mình trong hang, người thủy thủ vừa gượng dậy đã nghĩ ngay đến chiếc xuồng. Anh lao ra cửa hang, nhưng gió lạnh hắt anh trở lại. Trong ánh sáng mờ đục của ngọn đèn mỡ cá, anh tìm thấy trên tường mấy chiếc áo bằng da cá như của người đàn ông thường mặc, bèn khoác lên người. Chiếc áo dài đến đầu gối, khá ấm tuy có mùi khăm khắm khó chịu.

Gió mạnh nên anh không thể đi nhanh được. Vừa chệnh choạng trên những mô đá lờm chờm anh vừa đưa mắt nhìn lên sườn đảo với dãy núi thấp gù gù như lưng lạc đà. Về tro trọi, hoang vắng của hòn đảo giữa thiên nhiên dữ dội khiến lòng anh ghê sợ và rầu rĩ. Càng đi cảm giác ấy càng tăng lên và đôi lúc anh có cảm giác mình như sắp phát điên.

Hòn đảo quá nhỏ bé và chỉ lát sau anh đã đi hết một vòng quanh đảo. Và đúng vào lúc gần như tuyệt vọng thì anh bỗng trông thấy chiếc xuồng của mình trên một doi cát chạy dài ra biển. Anh băng tới, ngã khụy bên chiếc xuồng. Những chủ nhân của hòn đảo đã kéo nó lên bờ và lấp cát vào trong lòng nó. Làm như thế để khi trời đông tố cát sẽ thấm nước, kết thành một khối, giữ cho chiếc xuồng khỏi bị sóng biển cuốn đi.

Nước mắt giàn giụa, người thủy thủ cúi xuống hôn tới tấp lên chiếc xuồng.

Nó sẽ cứu anh, sẽ giúp anh trở về với đất liền và xã hội loài người. Anh hồi hả bới cát ra khỏi xuồng. Anh phải mau mau rời khỏi nơi này. Những chủ nhân của hòn đảo đã cứu sống anh, đã đối xử với anh rất tốt. Anh biết ơn họ, nhưng cuộc sống cầm tù ở đây đối với anh quả là một cơn ác mộng. Cuộc sống cô đơn và tột nguyên khủng khiếp của họ đè nặng lên trái tim anh. Anh thấy thương xót họ. Mặc dù không hiểu cảnh ngộ nào đã xô đẩy họ đến đây, nhưng anh linh cảm rằng họ là những con người cao thượng. Chỉ có những người cao thượng mới có cái nhìn kiêu hãnh mà anh bắt gặp trong đôi mắt mệt mỏi vì đau khổ của người đàn ông và đôi mắt ngây thơ trong sáng của cô gái. Vẻ đẹp thanh khiết của nàng khiến lòng anh xao xuyến ngay từ phút đầu thấy nàng, khi anh cảm nhận hơi thở, ánh mắt và hơi ấm những ngậm cháo nóng từ tay nàng bón. Thậm chí anh đã dám phạm thượng cả tới Thượng đế khi oán trách Người về những nỗi bất công mà Người đã bắt nàng phải chịu. Nhiều lúc anh băn khoăn về quan hệ giữa nàng với người đàn ông. Họ là hai vợ chồng hay hai cha con? Anh muốn hỏi (và chắc là có thể hỏi được bằng cách này hay cách khác) nhưng không dám, sợ lại chạm vào một vết thương nào đó vẫn còn nhức nhối trong trái tim ông. Một lần anh đã ra hiệu đề nghị họ cùng trở lại đất liền. Ông hiểu nhưng tối sầm mặt lại, lặng lẽ đứng dậy, bỏ đi. Điều gì giữ chân họ lại? Anh không dám hỏi nữa, nhưng anh, anh phải đi, chỉ cầu mong cho chiếc xuồng còn lành lặn.

Thật may mắn, chiếc xuồng không bị hư hại mấy - nó chỉ bị sóng lật úp rồi ném lên vào bờ.

Người thủy thủ bắt tay ngay vào việc sửa chữa chiếc xuồng. Hai cha con cũng xúm vào giúp anh, cho anh mượn rìu và dao, những đồ vật quý nhất trong gia tài của họ. Để củng cố mấy miếng ván bên mạn thuyền, người đàn ông cho anh một bộ xương cá đen như bồ hóng - đó là những chiếc đinh tuyệt vời. Ông còn tặng cho anh chiếc túi đựng nước ngọt bằng da cá và rất nhiều cá muối.

Việc ra đi phải đợi đến mùa xuân, khi thời tiết tốt, lúc đó còn có thể đem theo vô số trứng rùa.

Càng gần đến mùa xuân, thời gian càng như trôi chậm lại. Sáng nào người thủy thủ cũng dậy thật sớm, không khoác áo, chạy ra cửa hang, hy vọng gặp những luồng gió ấm. Nhưng mùa

đông vẫn ngoan cố, dai dẳng, trời vẫn xám đen, nặng trĩu, biển mỗi ngày một thêm sôi sục và gió vẫn không ngừng rên rỉ.

Cô gái cũng dậy sớm, cũng phấp phỏng chờ đợi. Nàng chưa có khái niệm về sự mất mát, chia li, nhưng bằng bản năng nàng linh cảm thấy nó như một điều gì khủng khiếp. Nàng chờ đợi điều đó, còn trong lòng nàng mùa xuân mỗi ngày một thêm rộn rã. Đôi mắt nàng nồng cháy đến nỗi người thủy thủ không dám nhìn vào đó.

- Không, mình không thể là con người phụ bạc! - Anh buột miệng kêu lên và cầu mong cho mùa xuân chóng đến.

Và mùa xuân cuối cùng đã đến. Những chủ nhân của hòn đảo tiến anh trên bãi cát, nơi họ đã cứu anh. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng anh ôm hôn những ân nhân của mình. Nước mắt đầm đìa, anh đẩy thuyền ra khỏi bãi. Cha nàng cũng khóc khi nắm tay nàng nhìn theo chiếc thuyền nhỏ nhoi đang mờ dần, mờ dần rồi biến mất phía chân trời.

Riêng cô gái không khóc. Đến tận lúc ấy nàng vẫn chưa có được ý niệm rõ rệt về sự chia li. Khi cha đã về hang, nàng vẫn đứng lại trên bãi biển. Xung quanh nàng tất cả đều quen thuộc. Mùa xuân đang rộn rã với tiếng chim thánh thót, nắng lung linh trên những ngọn cỏ non, trên những nụ hoa chúm chím và những ngọn sóng trắng muốt như sương. Cá từng đôi, từng đôi đùa giỡn và những con chim say đắm lại rơi xuống chân nàng. Nàng nhìn ra xa, xa mãi, ngược những con sóng bạc đầu, đến tận chân trời, nơi trời biển gặp nhau và chợt nghĩ rằng anh ấy đang nằm trong hang, trên đồng cỏ khô bên bếp lửa. Nàng bèn chạy như bay về hang và đứng sững trước đồng cỏ khô trơ trọi. Bếp lửa đã nguội tanh. Nàng chạm tay vào đồng cỏ, cảm thấy chúng như còn ấm hơi người, rồi đột nhiên lao ra bãi biển. Nàng chạy vào, chạy ra mãi như thế cho đến lúc mệt nhoài, ngã khụy xuống mép nước. Nàng nhắm mắt lại và bỗng lại thấy hiện lên đôi mắt kì lạ kia. Tim nàng như bốc lửa. Nàng vùng dậy, lao đảo chạy theo mép nước như đang trong cơn mê sảng. Nàng chẳng còn nghe thấy giai điệu vui tươi, chẳng còn cảm thấy hương thơm ngây ngất. Mùa xuân đã tắt trong lòng nàng. Đôi mắt kia đã đốt cháy đi tất cả.

Chiều buông xuống khi nàng thần thờ theo cha trở về hang. Nàng nằm xuống đồng cỏ khô quen thuộc, bên tấm thân quen thuộc, nhưng không còn nhận ra mình. Bàn tay thô ráp giá lạnh như băng, tấm thân khô nhăn nheo làm nàng ghê sợ.

Nàng vùng dậy, lao ra bãi biển.

Mặt trăng vừa nhô lên. Biển lóng lánh căng ngực ra chào đón.

Nàng lao mình xuống nước, bơi đi, bơi mãi đến không cùng.

Bảng chữ cái

Có lẽ tôi đã ngủ rất lâu trước khi bị lay dậy một cách dữ dội. Tôi cố nằm thêm, mặc dù đó không phải là thói quen của một người lính cũ. Thường thì tôi bật dậy ngay. Trước khi tôi vào lính, cha tôi, một đại tá từng trải ba cuộc chiến tranh, chỉ dặn mỗi một câu: "Hãy chồm dậy ngay tiếng còi báo động đầu tiên!". Lời dạy của ông tôi làm theo trong suốt thời gian tại ngũ và cả khi giải ngũ. Nhưng có những lúc ta không làm chủ được mình. Tôi thấy mình đau ê ẩm và phải một lúc khá lâu sau tôi mới chậm chậm mở mắt.

Đột nhiên tôi linh cảm thấy điều gì đó :

- Ai?

Một người đàn ông ngồi yên trên ghé từ bao giờ, ung dung như ông ta vẫn ngồi yên như thế từ lâu lắm, trên chiếc ghé đầu đã tróc sơn mà ngày trước cha tôi vẫn ngồi khi đàm đạo với tôi. Tay ông ta thu thu vật gì đó màu xám trên đầu gối. Tiếng quát thốt thanh của tôi cũng hoàn toàn không làm ông ta bối rối.

- Thế nào, tỉnh chưa? Xin lỗi vì đã đánh thức anh...

- Không, không có gì - tôi nói theo thói quen, mặc dù trong bụng vừa bực bội vừa đầy nghi ngại.

"Ai nhỉ" - Tôi tự hỏi và lúc đó mới nhận ra rằng mình đang ở trong thư viện. Tôi muốn nói cái thư viện cá nhân trên tầng xép với rất nhiều sách quý cha tôi để lại và tôi đã bỏ ra cả tháng trời để kiểm kê và sắp xếp. "Đó là một thư viện trật tự và chuyên nghiệp nhất Hà Nội" tôi vẫn hãnh diện tuyên bố với bạn bè như thế - Thú thực, đôi lúc tôi cũng nói vớ số lượng của nó lên với một niềm tin ngây thơ rằng con số sẽ chứng minh cho sự uyên bác của chủ.

Thực ra ông ta vào nhà tôi không phải là điều khó khăn. Nhà tôi luôn mở cửa và cũng không có hàng rào. Tôi căm ghét các loại hàng rào. Tôi từng sống với người Duomi và tôi đem về đây quan niệm sống cao thượng của họ. Trong ngôn ngữ của họ không có từ hàng rào. "Nhà tôi nhỏ nhưng không có hàng rào. Bạn hãy đến, rồi hãy đi, như gió". Tôi có câu thơ như thế. Hành lang giữa nhà tôi nằm theo hướng đông-tây, trừ một khoảng thời gian ngắn ngủi giữa trưa, ánh nắng có thể rọi vào chói lọi.

"Ai nhỉ?" Tôi lại tự hỏi và kín đáo liếc nhìn ông già trong lúc ra kéo rèm cửa sổ.

Mặt ông ta rất dài, gầy, tóc thưa thớt, râu bạc trắng, mặt mũi nhưng chẳng có vẻ gì là độc ác. Bộ *pijama* rất cũ, ó vàng, trông như may bằng những mảnh giấy xé ra từ một cuốn sách cũ.

Không gian hoàn toàn im ắng, bên ngoài trời tối đen như mực. Tôi ngược nhìn đồng hồ, nhưng nó đã chết từ bao giờ chẳng rõ.

Tôi quay lại, chưa kịp hỏi thì ông già đã nói:

- Anh mời tôi đến mới chuyện về bản thảo cuốn từ điển Việt-Bồ-La...

Ông ta nói và chia cái gói trên đầu gối. Thì ra đó là tập bản thảo. Ông lật trang bìa, lấy ra một lá thư.

Cả nét chữ lẫn chữ ký đúng là của tôi, nhưng tôi không sao đọc nổi. Sao mình lại viết một cái giấy mời cầu thả đến thế này nhỉ? Tôi cảm thấy ngỡ ngàng. Mình đã gửi thư này từ bao giờ? Và quyển từ điển Việt-Bồ-La nào? Một ý nghĩ hài hước thoáng trong đầu: "Chẳng lẽ ông ta là Alexandre de Rodes?".

Nhưng tôi trấn tĩnh được ngay.

-À, cháu nhớ rồi - Tôi nói dối - xin lỗi, cháu đang ngái ngủ. Bác uống trà nhé...

Tôi pha trà thật nhanh nhẹn, cố kéo dài thời gian. Ông già nói:

-Nhưng xin lỗi anh, hôm nay tôi muốn bàn chuyện khác, tuy cũng ít nhiều liên quan đến cuốn từ điển. Anh cho phép chứ? Tôi xin trình bày ngắn gọn...

- Vâng, xin mời bác...

- Thế này, liệu chúng ta có thể bỏ trình tự hiện nay của bảng chữ cái đi không?

- ?

- Anh biết rõ đấy, có rất nhiều điều tai hại, hay thậm chí nhiều tai họa, chỉ vì bảng chữ cái bắt đầu bằng chữ A.

- Cái gì? Thay đổi trật tự bảng chữ cái?

- Đúng thế.

- Nhưng bác đang làm từ điển cơ mà?

- Từ điển có bắt buộc phải bắt đầu từ chữ A hay không? Và, từ điển chỉ là chuyện nhỏ...

- Chắc bác muốn nói đến chuyện tranh cãi về chữ E trong sách " *Tiếng Việt* " lớp 1 chứ gì? - Tôi cắt lời - Thú thật với bác, cháu ón đến tận cổ chuyện chữ E chữ A ấy rồi.

Tôi đứng phất dậy xổ ra một tràng đầy phẫn uất:

- Các ông bà tham gia cuộc tranh cãi ấy hoàn toàn nhằm lẫn giữa trật tự của bảng chữ cái với việc dạy chữ nào trước. Dạy chữ E, D hay X trước thì có ảnh hưởng gì đến bảng chữ cái nào!

- Anh không hiểu ý tôi. Chính tôi cũng ón đến cổ cuộc cãi vã đó. Tôi muốn kiến nghị việc khác hẳn. Tôi muốn thay đổi trật tự bản chữ cái. Nói đúng hơn, tôi muốn có một bảng chữ cái dân chủ hơn.

Tôi hoàn toàn không hiểu ông ta nói gì.

- Thế này nhé - ông ta nói - Nếu trong một đất nước mà anh làm vua cứ làm vua mãi, anh đi cày cứ đi cày mãi, thì có thể gọi là dân chủ được hay không?

- Xin lỗi, cháu không muốn nói chuyện chính trị.

- Không, đây không phải là chuyện chính trị. Đây là vấn đề dân chủ của các con chữ.

- Lại còn vấn đề đó nữa!

- Chứ sao. Tại sao chúng ta cứ phải trói buộc sự vật vào một trật tự nào đó. Tại sao...

- Thôi được rồi - Tôi tìm cơ hoãn binh - Mời bác uống trà đã. Chuyện đâu có đó. Ông già vui vẻ đồng ý, hình như cũng định tìm cách nào đó giải thích rõ hơn. Trong lúc chúng tôi uống trà, tôi hết nhìn ông lại nhìn cái thư viện được sắp xếp ngăn nắp của mình.

- Thưa bác, bây giờ cháu xin hỏi. Nếu không sắp xếp theo trật tự ABC thì cuốn từ điển Việt-Bồ-La bác định làm thế nào?

- Làm thế nào đâu phải là điều khó. Làm thế nào là câu hỏi tiếp theo của câu hỏi làm gì. Vậy chúng ta làm gì? Chúng ta phải thay đổi trật tự bảng chữ cái, hay nói đúng hơn là không được giữ một trật tự cố định của bảng chữ cái. Điều đó vô cùng quan trọng nếu chúng ta ý thức được tác hại của việc cố định một trật tự của bảng chữ cái...

Một lần nữa tôi lại nhìn lên những giá sách. Chẳng hiểu tại sao lúc đó tôi bỗng nổi đóa.

- Nói thật với bác nhé, cháu không thấy có gì là tác hại trong việc bảng chữ cái có một trật tự xác định. Ngược lại là đằng khác. Không có nó thì làm sao có tất cả những thứ này? - Tôi chạy đến giá sách và lôi xuống cơ man nào là từ điển, bách khoa toàn thư, danh bạ điện thoại, danh sách hội đồng hương... - Làm sao, bác làm sao với tất cả những thứ này? Bác hãy gọi tên một tác giả đi, cháu sẽ lấy xuống trong chớp mắt!

Ông già ngừng lại, nhưng hoàn toàn không thất vọng. Đợi đến khi tôi ngừng, ông mới khẽ khàng:

- Anh ngồi xuống đi, tôi hỏi nhé. Anh ngày xưa đi tàu, có biết Tùng Quảng không?

Lúc đó tôi mới nhận ra sự bất nhã của mình, bèn ngược ngịu ngồi xuống.

- Bác người Tùng Quảng à?

- Không, tôi người Sơn Hạ nhưng tôi có một kỷ niệm ở đó, thời Cả Then, chắc anh không biết. Tôi có nghe nói nhiều đến tên Cả Then, nhưng chỉ biết đại khái ông là thủ lĩnh khởi nghĩa đánh Tây, bị bắt và giết một cách dã man. Nhưng những cái tên quen thuộc khiến chúng tôi trở nên thân tình hơn.

- Hồi đó tôi mới hai mươi bảy tuổi, - ông già nói - đang học trường Sư phạm, nhưng đã tấp tễnh viết văn, làm báo và ngay từ hồi đó đã viết dở cuốn từ điển Việt-Bồ-La này. Năm ấy, sau khi nghĩa quân Cả Then định dùng cỏ khô tẩm nhựa thông đốt tàu Tây bị lộ, Tây cho người lùng sục dữ lắm. Cả Then về sau cũng bị Tây bắt, đem treo cổ. Đêm hôm đó, chúng tôi vừa lên giường thì nghe ồn ào rồi lính tráng ở đâu ập đến, dựng dậy. Vừa bừng tỉnh thì những cái báng súng đã thúc vào lưng đau điếng kèm theo những tiếng quát nạt, sừng sộ. "Thằng Cả Then đâu? Thằng Cả Then đâu, khai ra không chết cả nút". Người ta trối cánh khuấy đám đàn ông lại, sắp thành hàng giữa sân, còn đám đàn bà thì đuối cả vào nhà bếp, khoá trái cửa. "Thằng Cả Then đâu?" - Họ dí đèn vào mặt từng người. Chúng tôi run như cây sậy, sợ đến vãi đá. Một anh sinh viên năm thứ nhất, chúng tôi gọi là dân "tò he", đứng cạnh khóc lóc, van lạy như mưa. Nhưng chúng tôi nào có biết mô tê gì mà khai. Đánh đập chửi bới một hồi, họ lôi chúng tôi vào nhà ăn, chỗ đám đàn bà đang chúi vào một góc vì sợ hãi. Trên chiếc bàn đặt đèn bão, cuộn dây thừng và khẩu súng trường lấp lánh lưỡi lê, một người đàn ông to lớn giọng khàn khàn tuyên bố đếm đến mười, nếu không khai chỗ ẩn náu của Cả Then thì sẽ lôi từng người ra chém, "xem gan chúng mày to đến đâu".

Những thời khắc sau đó căng thẳng và kéo dài như vô tận. Tim tôi đập thình thịch. Nhưng những tiếng đếm ngược khô khốc cuối cùng cũng chấm dứt. Người ta hạ lệnh đem danh sách cùng một thanh kiếm sáng loáng ra, đặt lên bàn cạnh khẩu súng và cuộn dây thừng. Người đầu tiên bị gọi tên là tôi. Chưa kịp định thần, tôi đã bị hai thanh niên lực lưỡng tóm chặt lấy tay, đẩy mạnh ra trước chiếc bàn đặt đèn bão.

Tôi muốn kêu nhưng cổ nghẹn lại. Nổi uất hận dâng lên trong ngực. Rồi một cảm giác mát lạnh lướt qua sau gáy rất nhanh trước đầu tôi rơi xuống đất và tiếng đám đàn bà rú lên.

Đúng lúc đó cả nhà ăn nhốn nháo. "Bắt được rồi, bắt được rồi". Hoá ra người ta đã bắt được Cả Then trốn trong hiệu đánh giày ở ngay đầu phố.

- Vậy tên bác là...

- "Cái tên không quan trọng...", anh có một câu thơ như vậy đúng không? Quan trọng là từ đó tôi đành bỏ dở cuốn từ điển...Nếu như tên tôi không bắt đầu bằng chữ A...
Chẳng người làm thơ nào không xúc động khi có người thuộc thơ mình.
- Vâng, bây giờ thì cháu hiểu rồi...
- Thì tôi cũng chỉ cần có thế. Thống nhất được với nhau rồi, chúng ta sẽ có cách.
- Vâng, đúng là không thể xem thường được
- Đúng thế, không thể xem thường được.
Ông già nói thế rồi đứng dậy.
- Dù sao thì cũng muộn rồi. Tôi để lại cuốn từ điển anh xem nhé. Lần sau ta sẽ bàn cụ thể.
Tôi đưa ông già xuống cầu thang. Ông đi rất nhanh.
- Anh khá lắm. Tuổi trẻ phải thế. Cũng như tôi ngày trước. "*Nhà tôi nhỏ nhưng không có hàng rào. Bạn hãy đến, rồi hãy đi, như gió*". Có phải thơ anh không nhỉ?
Chẳng người làm thơ nào không xúc động khi có người thuộc thơ mình.
Tôi mở cửa cho ông già và rùng mình vì lạnh. Mãi lúc đó tôi mới chợt nhớ rằng ông già đã chết.
"Không thể như thế được" - Tôi tự nhủ và chạy lên tầng mái.
Cuốn từ điển vẫn nằm đó nhưng đã cũ đến mức không còn đọc được chữ nào.
Trên bìa chỉ có một vết xám đen. Hình như là vết máu.

Ngôi sao trên đỉnh giác Mù Chang

Tặng anh Huỳnh

Cả làng Hoạch không một ai biết rằng đêm ấy thằng Hùng, con trai bà Hai Vách đã trở về. Lúc ấy gà vừa gáy canh tư.

Bà Hai Vách nhận ra tiếng bước chân thằng Hùng khi nó vừa tới chân đồi. Những bước chân bây giờ mạnh mẽ khiến đất đồi rung lên từng đợt nhưng vẫn láu ta láu tấu như xưa, hết như lúc nó mới tập đi chập chững trong tay bà.

Bà nhào dậy, vặn to ngọn đèn dầu hoả rồi lập cập ra mở cửa.

Đã bao đêm bà chờ đợi giây phút này, mặc dù bốn năm trước bà nhận giấy báo tử của nó. Bảy giờ cả xóm kéo sang chia buồn, an ủi. Với bản tính nhút nhát, bà không nói gì, chỉ cảm ơn mọi người, nhưng sau đó dứt khoát không nhận tiền tử tuất. Làm sao thằng Hùng của bà đã chết được cơ chứ. Nó còn trẻ lắm, khoẻ lắm, ai cũng khen là hiếu thảo. Nó sẽ trở về cho mà xem. Bà biết nó nhất định sẽ trở về.

Nó sẽ trở về để sớm bật dậy, vươn vai như một con gà trống chưa đủ lông cánh, xách hai thùng nước chạy một mạch từ dưới chân đồi lên. Nó cày giỏi, gặt giỏi, đường cày thẳng bằng mà ngọt. Buổi chiều nó vác búa đi đánh gốc bạch đàn làm củi và không bao giờ quên kiếm đoạn rễ chạy cho mẹ nhai trầu.

Chẳng hiểu sao bà lại tin rằng thằng Hùng sẽ trở về vào ban đêm. Vì thế ban đêm bà rất ít ngủ.

Bà thắp ngọn đèn dầu, để sẵn trên bàn thờ, dưới tám ảnh chồng. ở đây bao giờ cũng có một cặp bánh chưng. Thằng Hùng thích ăn đồ nếp. Hồi còn ở nhà có lần ngày Tết nó chén hết bay một chiếc bánh đại. Cái miệng nó nhai nhao nháy, trông mà phát thèm. Bà còn dành sẵn vại gạo nếp trong nhà. Lo là lo thằng bé về bất thần, chứ còn bà thì cần gì, vài lát sắn mèotrừ bữa cũng xong. Dầu, gạo nếp và đỗ xanh ngón hết phần lớn số tiền bán hoa quả trong vườn.

Bốn năm nay, bà Hai Vách không nhớ đã bao lần gói bánh chưng để thay cho cặp bánh cũ đã mốc meo trên bàn thờ.

Bốn năm nay ngọn đèn dầu chong chong thức đợi.

Nhà bà Hai Vách nằm trên đỉnh dốc Mù Chang. Dân trong vùng đã quen đêm đêm từ dưới chân dốc nhìn lên thấy ngôi sao nhỏ nhấp nháy cô đơn nhưng ấm áp. Người ta xót xa mà nói: "Tội nghiệp bà già. Anh ấy làm sao còn tở về được nữa!".

- Anh ấy làm sao còn trở về được nữa! – Chiều tối hôm đó dân làng lại nói với nhau như thế. Họ không thể ngờ được rằng niềm tin của bà mẹ già đã đúng.

Hùng hiện ra trước cửa. Thằng Hùng đây, thằng tí nhau của bà đây. Nó mặc bộ quân phục màu cỏ úa, ba lô trên vai, chiếc mũ có ngôi sao lấp lánh, cao quá, chững chạc quá, đúng như bà tưởng tượng.

Hai mẹ con ôm lấy nhau mà khóc thoả thê.

“Nó đã đói ngấu rồi còn gì!”. Bà Hai Vách bóc bánh rồi ngồi ngắm con ăn. Tổ cha nó, cái miệng nhoay nhoáy, trông mà phát thèm!

Lúc bấy giờ trời đã gần sáng, dân làng Hoạch đang ngon giấc. Đêm hôm đó cũng như mãi mãi sau này không ai biết rằng thằng Hùng đã trở về.

Hai mẹ con bà Hai Vách không bao giờ còn xa nhau nữa, ngôi sao nhỏ cũng thôi nhấp nháy đêm đêm trên đỉnh dốc Mù Chang.

Hôm sau dân làng đưa bà đi bằng một chiếc xe tang.

Lễ mai táng vừa xong thì trời đổ mưa. Dân làng ngạc nhiên: điều đó chứng tỏ họ vừa tiễn biệt một con người hạnh phúc.

HQ-441-24/07/1990

Đợi bạn

Tiếng chim gióng giả gọi nhớ mùi rơm khô xác, rồi chân trời bùng lên, hừng hực màu đỏ lửa. Một ngày mới đang đến, tôi biết, sẽ lộng gió và chói nắng.

Hình như nắng gió đã từng là niềm hân hoan đầu đó trong tiềm thức xa xôi, khi tôi còn bé dại, nằm trong lò rèn của cha nhìn ra khe cửa. Nhưng bây giờ tôi không chịu nổi, cả gió lẫn mặt trời. Chúng làm tôi mệt mỏi. Chắc chắn rồi tôi sẽ phải chốc chốc lại hoá thành bụi nước, bốc lên cao xanh, nghỉ lấy hơi giữa thình không vô tận. Tôi chỉ thích mặt trăng. Thứ ánh sáng dịu hiền khiến vạn vật lung linh huyền ảo. Những đêm trăng như thế chính là lúc tôi chập chờn phiêu du trong vũ trụ.

Thường ngày tôi trở về khi con đường mòn bắt đầu lấp lánh sáng lên trong nắng sớm. Thân xác tôi ở chân núi Đụn, dưới tảng đá đầu voi màu xám chì đã bị cỏ lau um tùm che lấp. Nói vậy kể cũng chưa đúng hẳn. Đôi chân đã cháy thành than dưới gầm xác xe tăng, còn cái đầu văng ra bờ suối. Nước lũ cuốn ra sông Cái cùng vô số cành cây bị pháo chặt, nó trôi, khi nổi, khi chìm, nhưng không ra đến biển. Nó mắc lại trên bãi bùn cửa Vẹm, giữa hai gốc sù, mỗi hốc mắt giờ có một con tôm sắt già trú ngụ.

Thân xác là nhà của tôi, một căn nhà tuyệt diệu, tuy không còn nguyên vẹn, nhưng yên tĩnh và vắng vẻ. Mấy tháng đầu chỉ có lũ quạ đói phát hiện ra. Chúng lăn xả vào chân tảng đá, đánh lộn nhau. Những tiếng kêu om sòm vọng vào vách núi. Nhưng làm sao lay chuyển được hòn đá nặng! Chúng đành hậm hực bỏ đi, nhường kho báu cho bầy giun đất. Thú thực, kiểu ăn nhí nhách của loài giun có làm tôi khó chịu. Cũng may, khi thấy chẳng còn gỡ gạc được gì thêm từ mấy mẫu xương, chúng cũng lũ lượt theo nhau cuốn gói.

Rồi mùa hạ ập xuống. Rồi cỏ mọc trùm lên.

Bây giờ thì sự lãng quên tuyệt đối hoạ hoàn lấm mới bị làm xao động bởi tiếng gáy của lũ gà rừng vô tư hoặc bước chân rón rén của một con thú lặc đàn.

Lãng quên – đó là niềm an ủi. Bạn bè cùng tiểu đội chẳng đứa nào được thế. Không thể nhận biết từng người, người ta đành gom xác họ, những mảnh thịt xương vung vãi, đem ghép với nhau hú hoạ, gói vào túi ni lông, chở về nghĩa địa ở ngoại ô thị trấn, chỗ dòng suối nhập vào sông Cái.

Những dòng chữ đỏ trên bia mộ, vàng mã, hoa tươi – với chúng tôi tất thảy đều vô nghĩa. Chúng tôi đâu có cần ăn mặc, tiêu pha. Chúng tôi không sợ bệnh tật, chết chóc, cũng như chẳng bao giờ ham muốn, hận thù. Cả quá khứ cũng không mây may làm chúng tôi xúc động.

Chúng tôi chỉ có một thói quen: Mỗi năm một lần về đâu tụ họp. Công sự đã hoá một cái vũng bèo ong nông choèn, thậm chí chặt chội với cả bầy nòng nọc. Cái xác xe tăng không còn ở đó. Hồi đầu năm, dân sắt vụn mò lên, cắt xẻ, đưa nó xuống tàu. Cùng với chút tro tàn từ đôi chân tôi, nó đang lên đường lên đênh sang Nhật.

Chúng tôi không hò hẹn, cũng chẳng có ngôn ngữ để chuyện trò. Những ai khẳng định rằng đã trông thấy chúng tôi, chẳng qua là bịa đặt. Chúng tôi như thời gian, làm gì có hình hài. Chúng tôi chỉ linh cảm thấy nhau, chín thặng, nghĩa là gần đủ mặt, chỉ trừ Hạo Lệnh. Nhớ cái đêm mưa gió, nó lướt thướt bò về, lưỡi cứng lại, không nói được, nhưng vẫn khư khư trong bụng củ chuối rừng. Thì ra nó sục đi tìm cái ăn, rồi dẫm phải mìn lá. Ôi, sự no đói khôn khổ. Sự no đói – mà có thời chính tôi cũng bị dày vò – rồi Hạo sẽ thấy, sẽ không còn dày vò nỗi nó.

Không, quá khứ không mây may làm tôi xúc động, mặc dù tôi cũng chẳng thể quên. Mười năm là ba ngàn sáu trăm ngày. Ba ngàn sáu trăm ngày con đường mòn đột nhiên rung chuyển. Chính là chiếc xe tăng ấy, nó hiện ra từ sau khúc ngoặt, cái bóng đen run rẩy trườn qua thung lũng. Bảy giờ nó đã từng gieo rắc niềm sợ hãi. Bảy giờ, những người lính lần đầu tiên nhận ra mình là con của đất, quỳ mọp xuống, cũng từng run như cái bóng đen kia.

Trái lựu đạn nóng bỏng trong tay, tôi bò trên đất ẩm – gánh nặng trách nhiệm, bản năng tự vệ hay lòng khao khát chiến công?... Cho đến khi cột lửa bùng lên chói lọi, giống hệt màu bình minh kia... Và tảng đá đầu voi ập xuống...

Những xác người ngã xuống, chồng lên nhau, lần lượt, như chuối đổ, trong ánh lửa bốc cao từ chiếc xe tăng, để rồi những lưỡi lê điên cuồng bổ xuống, xả ra từng mảnh.

Nhưng không có Hạo. Đất đã trùm lên, cứu nó.

Những đám lửa hầy còn leo lét, lần đầu tiên chúng tôi chập chờn quanh miệng chiến hào. Lần đầu tiên chúng tôi đợi Hạo.

Hạo cũng không quên. Mỗi năm một lần, chúng tôi nghe những bước chân tập bễnh của nó tiến lại từ sau khúc ngoặt, chỗ ngày nào hiện ra chiếc xe tăng. Ba lô nó đầy những đồ vàng mã: lựu đạn, quân phục, chín cái bi đồng... Nó vẫn nhận ra tảng đá đầu voi. Nó vừa đốt hương vừa khóc. Nước mắt quánh lại, toàn muối, rớt xuống cánh bèo ong.

Chiều muộn Hạo mới đi. Rừng đêm nuốt lấy bóng dáng đơn độc, nhỏ nhoi của nó. Hạo không biết rằng bạn bè đang đợi, những vẫn mong nó quên đi mà sống. Cả tiểu đội chỉ còn mình nó. Giá như tám huân chương có thể làm voi đi đôi chút nhọc nhằn!

Chúng tôi đã chờ mười năm. Chúng tôi sẽ chờ mười lăm năm, hai mươi năm nữa. Sự mong mỏi của thời gian và quên lãng. Sớm hay muộn, rồi Hạo sẽ trở về tiểu đội. Chẳng ai có thể sống mãi trên trần thế.

Bức tường cuối cùng

*Sợi dây xích vô hình
Như chuỗi ngày vô tận
Lũ chó săn có thể chạy tới chân trời.
N.T.L.*

I

Hắn đứng dé chân chèo, dòng mồ hôi đùng đục lẫn cát trên lưng ròng rọc chảy. Đôi mắt hắn từ bảy năm rồi đã hết nhìn thấy dòng mồ hôi đùng đục ấy. Nhưng bỗng hôm nay hắn lại nhìn thấy. Dưới nắng, dòng mồ hôi lấp lánh cầu vồng bảy sắc. Đôi tay sau ngàn ấy năm trời vẫn chưa hết mảnh dẻ. Kiểu tay học trò. Dù đã đen cháy. Dù vết sẹo hôm cứu thằng Lộ bị đổ cây giờ phồng lên, tím đỏ màu cà dái dê. Những lớp nhựa cây chồng lên nhau, loang lổ như bản đồ địa hình. Hắn nhìn những vết nhựa cây, mơ hồ nghĩ đến một thứ nhựa khác. Khô. Cứng. Đông lại trong mạch máu, trong tim hắn. Thứ nhựa không thể mô tả được, dù hắn cảm nhận rất rõ. Như người ta cảm nhận nỗi đau. Như người ta cảm nhận nỗi hận thù.

Nhưng đó không phải là hận thù, cũng không phải nỗi buồn hay tuyệt vọng. Có lẽ đó là sự vô cảm. Hắn nhìn, cũng như nhìn dòng mồ hôi trên cánh tay. Nhìn mà không thấy, nghe mà không hiểu. Đôi tay hắn đã trở thành một thứ công cụ, giống như chiếc rìu trên tay hắn. Chiếc rìu Thượng đười cá chép, thép xanh biếc.

Thật ra hắn đâu có lựa chọn. Hắn đâu có quyền lựa chọn. Cả chiếc rìu, cả chỗ nằm, cả cái bát men sứt miệng. Hắn đâu có lựa chọn để đến đây. Nói vắn tắt, hắn chẳng hề có quyền chọn bất kỳ thứ gì. Cái rìu là thứ may mắn. Điều may mắn duy nhất của hắn từ bảy năm nay.

Bảy năm, chính hắn cũng đã trở thành một thứ công cụ.

Như một thứ công cụ, hắn bỏ những nhát rìu ngắn, thành thực, chắc nịch. Đã có nhiều lần hắn chủ tâm đếm số nhát rìu. Lần nào cũng bỏ cuộc. Nếu hắn có đồng hồ, có lẽ hắn đã đếm số nhát rìu trong một giờ, rồi nhân lên. Nhưng hắn không có đồng hồ. Mà đầu óc hắn luôn có vấn đề. Hồi đầu hắn còn đau khổ, còn dằn vặt. Về sau hắn lại đâm đãng trí. Như lúc này...

Trên đầu, mặt trời hừng hực như đồ lửa.

Rừng huyết đàn lựa thưa, trải dài ven bãi cát.

Bãi cát chạy dài đến chân trời.

Bảy năm trước, người ta chở bọn hắn đến đây bằng một chiếc tàu gỗ ba buồm.

II

Nửa tháng trời lẫn lóc trong cái hầm tàu sặc sụa mùi thuốc trừ sâu, mùi rượu, mùi da súc vật lẫn với mùi thức ăn nôn tởm lợm. Cả bọn, không thằng nào không say sòng. Sau này nhớ lại, hắn còn thấy kinh hoàng. Hắn tin rằng ai chưa từng say sòng không thể hiểu hết thế nào là đau khổ. Nóc hầm tàu làm bằng sắt tây đã mọt rỉ toại tả, mỗi cú tàu lắc, rỉ sắt đổ xuống đầu như mưa rào. Bọn hắn trải chiếu ngay trên sàn gỗ nhớp nháp. Nhiều thằng nôn ngay ra sàn tàu. Hắn cũng nôn. Đầu tiên nôn thức ăn, rồi nôn ra mặt xanh mặt vàng, cuối cùng chỉ nôn khan. Nhưng rất lạ, khi đã nôn hết, khi toàn thân đã hoàn toàn rã rời, hắn bỗng thấy tỉnh táo. Lúc đó hắn vẫn còn nhiều dằn vặt lắm. Hắn nằm dựa lưng vào cái phao bọt biển, lòng ngổn ngang nhìn những thân thể người ngổn ngang. Trong bóng tối hầm tàu nhập nhoạng, trong tiếng rỉ sắt rào rào đổ xuống. Những người đồng cảnh với hắn kia, họ từ đâu đến? Vì lý do gì? Họ có biết họ sẽ đi đâu không? Hay cũng như hắn, họ bị dẫn lên tàu như những con cừu. Không, hắn không tin như thế. Hắn không biết điều gì đang xảy ra với hắn, nhưng hắn biết chắc chắn trường hợp của hắn là một sự nhầm lẫn. Sự nhầm lẫn từ đâu? Hắn không biết. Nhưng hắn tin chắc rồi người ta sẽ hiểu ra. Họ sẽ phải xin lỗi hắn. Người ta thậm chí sẽ phải bồi thường cho hắn. Nhưng những người kia, chẳng lẽ cũng lại là nhầm lẫn. Làm sao người ta có thể nhầm lẫn với chừng ấy con người?

Có thể cha hắn sẽ tìm ra manh mối. Có thể ông đã tìm ra manh mối? Người ta đã nói gì với ông? Hắn nhớ hôm cuối cùng gặp cha. Nói đúng hơn là lần cuối cùng trông thấy ông. Hắn đứng trong hàng rào, bên cạnh là người quản giáo. Qua những mắt lưới hình lục lăng, hắn nhìn thấy ông từ xa. Vừa đi ông vừa nhón nhác tìm. Chưa bao giờ hắn thấy ông như thế. Ông cuống quýt một phần vì ông chỉ có mười phút để gặp con, nhưng có lẽ một phần vì sợ tình cha con làm ông quên mất câu dặn dò ông chuẩn bị sẵn từ nhà. Ông sợ không kịp nói điều mình muốn nói.

Họ đã nói gì với ông? Họ đã nói gì về hắn? Lòng hắn quặn lại. Tóc ông lơ thơ, xơ trắng xuống trán. Không phải vàng trán rộng và thanh thân mà hắn quen thuộc từ khi chưa nói sõi. Trông ông già sạm đi đến mười lăm tuổi.

- Con cố gắng hồi cải. Đừng bao giờ cãi lại các anh quản lý...

Hắn nghẹn đắng trong cổ. Hắn đã mong chờ ông cháy bỏng đến chừng nào. Hắn mong chờ ông đến không phải để nghe những lời giáo huấn.

- Con không làm gì nên tội... – Hắn gào lên như thế.

Người quản giáo dường như đã lường trước, tóm ngay lấy cổ hắn, đẩy vào phía trong. Hắn giãy rụa tuyệt vọng. Vô ích. Hắn chỉ nghe văng vẳng những lời cha hắn nghẹn ngào:

- Con ơi, cố gắng hồi cải... Các anh ấy khoan hồng...

III

Mấy chục con người như bưng tỉnh trước rừng huyết đàn mỏng mỏng, phủ kín bờ cát, chạy sát tới bờ biển. Bọn hắn cũng ùa chạy lên bãi biển. Tiếng lá rền rĩ trong gió cát. Tiếng rền rĩ không bao giờ ngừng, nghe như tiếng trẻ con khóc, buồn đứt thịt. Lúc đó hắn chợt nghĩ như thế. Bây giờ, khi hắn tin đó thực sự là tiếng khóc thì đã quá muộn, tiếng khóc đã trở thành ký ức xa xôi. Bây giờ trên cả một triền đảo rộng bát ngát chỉ còn trơ lại những cái gốc đen đui nhô lên trên cát trắng.

Người ta dẫn bọn hắn đến một cái trại làm bằng gỗ huyết đàn, mái lợp phen nửa. Mỗi người một cái chõng cũng bằng gỗ huyết đàn. Hai cái giá dài chạy dọc vách, được ngăn ra từng khoang. Hắn đặt những đồ đạc cá nhân lên đó.

Một đồng riu trước trại. Bọn hắn xếp hàng, lần lượt lên nhận. Số phận run rủi cho hắn cây riu Thượng. Chính hắn khi ấy cũng không biết rằng ở đây cây riu tốt là một báu vật. Nhờ nó, hắn sẽ đỡ bao nhiêu công sức.

Buổi sáng, bọn hắn dậy trước khi mặt trời mọc, tập trung ăn trước trại, uống nước lá trong một cái chảo lớn rồi xách riu ra đi.

Huyết đàn là thứ cây thân trắng như bạch dương, vỏ trắng mịn như da thịt đàn bà. Hắn không sao quên được nhát riu đầu tiên. Gỗ huyết đàn mềm và ẩm ướt, thớ đỏ au như thớ thịt. Nhựa cây cũng đỏ, vì thế gọi là huyết đàn. Hắn giật bắn cả người khi thân cây non tơ rừng mình nghiêng xuống...

Bấy giờ hắn vẫn còn hy vọng. Hắn phản đối, nài nỉ, cầu xin. Hắn khóc. Hắn chỉ còn thiếu quỳ mọp xuống để mà giải thích. Còn họ thì lắc đầu. Họ xua tay, chỉ về phía rừng huyết đàn.

- Hãy lao động. Chỉ có lao động mới làm con người trở nên cao thượng – Tay đội trưởng nói vậy, có lẽ đã một nghìn lần.

Chưa bao giờ hắn trông thấy một khuôn mặt hiền từ một cách bất động như thế. Giọng trầm trầm, mắt chớp chớp chân thành và xúc động, anh ta buồn bã lắc đầu.

- Không phải thế! Các anh nhầm rồi! Không phải thế! – Hắn gào lên, nước mắt ràn rụa trên mặt, có lẽ cũng đã một nghìn lần.

Không phải thế! Các anh nhầm rồi! Không phải thế!

Họ lại lắc đầu. Không ai đáp lại.

Một hôm, đột nhiên hắn hiểu ra. Người đội trưởng ấy có quyền nghe, nhưng anh ta không có quyền hiểu. Ai có quyền hiểu? Chẳng có ai cả. Chẳng ai có quyền hiểu gì hết. Chính hắn cũng không hiểu điều đang xảy ra với mình. Cũng như những người đang chặt gỗ với hắn kia, họ không hiểu điều gì đang xảy ra với họ. Ai hiểu? Ai hiểu? Chỉ có những con sóng lừng lững trườn lên bãi cát.

“Hãy lao động. Chỉ có lao động mới làm con người trở nên cao thượng” – Những tiếng ấy vang lên ong ong trong tai hắn.

Đã bấy năm nay, từ sáng sớm khu rừng đã vang lên tiếng riu các bụi, các bụi. Những tiếng riu chắc nịch, thành thực và vô cảm. Như tiếng riu của hắn. Những đường riu loang loáng. Những bộ mặt đen hốc hác. Những cái gáy cạo trọc.

Bấy năm nay bọn hắn dậy trước khi mặt trời mọc. Sau những cái xua tay của họ, hắn vác riu ra đi. Chiếc riu Thượng sắc như nước, cán đen bóng như sừng.

IV

Cũng như hắn, những cây huyết đàn tội nghiệp kia có tội tình gì?

Hôm đầu tiên, sau nhát riu đầu tiên ấy, hắn thấy chóng mặt. Rồi đột nhiên đau bụng. Một cơn đau bụng quằn quại khiến hắn phải ngồi phịch xuống đất mà thở hổn hển hồi lâu. Khi cơn đau dịu đi, hắn ôm quần đi lên đỉnh đồi.

Dãy nhà tiêu nằm bên kia đồi, hắn phải vòng qua cái chòi trên đỉnh. Hắn quần quai lê lên đó.

Tiếng chó sủa vang. Lũ chó săn được nhốt trong chòi. Chó Lu, sau này hắn biết thế.

Có thể cái chòi đã từng là một ngôi nhà, nhưng mái đã bị gió bão cuốn đi từ bao giờ không ai biết nữa, chỉ còn lại bốn bức tường xây bằng đá hộc. Ông đầu bếp ngày hai lần lên đó, đem cho lũ chó săn những thức ăn thừa và thứ cháo loãng nấu bằng vỏ sắn. Gọi là chó săn, thực ra đó chỉ là một thứ chó Lu đàn độn, chân và đuôi ngắn, mõm như mõm lợn. Và người ta cũng nuôi chúng như một thứ lợn thịt. Thỉnh thoảng, sau khi bóc xong một tàu gỗ, hoặc vào những ngày mưa bão không đi làm được, hoặc những khi tay đội trưởng nổi hứng, người ta giết một con chó và say sưa đến tận chiều.

Dãy nhà tiêu đắp bằng đất đỏ, vách cũng làm bằng cành huyết đàn. Gió biển thổi vào ù ù, ném cát ràn rạt vào mông. Hắn ngồi mới được vài phút thì giật bắn người. Một con rắn lớn rơi bịch ngay trước mặt. Một con rắn hổ mang. Hắn cảm thấy toàn thân lạnh toát. Hắn nghệt thờ, bắt giắc lùi lại, lùi mãi, ép mạnh đến nỗi những cành huyết đàn trên vách hắn sâu vào lưng. Mười phút. Mười lăm phút, hoặc có thể hơn. Hắn đứng lom khom, hai tay bám vào hai cành cây khô, mắt không một giây rời khỏi con vật. Hai mang bành ra như bàn tay người lớn, con vật ngẩng đầu nhìn hắn như muốn tìm hiểu một vật gì kỳ lạ. Không tiến lên, nó cũng chẳng hề có ý định bỏ đi. Khe khẽ lắc lư cái đầu kỳ dị với đôi mắt nhỏ xíu, nó như đang ngẫm nghĩ về một điều gì xa xôi. Hắn buột miệng thì thầm “Rắn ơi, tao có tội tình gì đâu”.

Thật kinh ngạc, cái đầu con rắn dừng lại. Hình như nó hiểu ra một điều gì đó. Con rắn nhìn hắn một hồi lâu rồi nhẹ nhàng trườn đi lúc nào không biết.

Từ hôm đó, đi đâu hắn cũng mang theo chiếc riu.

Hôm đó, hắn nghĩ mình gặp may. Nhưng về sau, hắn lại nghĩ thực sự con rắn kia đã hiểu. Có khi đó chính là rắn thần. Có lẽ thần không hài lòng khi con người đến tàn phá vương quốc của thần. Hắn tự nhủ sẽ không chặt thêm một cây nào nữa. Những cây huyết đàn kia có tội tình gì? Cũng như hắn, hắn có tội tình gì?

Nhưng hắn đã không thể nào thoát nỗi sợi dây xích vô hình, một sợi xích dài vô tận. Sợi dây xích của nỗi sợ. Của sự hèn nhát. Của thói quen. Và của cả niềm hy vọng. Ngày nào bọn hắn cũng dậy cùng tiếng keng đầu tiên vang lên từ phía nhà bếp. Ăn sáng. Uống nước trong cái chảo. Rồi đi. Những bước chân chuệnh choạng vì thiếu ngủ.

Chiếc riu Thượng loang loáng bồ xuống, những nhát riu ngắn, ngày càng thành thực, chắc nịch. Ngọn núi gỗ trước trại mỗi ngày cao thêm một chút, cho đến khi được bóc xuống tàu, rồi lại cao dần như núi...

Từ lâu hắn không còn phản đối. Không còn nài nỉ. Không còn cầu xin. Thậm chí không còn nhớ nữa. “Hãy lao động. Chỉ có lao động mới làm con người trở nên cao thượng” – Tay đội trưởng vẫn lặp đi lặp lại bằng cái giọng trầm trầm quen thuộc, nhưng hắn không còn nghe nữa. Hắn nhìn những gốc huyết đàn đen đũi nhô lên trên cát trắng.

Bãi cát rộng mênh mông, chạy dài ven bờ biển.

Biển rộng vô cùng.

V

Cổ khô và bỏng rát. Hấn nhỏ một bãi nước bọt vào lòng bàn tay. Bãi nước bọt trắng đục, rơi lả lả như vôi bột.

Hấn nhặt một chiếc vỏ ốc, ném về phía biển. Nó quay tròn, quay tròn rồi rơi xuống cát, không tiếng động. Những con sóng vẫn lằm lằm li trườn lên bãi. Dưới chân hấn, cái riu nằm chổng trơ. Đột nhiên hấn cảm thấy một sự im lặng kỳ lạ. Không còn tiếng sóng vỗ, không còn những tiếng riu. Không còn tiếng gió thổi. Không còn bất kỳ tiếng động nào.

Trong những giây đầu tiên, hấn không kịp hiểu điều gì đã xảy ra. Và có lẽ hấn cũng không bao giờ hiểu được. Thậm chí hấn cũng không kịp sợ hãi. Hấn chỉ cảm thấy kinh ngạc, một cảm giác gần giống như là sự tê liệt. Hình như hấn vừa kêu lên, nhưng hấn không nghe thấy tiếng mình. Hình như hấn gọi to một ai đó, nhưng chính hấn cũng không biết mình vừa gọi ai. Tiếng kêu mất hút trước khi ra khỏi miệng hấn, tan biến vào thinh không, không vọng lại bất cứ một dư âm gì. Xung quanh là một bầu im lặng tuyệt đối. Một sự im lặng tuyệt đối mà chưa từng có ai trên đời này được biết. Không còn tiếng sóng vỗ, không còn những tiếng riu. Không còn tiếng gió thổi. Không còn bất kỳ tiếng động nào.

Đến lúc ấy, một cơn sợ hãi mới choàng lấy hấn. Chân tay bủn rủn, hấn gằn như khuyu xuống. Một ý nghĩ khủng khiếp vụt đến trong đầu: hay là hấn đã chết? Hấn đã chết? Trời ơi, hấn đã chết thật rồi. Hấn đã chết! Hấn đã chết. Chắc chắn là hấn đã chết. Bầu im lặng rùng rợn kia chính là bầu im lặng trong mồ!

Trong cơn hoảng loạn, hấn nhìn ra xa. Thật kỳ lạ, hấn vẫn nhìn thấy rõ mồn một tất cả mọi thứ xung quanh: cánh rừng, bãi biển, con đường mòn dẫn về cửa trại và đi ngược lên sườn đồi. Hấn vẫn hình dung thấy những đường riu loang loáng, những bộ mặt gầy đen, những cái gáy cạo trọc. Hấn vẫn trông thấy dòng nhựa đỏ như máu ràn rụa trên lớp vỏ huyết đàn.

VI

Vậy sự im lặng kỳ lạ này nghĩa là gì?

Hấn vùng dậy. Hấn chạy. Hay đúng là hấn đã chết thật rồi? Hấn chạy mà cảm thấy đất dưới chân đang sụt lở. Đôi chân không còn nghe theo ý hấn. Hấn chạy. Chạy mãi. Hoá ra hấn chạy đến với những đường riu. Từ xa, hấn nhận ra cái dáng nhỏ thó của thằng Lộ. Những khuôn mặt bám đầy bụi than, tóc bết lại vì mồ hôi, những khuôn mặt người chưa từng gằn gủi, nhưng thầy đều quen thuộc đối với hấn, đang trắng bọt ra dưới nắng chiều và gió cát. Cả khuôn mặt thằng Lộ cũng vậy. Thằng Lộ trở thành bạn hấn, thằng bạn duy nhất của hấn, từ khi hấn cứu nó khỏi một thân cây đang từ từ đổ xuống. Ở cái trại này không ai cời mở với ai. Thế nhưng sau trận ấy, Lộ cũng kể cho hấn đôi điều. Mồ côi cả cha lẫn mẹ từ thời chưa biết mặc quần, Lộ lớn lên bằng thịt chuột đồng. “Nhưng vì sao mày phải đến đây?” Cả thằng Lộ cũng chẳng biết.

-Lộ, mày có nghe không, tao nói...- Hấn cố sức để gào lên như vậy.

Thằng Lộ không nghe thấy gì. Nó thản nhiên quay đi, đến ngồi trên một gốc huyết đàn. Khuôn mặt nó từ từ quay, lặng lẽ như quay một chiếc bản lề. Như thể nó đã điếc đặc. Hoặc không còn hiểu được tiếng người.

- Không phải thế! Không phải thế!

Những tiếng gầm thét không sao thoát được ra khỏi miệng. Hấn nhảy xổ đến, tóm lấy cổ thằng Lộ làm nó giật bắn người. Hấn đấm, đá, hấn cào cấu như điên như dại, còn thằng Lộ lúng túng chống đỡ. Nó hoa chân múa tay như một con rối, nhưng miệng vẫn không hề mấp má. Và hấn cũng không nghe tiếng thét của chính mình. Hấn hoàn toàn không còn cảm giác về âm thanh. Mọi âm thanh đều đã biến mất, như thể hấn đã không còn tồn tại.

Nắng đã tắt. Bầu không khí đầy hơi nước đã bắt đầu mờ đục, nhưng bầu trời thì vẫn còn trong vắt, cái trong vắt vô cùng vô tận, cái trong vắt đến rợn người.

Hấn ngã phịch xuống đất. Chưa bao giờ hấn thấy trời xa đến thế. Hấn chưa bao giờ tin vào Chúa Trời, nhưng bây giờ cầu mong có một Đấng linh thiêng toàn năng. Chúa Trời, liệu Chúa Trời có nghe những tiếng kêu khốn khổ của hấn hay không?

VI

Đột nhiên, hắn nhớ đến tay đội trưởng. Hắn muốn nghe thấy giọng nói của anh ta, cái giọng trầm trầm và xúc động mà mới đầu hắn đặt biệt bao hy vọng. “Hãy lao động. Chỉ có lao động mới làm con người trở nên cao thượng”. Hắn biết rằng bấy lâu nay anh ta vẫn còn nhắc đi nhắc lại câu nói ấy, tuy đã lâu lắm hắn không còn để ý.

Hắn ngồi bệt trước cửa trại, ngay trên đồng gỗ. Hắn chờ. Thực ra thì hắn có thể chạy tắt qua cánh rừng để đến gặp anh ta, nhưng hắn không còn đủ sức. Mà có đủ sức, hắn cũng không còn đủ can đảm. Hắn muốn òa khóc, nhưng nước mắt không sao ứa ra được. Những giọt nước mắt đã lâu không lắm không còn chảy trên gò má hắn. Những giọt nước mắt cuối cùng đã rơi, đã khô, đã thấm sâu vào cát dưới đồng gỗ cao như núi. Đồng gỗ chính tay hắn chặt.

Rừng huyết đàn ngày trước tiến sát đến chân đồi sau trại, trùm lên những tảng đá trắng tinh. Trại ngày trước lút trong vòm lá. Bây giờ trước trại, tiếp theo núi gỗ là một bãi trống rộng mênh mông. Đồng gỗ cũng tỏa ra mùi nhựa huyết đàn, thứ mùi tanh tưởi như mùi cá chết.

Hắn cảm thấy cái bóng của tay đội trưởng từ trước khi anh ta xuất hiện chỗ ngoặt của con đường rừng. Anh ta đã già, bây giờ hắn mới nhận ra điều đó. Lưng anh ta cong hẳn xuống. Cánh tay cầm rìu của anh ta đã nặng nề, gần như buông thõng. Theo sau anh ta là thằng Tòng, thằng Bảo rồi đến những người khác. Họ đi làm lũi thành hàng một, chậm chạp, ủ dột. Không thấy thằng Lộ đâu.

Trong lòng hắn bỗng lại trào lên một niềm hy vọng vô căn cứ, dù hai hàm răng run lên từng đợt. Hắn mơ hồ chờ đợi một điều gì đó, có thể là một sự thay đổi trên khuôn mặt anh ta – dù sao thì anh ta cũng là một con người. Ít nhất, anh ta cũng có thể nói câu nói muôn thưở của mình, với cái giọng trầm trầm, với cái xua tay buồn bã.

Họ đi đến cạnh núi gỗ thì dừng lại. Hắn chợt nhớ đã là cuối tháng. Ngày mai tàu sẽ đến bốc hàng.

Không còn chịu đựng nổi nữa, hắn lao xuống từ đồng gỗ. Hắn vấp, hắn ngã rồi lại vùng lên, lại chạy. Những thân gỗ lăn xuống phía sau lưng. Hắn lao đến trước mặt đám người. Bãi cát mênh mông đã hóa màu đỏ rực trong ánh hoàng hôn cháy đỏ. Cả khuôn mặt hắn cũng đỏ.

Nhưng hắn bắt giác lùi lại như khi hắn lùi lại trước con rắn độc. Tất cả các khuôn mặt đều bất động. Thằng Tòng, thằng Bảo. Những không mặt như đúc bằng đá.

Người đội trưởng nhẹ nhàng gỡ tay hắn. Thản nhiên, cả đoàn người đi qua trước mặt.

VIII

Hắn nhồm dậy khi trời đã tối. Phải một lúc lâu sau hắn mới biết phải làm gì. Dưới ánh trăng, hắn chạy về trại. Vẫn bầu im lặng rừng rợn. Hắn thắp lên một ngọn nến và đứng sững giữa những chiếc chõng. Hai mươi bảy chiếc cả thảy. Những chiếc màn nâu nhàu nát, loang lổ, tanh tanh mùi nhựa cây và mồ hôi, giờ lẫn vào bóng đêm, chỉ mờ mờ lay động trong ánh sáng chập chờn đổ quạch của thứ nến rẻ tiền. Những chiếc rìu lớn chất đồng ngay dưới chân. Hắn đặt cây nến lên một khúc gỗ, xách rìu, từ từ tiến lại. Chẳng rõ sự kinh tởm hay lòng căm thù khiến máu trong người hắn sôi lên. Bằng tất cả sức lực của mình, hắn bỏ một nhát vào chiếc thùng cứu hoả.

Nước phọt ra như xối. Những con người đã hoá đá kia, hắn phải cho chúng một bài học, hắn phải cho chúng biết rằng im lặng cũng là một tội ác, và tội ác phải được trả bằng tội ác.

Chỉ bằng một cú nhảy hắn đã đâm sát chiếc chõng gần nhất. Lúc vung tay lên, hắn chợt nhận ra thằng Lộ và chỉ một khoảnh khắc đó cũng đủ cho thằng Lộ thoát chết. Lưỡi rìu chặt đứt thành chõng khiến nó đổ sập xuống rồi cắm ngập vào nền đất. Hắn lay mạnh, nhổ chiếc rìu lên. Thằng Lộ văng ra khỏi chiếc chõng, toàn thân mềm như bún, nằm sóng soài trên nền đất. Đầu ngoẹo sang một bên, miệng sùi bọt, nó vẫn tiếp tục ngủ.

Tới lúc này thì hắn hoá điên thực sự. Vừa gào thét không thành tiếng, hắn vừa lồng lộn chạy khắp trại như một con thú bị thương. Hắn nhảy thoăn thoắt qua những súc gỗ, dẫm vào vũng nước lênh láng từ chiếc thùng cứu hoả, đạp lên những chiếc chõng, đạp lên cả những thân người đang mê mị ngủ.

Một chiếc chõng hiện ra ngay trước mặt. Hấn vung riu lên và nó đổ sập xuống! Một chiếc chõng nữa. Một chiếc nữa. Những cái màn rách toạc. Chẳng mấy chốc, cả cái trại tan hoang như sau một trận đánh.

IX

Hấn đứng hồi lâu trong cái trại ngổn ngang đổ nát. Mặt trăng đã lặn, nhưng ánh sao mờ mờ cũng đủ để hấn nhận ra những thân người dọc ngang đủ kiểu. Họ vẫn ngủ như chết. Ngoài cửa sổ là con đường mòn dẫn lên đỉnh đồi. Đột nhiên hấn sực nhớ đến cái trại chó.

Hấn không biết mình đã ra khỏi trại như thế nào. Dưới bầu trời đầy sao, con đường mòn lấp lánh sáng. Hấn đi như chạy, tay vẫn không rời chiếc riu. Đó không còn là thói quen đơn thuần, mà đã trở thành một cách tự cân bằng.

Chẳng mấy chốc hấn đã lên đến đỉnh đồi. Gió lồng lộng thổi, ném từng đám cát vào mặt, nhưng bốn phía vẫn im phăng phắc. Hấn bỗng cảm thấy lo ngại. Hấn dừng lại mấy giây, nhưng rồi cũng lấy hết sức can đảm để bước qua cái cửa vòm.

Đúng như hấn lo ngại, lũ chó không còn ở đó. Chỉ có mùi phân chó bốc lên nồng nặc. Chúng biến đi đâu?

Hấn quăng cái riu xuống đất rồi từ từ tiến lại gần bức tường cho đến khi mặt hấn chạm vào đá lạnh. Cái đầu của con rắn hổ mang hiện ra, lắc lư nhìn hấn.

Chính hấn cũng không biết mình đã nói gì với bức tường, nhưng đột nhiên hấn cảm thấy nó khe khẽ cựa mình. Hấn không còn dám tin vào những giác quan của mình nữa. Ngay lúc đó có tiếng đá đang nứt ra khô khốc. Đó là thứ âm thanh đầu tiên hấn lại nghe thấy. Tiếp theo là một tiếng động long trời lở đất. Bức tường đổ ập xuống như thể nó được làm bằng cát. Những tảng đá lớn loang loáng lăn xuống chân đồi và trước mặt hấn hiện ra một khoảng trời nước bao la lấp lánh sao.

Gió ào ạt thổi lên khiến hấn như say. Hấn quay sang bên cạnh và tiếng thì thầm của hấn lại làm bức tường thứ hai đổ xuống. Khoảng trời rộng ra hơn nữa. Những vì sao nhiều hơn và sáng hơn cả trong những cơn mơ.

Nhưng khi bức tường thứ ba đổ xuống thì hấn hoảng sợ. Hấn mơ hồ cảm thấy như mình đang phạm vào một tội lỗi khủng khiếp. Hấn đang đứng giữa đỉnh đồi, trên đầu là trời sao, ba phía cũng là trời sao nhấp nhánh. Chỉ còn lại *bức tường cuối cùng*.

Hấn vùng chạy. Nhưng chỉ được mấy bước, hấn lại nghe mặt đất rung lên. Phía sau lưng, bức tường cuối cùng đã đổ.

Giấc ngủ kỳ lạ của ông Lương Tử Ban

Bay mãi miết, bay trong tâm lặng...

Gần sáng, không biết lần thứ mấy, ông Lương Tử Ban lại ngồi dậy và quyết định thử bài thuốc của dân biển(1).

Ký ức mờ tối và ẩm ướt bảo Lương Tử Ban rằng ông đã thức gần trắng đêm.

Những buổi tối mùa hè nóng nực và ẩm ướt như thế này, cái trần nhà mà bình thường ông vẫn có thể với tay tới càng thấp xuống. Ánh sáng hắt từ ngọn đèn đường soi rõ từng đàn bọ xít bay tíu tít vào ra. Chúng vào qua những lỗ gác cốp pha sát trần có từ khi xây dựng ngôi nhà mà chẳng hiểu vì sao người ta không trát lại.

Nhìn chăm chăm vào bầy bọ xít trên trần, ông tự hỏi, như một thói quen, chúng ở đâu đến?

Lương Tử Ban đã trải qua một cuộc đời chìm nổi, chẳng ai biết đã qua những đâu, nhưng chẳng còn gì trên đời mà ông không biết. Thế mà ông lại luôn luôn ngạc nhiên về lũ bọ xít này.

Phải có một lý do gì để chúng đến đây, như mật mồi gọi ong bướm, như phân súc vật quyến rũ bọ hung.

Trong căn phòng như cái hầm này có gì?

Một lần ông đã dùng chổi đập. Đó là một sai lầm chết người. Mùi hăng của những con bọ chết lập tức dâng lên nghẹt thở nhưng lại kích thích đồng loại của chúng kéo đến. Chúng tràn vào căn phòng như một cơn lũ.

Suốt đêm đó ông phải ngủ ngoài thềm.

Lương Tử Ban thử ngoáy đầu.

Những đốt sống cổ, những khớp xương vai kêu răng rắc. Đúng lúc đó ông quyết định thử bài thuốc của dân biển.

Ông ngả tám lưng ê ẩm xuống nền gạch và chợt hiểu ra rằng bài thuốc đó hoàn toàn không phải là đồn đại. Một cảm giác khoan khoái tràn ngập thân thể ông. Hơi lạnh của đất mơn trớn những chỗ da thịt lộ ra khiến ông có cảm giác như người đang khát được một hơi nước mát.

Nhưng còn một điều gì đó khác nữa làm ông ngỡ ngàng. Điều gì?

Ông nhìn quanh và chợt hiểu ra: trần nhà dường như cao hơn. Những con bọ xít trên trần trở nên bé li ti như một bầy kiến. Ông cũng không còn nhìn rõ những cái lỗ chớp pha đen đũi trên tường.

Ông nhắm mắt lại thưởng thức sự khoan khoái, rồi từ từ mở mắt ra để mình chứng cho sự khoan khoái ấy.

Đúng, niềm khoan khoái này, khoảng không gian tự do này là có thật. Để có nó, đâu có phải là điều khó khăn. Vậy mà đến tận hôm nay ông mới phát hiện ra!

Trong cuộc đời, nhiều khi ta bỏ qua những niềm hạnh phúc chỉ vì lười biếng và thụ động. Ông trầm nghĩ.

Ông cố tạo ra trong đầu một khoảng trống rỗng. Và ông tạo được thật. Một khoảng trống rỗng lằng lằng ông chưa từng biết trong cuộc đời trần tục của mình.

Phải một lúc lâu sau nghĩ ý nghĩ mới trở lại. Và lập tức ông nhớ ra một điều hệ trọng. Một ý nghĩ khiến ông mỉm cười:

- Này, Lương Tử Ban ơi, anh có thể làm gì nữa không?

- Có chứ.

- Vậy anh định làm gì?

- Anh thử đoán xem.

- Hãy xem nhé. Hãy xem rồi biết!

Lương Tử Ban tự nói với mình như thế, vừa nói vừa mỉm cười đắc thắng.

Ông lấy con dao rựa dưới gầm giường, cạy mấy viên gạch lát nền.

Gạch cũ, bờ bưng bực. Ông đào như một sự nhấm nháp, không vội vã nhưng cũng không lười biếng, giống như cách người ta nhấm nháp một cốc rượu ngon.

Chẳng mấy chốc ông đã dọn xong một khoảng rộng bằng chiếc chiếu con.

Chà! Ông reo lên khoái trá.

Cái gì thế kia. Cái trần nhà của ông đấy ư?

Đâu có, đó là một bầu trời.

Còn lũ bọ xít?

Chúng đã biến rồi. Chúng đã biến thành những vì sao nhỏ.

Những vì sao đen.

Những vì sao đen.

Chà chà! Ông lại reo lên lần nữa. Ông chống tay lên rồi thả cho rơi xuống.

Những hòn cuội và đá nhỏ lổn nhổn dưới lưng khiến ông cảm thấy như đang được tắm quất. Ông cởi hết quần áo.

Một hai, ba!

Một hai, ba!

Đã quá. Một thứ tắm quất tuyệt diệu. Ông lăn qua phải, qua trái, nằm sấp rồi nằm ngửa. Ông đấm lịch bạch xuống đất như những võ sĩ tập đấm trước khi vào trận.

- Này, Lương Tử Ban ơi, anh có định làm gì nữa không?

- Có chứ.
- Vậy anh định làm gì?
- Anh thử đoán xem.
- Hãy xem nhé. Hãy xem rồi biết!

Lương Tử Ban lại tự nói với mình như thế, vừa nói lại vừa mỉm cười đắc thắng.

Ông ra thềm, xách vào cái cuốc chim. Trong lòng, ông cũng vui như một con chim.

Khi vui, những nhát cuốc nhẹ nhàng như múa.

Càng xuống sâu đất càng ẩm và mềm. Lương Tử Ban ơi, đất ẩm và mềm! Chẳng mấy chốc ông đã đào xong một cái hố sâu ngang bụng.

Thử xem nào, ông quăng cái cuốc chim, thử nằm xuống hố.

Chà! Cái gì thế kia. Cái trần nhà của ông đấy ư? Đâu phải, bầu trời đó chứ, một bầu trời lồng lộng. Một bầu trời cao lồng lộng... Với những vì sao đang rì rào hát xa xăm.

Nhưng phải đào thêm nữa...

Lương Tử Ban vừa làm vừa hát thầm. Ông hoàn thành công trình của mình khi trời đã tang tảng sáng. Ông nằm xuống, thiếp đi một giấc ngon lành.

Đó là giấc ngủ lạ lùng nhất trong đời ông.

*

Những kẻ không am tường hoàn toàn sai lầm khi loan tin Lương Tử Ban tự đào huyết chôn mình.

(1): Bài thuốc của dân biển: Người thủy thủ nọ mắc một căn bệnh lạ, chân tay mềm nhũn, thuốc gì cũng không chữa khỏi. Người ta buộc phải chở anh ta về quê, coi như đem về để chôn cất.

Lúc được cáng lên bờ, anh ta bỗng tỉnh lại, đòi đi bộ. Chiều lòng kẻ hấp hối, người ta đặt anh ta xuống. Thế rồi như có phép lạ, chân vừa chạm đất bệnh tình của anh ta biến mất. Anh ta trở lại tàu và còn đi biển thêm hai mươi năm nữa.